

SỐ 1

KINH TRƯỜNG A-HÀM

長 阿 含 經

*Hán dịch: Phật Đà Da Xá và Trúc Phật Niệm*

## **PHẦN I**

- 1. KINH ĐẠI BẢN**
- 2. KINH DU HÀNH**
- 3. KINH ĐIỀN TÔN**
- 4. KINH XÀ-NI-SA**

# 1. KINH ĐẠI BẢN<sup>1</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở động Hoa lâm<sup>2</sup> vườn cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi khất thực<sup>3</sup>, tụ họp ở Hoa lâm đường<sup>4</sup>, cùng nhau bàn luận rằng:

“Các Hiền giả Tỳ-kheo, duy chỉ Đấng Vô Thượng Tôn, rất kỳ diệu, oai lực lớn lao, thần thông viễn đạt, mới biết rõ quá khứ vô số Đức Phật nhập Niết-bàn, dứt sạch các kết sử, tiêu diệt các hý luận và cũng biết rõ kiếp số các Đức Phật ấy dài hay ngắn, cho đến danh hiệu, dòng họ thác sinh, sự ăn uống, thọ mạng dài ngắn, cảm thọ lạc và cảm thọ khổ như thế nào<sup>5</sup>; lại biết rõ các Đức Phật ấy có giới như vậy, có pháp như vậy, có trí tuệ như vậy, có giải thoát như vậy, an trụ như vậy.

---

<sup>1</sup>. Bản Hán, *Phật Thuyết Trưởng A-hàm kinh*, Hậu Tần Hoằng Thủ niêm Phật-đà-da-xá cộng Trúc Phật Niệm dịch, “Đệ nhất phần sơ Đại Bản kinh Đệ nhất”, Đại I, tr.1a-10c. Tham chiếu: *Phật Thuyết Thất Phật kinh*, Tổng Pháp Thiền dịch (Đại I, No. 2, tr. 150); *Tỳ-bà-thi Phật kinh*, Tổng Pháp Thiền dịch (Đại I, tr.154); *Thất Phật Phụ Mẫu Tánh Tự kinh*, vô danh dịch (Đại I, No.4, tr.159). *Tăng Nhất A-hàm*, “Phẩm 4 Thập Bất Thiện”, (Đại II, tr.790). Tương đương Pāli: D.14 Mahāpadāna-suttanta (Deva. Dīg. II. 1), Việt: Trưởng I, tr.431 “kinh Đại Bổn”.

<sup>2</sup>. Hán: Hoa lâm quật (khố) 華林窟; Pāli, sđd.: Karerikuṭika, am cốc Kareri, ở trong khu vườn của ông Cấp Cô Độc.

<sup>3</sup>. Pāli, sđd.: pacchābhāttam piṇḍapātapaṭipakkantānam: ăn trưa xong sau khi khất thực về.

<sup>4</sup>. Hán: Hoa lâm đường 華林堂; Pāli, sđd.: Karerimandalanāle: trong sảnh đường hình tròn Kareri, viên đường Kareri.

<sup>5</sup>. Hán: sở canh khổ lạc 所更苦樂.

Thế nào, này chư Hiền? Đó là do Đức Như Lai thông rõ các pháp tính mà biết được hay do chư Thiên kể lại?"

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang ở chỗ thanh vắng, bồng thiền nhĩ thanh tịnh, nghe rõ các Tỳ-kheo luận bàn như thế, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Hoa lâm đường, ngồi vào chỗ ngồi dọn sẵn. Bấy giờ, Đức Thế Tôn tuy đã biết nhưng vẫn hỏi:

"Này chư Tỳ-kheo, các ngươi tụ tập nơi đây bàn luận chuyện gì?"

Các Tỳ-kheo bèn đem hết mọi việc bạch lại với Phật. Rồi thì, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

"Lành thay, lành thay! Các ngươi đã với tâm chánh tín<sup>6</sup> xuất gia học đạo, nên làm hai việc: một là nói năng theo pháp Hiền thánh, hai là im lặng theo pháp Hiền thánh. Những điều các ngươi luận bàn phải nên như thế. Như Lai thần thông oai lực lớn lao, biết khắp mọi việc từ vô số kiếp quá khứ, như thế là do thông rõ các pháp tính, đồng thời cũng do chư Thiên nói lại."

Bấy giờ Phật nói bài tụng:

*Tỳ-kheo họp pháp đường  
Giảng luận pháp Hiền thánh.  
Như Lai từ am vắng  
Nghe rõ bồng thiền nhĩ.  
Mặt trời Phật rọi khắp,  
Phân tích nghĩa pháp giới.  
Cũng biết việc quá khứ,  
Chư Phật<sup>7</sup> Bát-niết-bàn,  
Tên, dòng họ, chủng tộc.  
Cũng biết thọ sanh phần.  
Vị ấy ở nơi nào,  
Ghi nhận bồng tịnh nhẫn.  
Chư Thiên uy lực lớn,  
Dung mạo rất doan nghiêm,  
Cũng đến bẩm báo Ta*

<sup>6</sup>. Nguyên văn: bình đẳng tín 平等信; Pāli: sammasadha, Skt.: samaśraddha.

<sup>7</sup>. Nguyên văn: Tam-phật 三佛, tức Tam-phật-dà 三佛陀 (Skt.: Sambuddha): Chánh Giác 正覺.

*Chư Phật Bát-niết-bàn,  
Chỗ sinh, tên, chủng tộc  
Âm thanh vi diệu tở<sup>8</sup>.  
Đấng Chí Tôn trong đời  
Biết rõ Phật quá khứ.*

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo! Các ngươi có muốn Như Lai, bằng trí túc mạng biết nhân duyên của chư Phật quá khứ, nói cho nghe chăng?”

Các Tỳ-kheo liền bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nay chính là lúc. Chúng con muốn nghe. Lành thay, Thế Tôn, lúc này thích hợp để giảng thuyết. Chúng con phụng hành.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe, hãy suy gẫm kỹ. Ta sẽ phân biệt giải thuyết cho các ngươi nghe.”

Lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời, lắng nghe.

Phật nói:

“Này các Tỳ-kheo! Quá khứ cách đây chín mươi mốt kiếp có Đức Phật hiệu là Tỳ-bà-thi<sup>9</sup>, Như Lai, Chí Chân, xuất hiện ở thế gian.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, trong quá khứ cách đây ba mươi mốt kiếp có Đức Phật hiệu là Thi-khí<sup>10</sup>, Như Lai, Chí Chân, xuất hiện ở thế gian.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, cũng trong ba mươi mốt kiếp đó có Đức Phật hiệu là Tỳ-xá-bà<sup>11</sup> Như Lai, Chí Chân, xuất hiện ở thế gian.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, trong hiện kiếp này có Phật hiệu là Câu-lưu-tôn, Câu-na-hàm, Ca-diếp<sup>12</sup>. Ta nay cũng ở trong hiện kiếp này mà thành Tối chánh giác.”

<sup>8</sup>. Nguyên văn: ai loan âm tận tri 哀 鶯 音 盡 知; ai loan âm 哀 鶯 音: Ca-lăng-tần-già âm 迦 菱 頻 伽 音 tiêng chim Kalavinka (một loại sáo).

<sup>9</sup>. Tỳ-bà-thi 毘婆尸; Pāli: Vipassi.

<sup>10</sup>. Thi-khí 戲 爪; Pāli: Sikkhin.

<sup>11</sup>. Tỳ-xá-bà 毘 舍 婆 浮 hay Tỳ-xá-phù 毘 舍 浮; Pāli: Vessabhū.

<sup>12</sup>. Hiện kiếp 賢 劫; Pāli: Bhaddakappa. Câu-lưu-tôn 拘 留 孫 hay Câu-lâu-tôn 拘 樓 孫; Pāli: Kakusandha. Câu-na-hàm 拘 那 含; Konāgamana. Ca-diếp 迦 葉; Pāli: Kassapa.

Bấy giờ, Phật nói bài tụng:

*Qua chín mươi mốt kiếp  
Có Phật Tỳ-bà-thi.  
Ba mươi mốt kiếp kế  
Có Phật hiệu Thi-khí.  
Cũng ở trong kiếp này,  
Xuất hiện Phật Tỳ-xá.  
Nay trong Hiền kiếp này,  
Vô số na-duy tuổi<sup>13</sup>,  
Có bốn Đại Tiên Nhân,  
Xuất hiện vì thương đời:  
Câu-lưu-tôn, Na-hàm,  
Ca-diếp, Thích-ca Vă.*

“Các ngươi nên biết, thời Đức Phật Tỳ-bà-thi, nhân loại sống đến tám vạn tuổi; thời Đức Phật Thi-khí, nhân loại sống đến bảy vạn tuổi; thời Đức Phật Tỳ-xá-bà, nhân loại sống đến sáu vạn tuổi; thời Đức Phật Câu-lưu-tôn, nhân loại sống đến bốn vạn tuổi; thời Đức Phật Câu-na-hàm, nhân loại sống đến ba vạn tuổi; thời Đức Phật Ca-diếp, nhân loại sống đến hai vạn tuổi và nay Ta ra đời, nhân loại sống đến một trăm tuổi, tăng thì ít mà giảm thì nhiều<sup>14</sup>”

Rồi Phật nói bài tụng:

*Người thời Tỳ-bà-thi,  
Thọ tám vạn bốn ngàn,  
Người thời Phật Thi-khí  
Thọ mạng bảy vạn tuổi.  
Người thời Tỳ-xá-bà  
Thọ mạng sáu vạn tuổi.  
Người thời Câu-lưu-tôn  
Thọ mạng bốn vạn tuổi.  
Người thời Câu-na-hàm  
Thọ mạng ba vạn tuổi.*

<sup>13</sup>. Na-duy 那維; Pāli: nahuta; Skt.: niyuta; ni-do-đa nguyên 尼由多元, na-do-tha 那由他, na-dūu-đa 那庾多, na-do-đa 那由多; số đếm, tương đương một triệu.

<sup>14</sup>. Nguyên văn: thiểu xuất đa tiến giảm 少出多漸減; D.14. appam vā bhiyyo.

*Người thời Phật Ca-diếp  
Thọ mạng hai vạn tuổi.  
Người thời Ta hiện nay  
Tuổi thọ không quá trăm.*

“Đức Phật Tỳ-bà-thi sinh về dòng Sát-ly<sup>15</sup>, họ Câu-ly-nhã<sup>16</sup>. Phật Thi-kí và Phật Tỳ-xá-bà, dòng họ cũng vậy. Phật Câu-lưu-tôn sinh về dòng Bà-la-môn họ Ca-diếp<sup>17</sup>. Phật Câu-na-hàm, Phật Ca-diếp, dòng họ cũng vậy. Còn nay Ta, Như Lai, Chí Chân thì sinh về dòng Sát-ly, họ Cù-dàm<sup>18</sup>. ”

Phật lại nói bài tụng:

*Tỳ-bà-thi Như Lai,  
Thi-kí, Tỳ-xá-bà,  
Ba vị Đăng Chánh Giác,  
Sinh họ Câu-ly-nhã.  
Ba Đức Như Lai kia,  
Sinh vào họ Ca-diếp  
Ta nay, Bậc Vô Thượng,  
Dẫn dắt các chúng sanh,  
Bậc nhất trong trời người,  
Họ Cù-dàm dũng mãnh.  
Ba Đăng Chánh Giác đầu,  
Sinh vào dòng Sát-ly.  
Ba Đức Như Lai sau  
Thuộc dòng Bà-la-môn.  
Ta nay Đăng Tối Tôn,  
Dòng Sát-ly dũng mãnh.*

“Đức Phật Tỳ-bà-thi ngồi dưới cây Ba-ba-la<sup>19</sup> chứng thành Bậc Tối

<sup>15</sup>. Sát-ly, hoặc Sát-đế-ly 刹帝利; Pāli: Khattiya, Skt.: Kṣatriya.

<sup>16</sup>. Câu-ly-nhã 拘利若; các bản Tống, Nguyên, Minh: Kiều-trần-như 橘陳如; Pāli: Kondañña.

<sup>17</sup>. Ca-diếp 迦葉; Pāli: Kassapa, Skt.: Kaśyapa.

<sup>18</sup>. Cù-dàm 翟曇; Pāli: Gotama.

<sup>19</sup>. Ba-ba-la 波波羅; các bản Tống Nguyên Minh (sẽ viết tắt TNM): Ba-bà-la 波婆羅; Pāli: Pāṭali.

Chánh Giác. Phật Thi-kí ngồi dưới cây Phân-đà-ly<sup>20</sup>, thành Bậc Tối Chánh Giác. Phật Tỳ-xá-bà ngồi dưới cây Sa-la<sup>21</sup> thành Bậc Tối Chánh Giác. Phật Câu-lưu-tôn ngồi dưới cây Thi-ly-sa<sup>22</sup> thành Bậc Chánh Giác. Phật Câu-na-hàm ngồi dưới cây Ô-tạm-bà-la<sup>23</sup> thành Bậc Chánh Giác. Phật Ca-diếp ngồi dưới cây Ni-câu-luật<sup>24</sup> thành Bậc Chánh Giác.

Ta nay, Như Lai, Chí Chân, ngồi dưới cây Bát-đa<sup>25</sup> thành Bậc Chánh Giác.”

Rồi Phật nói bài tụng:

*Tỳ-bà-thi Như Lai  
Đi đến cây Ba-la  
Và ngay tại chỗ ấy  
Đắc thành Tối chánh giác.  
Thành đạo, dứt nguồn hữu.  
Tỳ-xá-bà Như Lai  
Ngồi dưới gốc Sa-la  
Đắc giải thoát tri kiến.  
Thần túc không trở ngại,  
Câu-lưu-tôn Như Lai  
Ngồi gốc Thi-ly-sa  
Vô nhiễm, vô sở trước.  
Câu-na-hàm Mâu-ni  
Ngồi dưới gốc Ô-tạm  
Và ngay tại chỗ ấy  
Diệt các tham, ưu não.  
Đức Ca-diếp Như Lai  
Ngồi dưới Ni-câu-luật  
Và ngay tại chỗ ấy*

<sup>20</sup>. Phân-đà-ly 分 隣 利; Pūṇḍarīka, một loại sen.

<sup>21</sup>. Bà-la 婆 羅; các bản Tống, Nguyên, Minh: Bác-lạc-xoa 博 洛 叉; Pāli: Sāla.

<sup>22</sup>. Thi-ly-sa 尸 利 沙, dịch là hoa Hợp hôn, Hợp hoan; Pāli: Sirīsa.

<sup>23</sup>. Bản Cao ly: Ô-tạm-bà-la 烏 暫 婆 羅; TNM: Ưu-đàm-bà-la 優 曼 婆 羅, dịch là hoa Linh thụy 零 瑞; Pāli: Udumbara.

<sup>24</sup>. Ni-câu-luật 尼 拘 律; TNM: Ni-câu-loại 尼 拘 類; Pāli: Nigrodha.

<sup>25</sup>. Bát-đa 鉢 多; Pāli: Assattha, Skt.: Aśvattha.

*Trù diệt gốc rễ hữu.  
Ta nay, Thích-ca Văn  
Ngồi dưới cây Bát-đà  
Đấng Như Lai, mười lục,  
Đoạn diệt các kết sử,  
Hàng phục đám ma oán,  
Diễn ánh sáng giữa chúng.  
Bảy Phật, súc tinh tấn,  
Phóng quang, diệt tăm tối;  
Mỗi mỗi ngồi gốc cây,  
Ở đó thành Chánh giác.*

“Đức Phật Tỳ-bà-thi có ba hội thuyết pháp: hội đầu có mười sáu vạn tám ngàn đệ tử; hội hai có mười vạn đệ tử; hội ba có tám vạn đệ tử. Phật Thi-kí cũng có ba hội thuyết pháp: hội đầu có mười vạn đệ tử; hội thứ hai có tám vạn đệ tử; hội thứ ba có bảy vạn đệ tử. Phật Tỳ-xá-bà có hai hội thuyết pháp: hội đầu có bảy vạn đệ tử; hội thứ hai có sáu vạn đệ tử. Đức Câu-lưu-tôn Như Lai, một hội thuyết pháp, đệ tử bốn vạn người. Đức Câu-na-hàm Như Lai, một hội thuyết pháp, đệ tử ba vạn người. Đức Ca-diếp Như Lai, một hội thuyết pháp, đệ tử hai vạn người. Ta nay một hội thuyết pháp, đệ tử một ngàn hai trăm năm mươi người.”

Bấy giờ Phật nói bài tụng rằng:

*Tỳ-bà-thi tên Quán,  
Trí tuệ không thể lường,  
Thấy khắp<sup>26</sup>, không sợ hãi,  
Ba hội chúng đệ tử.  
Thi-kí, sáng, bất động,  
Diệt trừ các kiết sử,  
Vô lượng đại oai đức,  
Không thể trắc lượng được,  
Ngài cũng có ba hội,  
Tụ hội các đệ tử.*

<sup>26</sup> Hán: biến kiến 遍見, thấy khắp; do hiệu Phật Vipassin (Pāli) hay Vipasyin (Skt.), cũng được dịch: quán, kiến, thăng quán, diệu quán sát, chủng chủng quán.

Tỳ-xá-bà đoạn kết<sup>27</sup>,  
 Đăng Đại Tiên tụ hội,  
 Tiếng tăm khắp các phương,  
 Pháp mầu được tán thán;  
 Chúng đệ tử hai hội,  
 Diện rộng nghĩa thâm áo.  
 Câu-lưu-tôn một hội,  
 Thương xót trị các khổ,  
 Đạo Sư dạy chúng sanh,  
 Chúng đệ tử một hội.  
 Câu-na-hàm Như Lai,  
 Bậc Vô Thương cũng vậy,  
 Thân sắc vàng ròng tía,  
 Dung mạo thảy toàn hảo,  
 Chúng đệ tử một hội,  
 Rộng diện pháp nhiệm mầu.  
 Ca-diếp, mỗi sợi lông<sup>28</sup>,  
 Nhất tâm không loạn tưởng,  
 Một lời không phiền trọng,  
 Chúng đệ tử một hội.  
 Năng Nhân Ý Tịch Diệt,<sup>29</sup>  
 Ta, Sa-môn họ Thích,  
 Chí Tôn, Trời trên Trời,  
 Có một hội đệ tử;  
 Hội ấy, Ta hiện nghĩa,  
 Quảng diện giáo thanh tịnh.  
 Trong tâm thường hoan hỷ,  
 Lậu tận<sup>30</sup>, không tái sinh,

<sup>27</sup>. Kết hay kết sử 結使, chỉ sự trói buộc hay thắt chặt của phiền não ô nhiễm; Pāli: samyojana.

<sup>28</sup>. Hán: nhất nhứt mao —— 毛 (*không rõ nghĩa*).

<sup>29</sup>. Năng Nhân Ý Tịch Diệt 能仁意寂滅, dịch nghĩa của Pāli: Sakya-muni hay Sakka-muni.

<sup>30</sup>. Lậu tận 漏盡: phiền não ô nhiễm đã cạn nguồn; Pāli: khīṇāsava.

*Tỳ-bà, Thi-khí, ba;  
Phật Tỳ-xá-bà, hai;  
Bốn Phật mỗi vị một  
Hội Tiên nhân diễn thuyết.*

“Đức Phật Tỳ-bà-thi có hai đệ tử là Khiên-trà<sup>31</sup> và Đề-xá<sup>32</sup>. Đức Phật Thi-khí có hai đệ tử là A-tỳ-phù và Tam-bà-bà<sup>33</sup>. Phật Tỳ-xá-bà có hai đệ tử là Phò-du và Uất-đa-ma<sup>34</sup>. Phật Câu-lưu-tôn có hai đệ tử là Tát-ni và Tỳ-lâu<sup>35</sup>. Đức Phật Câu-na-hàm có hai đệ tử là Thư-bàn-na và Uất-đa-lâu<sup>36</sup>. Đức Phật Ca-diếp có hai đệ tử là Đề-xá và Bà-la-bà. Còn nay Ta có hai đệ tử là Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên<sup>37</sup>.”

Bấy giờ, Phật nói bài tụng:

*Khiên-trà và Đề-xá  
Đệ tử Tỳ-bà-thi.  
A-tỳ-phù, Tam-bà,  
Đệ tử Phật Thi-khí.  
Phò-du, Uất-đa-ma,  
Bậc nhất hàng đệ tử.  
Cả hai hàng ma oán,  
Đệ tử Tỳ-xá-bà.  
Tát-ni và Tỳ-lâu,  
Đệ tử Câu-lưu-tôn.  
Thư-bàn, Uất-đa-lâu,  
Đệ tử Câu-na-hàm.  
Đề-xá, Bà-la-bà,*

<sup>31</sup>. Bản Cao ly: Khiên-trà 鬱茶; TNM: Khiên-dồ 鬱茶; Pāli: Khaṇḍa.

<sup>32</sup>. Đề-xá 提舍; TNM: Chất-sa 賚沙; Pāli: Tissa.

<sup>33</sup>. A-tỳ-phù 阿毗浮; Pāli: Abhibhū (Thắng giả). Tam-bà-bà 三婆婆; Pāli: Sambhava (Xuất Sanh).

<sup>34</sup>. Phò (phù)-du 扶遊; Pāli: Soṇa. Uất-đa-ma 鬱多摩 (Uttama); Pāli: Uttara.

<sup>35</sup>. Tát-ni 薩尼; Pāli: Sañjīva. Tỳ-lâu 毗樓; Pāli: Vidhūra.

<sup>36</sup>. Thư-bàn-na 舒盤那; *Thất Phật phụ mẫu tánh tự kinh* (Đại I, tr. 160a): Chuyển luân 轉輪; Pāli: Cakkavattī, Skt.: Cakravartin?); TNM: Uu-ba-tu-đa 優波斯多; Pāli: Bhiyyosa. Uất-đa-lâu 鬱多樓; Pāli: Uttara.

<sup>37</sup>. Xá-lợi (ly)-phất 舍利弗; Pāli: Sāriputta. Mục-kiền-liên 目犍連; Pāli: Moggallāna.

*Đệ tử Phật Ca-diếp.  
Xá-lợi-phất, Mục-liên,  
Bậc nhất đệ tử Ta.*

“Đức Phật Tỳ-bà-thi có vị đệ tử chấp sự<sup>38</sup> là Vô Uưu<sup>39</sup>; Phật Thi-kí có vị đệ tử chấp sự là Nhẫn Hành<sup>40</sup>; Phật Tỳ-xá-bà có vị đệ tử chấp sự là Tịch Diệt<sup>41</sup>; Phật Câu-lưu-tôn có vị đệ tử chấp sự là Thiện Giác<sup>42</sup>; Phật Câu-na-hàm có vị đệ tử chấp sự là An Hòa<sup>43</sup>; Phật Ca-diếp có vị đệ tử chấp sự là Thiện Hữu<sup>44</sup>; còn Ta có vị đệ tử chấp sự là A-nan<sup>45</sup>. ”

*Vô Uưu và Nhẫn Hành,  
Tịch Diệt và Thiện Giác,  
An Hòa và Thiện Hữu  
Thứ bảy là A-nan.  
Ấy là thị giả Phật  
Đây đủ các nghĩa thú;  
Ngày đêm không buông lung.  
Bảy Thánh đệ tử ấy  
Hầu tả hữu bảy Phật  
Hoan hỷ và cúng dường,  
Tịch nhiên vào diệt độ<sup>46</sup>.*

“Đức Phật Tỳ-bà-thi có con tên Phương Ưng<sup>47</sup>. Phật Thi-kí có con tên Vô Lượng. Tỳ-xá-bà có con tên Diệu Giác. Câu-lưu-tôn có con

<sup>38.</sup> Chấp sự đệ tử 執事弟子 tức đệ tử thi giả, Tỳ-kheo hầu cận; Pāli: Bhikkhu upatthāka aggupatthāka.

<sup>39.</sup> Vô Uưu 無優; *Thất Phật phu mẫu*, sđd.: A-thâu-ca 阿輸迦; Pāli: Asoka.

<sup>40.</sup> Nhẫn Hành 忍行, *Thất Phật phu mẫu*, sđd.: Sát-ma-ca-rô 殺摩迦嚕; Pāli: Khemamkara.

<sup>41.</sup> Tịch Diệt 寂滅, *Thất Phật*, sđd.: Ô-ba-phiến-đổ 烏波扇睹; Pāli: Upasanta.

<sup>42.</sup> Thiện Giác 善覺, *Thất Phật*, sđd.: Một-dề-du 沒提逾; Pāli: Buddhija.

<sup>43.</sup> An Hòa 安和, *Thất Phật*, sđd.: Tô-rô-dế-lý-dã 蘇嚕帝里野; Pāli: Sotthija.

<sup>44.</sup> Thiện Hữu 善友, *Thất Phật*, sđd.: Tát-lý-phạ-mị-dát-ra 薩里縛毘怛囉; Pāli: Sabbamitta.

<sup>45.</sup> A-nan 阿難; Pāli: Ānanda.

<sup>46.</sup> Tịch nhiên 寂然, TNM: tịch diệt 寂滅.

<sup>47.</sup> Phương Ưng 方膺, Vô Lượng 無量, Diệu Giác 妙覺, Thượng Thắng 上勝, Đạo Sư 道師; không tìm thấy Pāli tương đương.

tên Thượng Thắng. Câu-na-hàm có con tên Đạo Sư. Ca-diếp có con tên Tập Quân<sup>48</sup>. Ta nay có con tên là La-hầu-la<sup>49</sup>. ”

Phật lại nói bài tụng:

*Phương Ưng và Vô Lượng,  
Diệu Giác và Thượng Thắng,  
Đạo Sư và Tập Quân,  
Thứ bảy La-hầu-la.  
Các con hào quý ấy  
Nối dõi hạt giống Phật;  
Yêu Pháp, ưa bố thí,  
Trong Thành pháp, vô úy.*

“Đức Phật Tỳ-bà-thi có cha tên Bàn-đầu<sup>50</sup>, dòng vua Sát-ly; mẹ tên Bàn-đầu-bà-đề<sup>51</sup>. Quốc thành của vua trị tên là Bàn-đầu-bà-đề<sup>52</sup>. ”

Phật bèn nói bài tụng:

*Biến Nhãn<sup>53</sup>, cha Bàn-đầu,  
Mẹ Bàn-đầu-bà-đề.  
Thành Bàn-đầu-bà-đề,  
Phật thuyết pháp trong đó.*

“Đức Phật Thi-kí có cha tên Minh Tướng, dòng vua Sát-ly; mẹ tên Quang Diệu; quốc thành vua cai trị tên là Quang tướng<sup>54</sup>. ”

Phật lại nói tụng:

*Thi-kí, cha Minh Tướng,  
Mẹ tên gọi Quang Diệu;  
Ở trong thành Quang tướng,  
Uy đức đẹp ngoại địch.*

<sup>48</sup>. Tập Quân 集軍, các bản TNM: Tiến Quân 進軍.

<sup>49</sup>. La-hầu-la 羅侯羅; Pāli: Rāhula.

<sup>50</sup>. Bàn-đầu 盤頭, các bản TNM: Bàn-đầu-ma-đa 盤頭摩多; Pāli: Bandhumant.

<sup>51</sup>. Bàn-đầu-bà-đề 盤頭婆提; TNM: Bàn-đầu-ma-na 盤頭摩那; Pāli: Bandumati.

<sup>52</sup>. Xem cht. 51.

<sup>53</sup>. Xem cht. 26.

<sup>54</sup>. Minh Tướng 明相; Pāli: Aruna. Quang Diệu 光耀; Pāli: Pabhāvati. Quang Tướng 光相; Pāli: Aruṇavatti.

“Đức Phật Tỳ-xá-bà có cha tên Thiện Đăng, dòng vua Sát-ly; mẹ tên Xưng Giới, quốc thành vua cai trị tên Vô du<sup>55</sup>. ”

Phật nói tụng:

*Cha Phật Tỳ-xá-bà,  
Vua Sát-ly Thiện Đăng;  
Mẹ tên gọi Xưng Giới;  
Quốc thành tên Vô du.*

“Đức Phật Câu-lưu-tôn có cha tên Tự Đắc<sup>56</sup>, dòng Bà-la-môn; mẹ tên Thiện Chi; vua tên An Hòa và quốc thành cũng theo đó mà có tên là An hòa<sup>57</sup>. ”

*Bà-la-môn Tự Đắc,  
Mẹ tên gọi Thiện Chi.  
Vua tên là An Hòa,  
Cai trị thành An hòa.*

“Đức Phật Câu-na-hàm có cha tên Đại Đức, dòng Bà-la-môn; mẹ tên Thiện Thắng, vua tên Thanh Tịnh và quốc thành này cũng theo đó mà có tên là Thanh tịnh<sup>58</sup>. ”

*Bà-la-môn Đại Đức,  
Mẹ tên là Thiện Thắng;  
Vua tên là Thanh Tịnh,  
Ở trong thành Thanh tịnh.*

“Đức Phật Ca-diếp có cha tên Phạm Đức, dòng Bà-la-môn; mẹ tên Tài Chủ; vua thời đó tên Cấp-tỳ<sup>59</sup>, trị vì quốc thành tên Ba-la-nại.”

*Bà-la-môn Phạm Đức,  
Mẹ tên là Tài Chủ;*

<sup>55</sup>. Thiện Đăng 善 燈; Pāli: Suppatīta. Xưng giới 稱 戒; Pāli: Yasavatī. Vô Dụ 無 喻; Pāli: Anopama.

<sup>56</sup>. Tự Đắc 祀 得; Pāli: Aggidatta, con cầu tự với thần Lửa. TNM: Lễ Đức 禮 德.

<sup>57</sup>. An Hòa 安 和; Pāli: Khema. Thiện Chi 善 枝; Visākhā. An hòa thành: Khemavatī.

<sup>58</sup>. Đại Đức 大 德: Yalladatta; Thiện Thắng 善 勝: Uttarā; Thanh tịnh thành 清 淨 城: Sobhavatī.

<sup>59</sup>. Cấp-tỳ 波 罗 啕; Pāli: Kikin. TNM: Ba-la-tỳ 波 羅 啕; có lẽ nhầm tự dạng cấp và ba. Phạm Đức 梵 德; Pāli: Brahmadatta, Tài Chủ 財 主; Pāli: Dhanavatī.

*Mây dày kín hư không,  
Ánh chớp chiếu thiên hạ;  
Tỳ-bà-thi giáng thai,  
Ánh sáng chiếu cung vây.  
Chỗ nhật Nguyệt không tối,  
Thảy đều được chiếu sáng,  
Thai thanh tịnh, vô nhiễm,  
Pháp chư Phật đều vây.*

“Này các Tỳ-kheo, nên biết pháp thường của chư Phật<sup>62</sup>. Bồ-tát Tỳ-bà-thi, lúc ở thai mẹ, chuyên niệm không tán loạn, thường có bốn vị Thiên thần tay cầm qua mâu, hộ vệ cho mẹ ngài, dãu loài người hay loài phi nhân đều không thể xâm phạm. Đó là pháp thường.”

Rồi Phật nói bài tụng:

*Bốn phương bốn Thiên thần,  
Có tiếng tăm, uy đức,  
Thiên Đế Thích sai khiến,  
Khéo thủ hộ Bồ-tát.  
  
 Tay thường cầm qua mâu,  
Hộ vệ không chút rời.  
  
Nhân, phi nhân không hại;  
Ấy pháp thường chư Phật.  
  
 Được chư Thiên hộ vệ,  
Như Thiên nữ hầu Trời,  
Quyến thuộc đều hoan hỷ,  
Ấy pháp thường chư Phật.*

“Lại nữa, này các Tỳ-kheo, đây là pháp thường của chư Phật: Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ, chuyên niệm không tán loạn, khiến thân mẹ được an ổn, không có các náo loạn, trí tuệ ngày càng thêm. Mẹ tự xem thai mình thấy rõ thân Bồ-tát đủ các căn tốt đẹp như chất vàng tía không chút tỳ vết, khác nào kẻ có mắt sáng, xem vào đồ lưu ly trong sạch, thấy suốt cả trong ngoài không chút ngăn ngại. Nay các Tỳ-kheo, đó là pháp thường của chư Phật.”

<sup>62</sup>. Chư Phật thường pháp 諸佛常法; Pāli: dhammatā esā.

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ:

*Như ngọc lưu ly sáng,  
Ánh sáng như trời trăng,  
Nhân Tôn trong thai mẹ,  
Khiến mẹ không náo hoạn.  
Trí tuệ càng tăng thêm,  
Xem thai như vàng ròng;  
Mẹ mang thai an lạc,  
Ấy pháp thường chư Phật.*

“Này các Tỳ-kheo, Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ, chuyên niệm không tán loạn, khiến tâm mẹ lúc nào cũng thanh tịnh, không có các dục tưởng, không bị lửa dục thiêu đốt. Ấy là pháp thường của chư Phật.”

Thế Tôn lại nói bài kệ:

*Bồ-tát trụ thai mẹ;  
Phước trời trên cõi trời;  
Tâm mẹ ngài thanh tịnh,  
Không có các dục tưởng.  
Dứt bỏ các dâm dục,  
Không nhiễm, không gân gùi,  
Không bị lửa dục thiêu,  
Mẹ chư Phật thường tịnh.*

“Này các Tỳ-kheo, pháp thường của chư Phật, Bồ-tát Tỳ-bà-thi từ trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ, chuyên niệm không tán loạn, khiến mẹ ngài giữ trọn năm giới, phạm hạnh thanh tịnh, thuần tín và nhân từ, thành tựu mọi điều lành, an lạc không sợ hãi và khi thân hoại mệnh chung, được sanh cõi trời Dao-lợi. Ấy là pháp thường của chư Phật.”

Bấy giờ Thế Tôn lại nói kệ:

*Hoài thai Đáng Chí Tôn,  
Tinh tấn, Giới đầy đủ,  
Mạng chung lại sinh thiên;  
Duyên ấy, nói mẹ Phật.*

“Này các Tỳ-kheo, pháp thường của chư Phật, Bồ-tát Tỳ-bà-thi, khi sanh từ hông phải của mẹ mà ra, cõi đất rung động, ánh

sáng chiếu khắp nơi. Khi mới vào thai, những chỗ tối tăm thay đều được chiếu sáng. Ấy là pháp thường của chư Phật."

*Thái tử sinh, đất động,  
Ánh sáng rọi khắp nơi,  
Cõi này và cõi khác,  
Trên dưới và các phương.  
Phóng quang, cho mắt sáng,  
Trọn đủ nơi thân trời,  
Bằng tịnh tâm hoan hỷ,  
Chuyển xưng tên Bồ-tát.*

"Này các Tỳ-kheo, pháp thường của chư Phật, Bồ-tát Tỳ-bà-thi, lúc sanh, do hông phải của mẹ mà ra, chuyên niệm không tán loạn. Khi ấy mẹ Bồ-tát tay vin cành cây, không ngồi không nằm, có bốn Thiên thần bưng nước hương đứng trước mẹ mà thưa rằng: "Tâu Thiên mẫu, nay ngài sanh Thánh tử, chớ có ưu lo. Đó là pháp thường của chư Phật."

*Mẹ Phật không nằm, ngồi;  
Trụ giới, tu phạm hạnh;  
Không lười; sinh Chí Tôn,  
Được trời người phụng thờ.*

"Này các Tỳ-kheo, pháp thường chư Phật, Bồ-tát Tỳ-bà-thi lúc sanh, do hông phải của mẹ mà ra, chuyên niệm không tán loạn, thân Ngài thanh tịnh không bị ô nhiễm bởi các thứ ô uế. Ví như kẻ có mắt sáng, liệng hạt minh châu sáng sạch lên lụa trắng, thấy rõ cả hai đều không làm bẩn nhau, vì cả hai đều sạch. Bồ-tát ra khỏi thai cũng như vậy. Đó là pháp thường của chư Phật."

*Như minh châu sáng sạch,  
Trên lụa, không vấy bẩn;  
Bồ-tát khi xuất thai,  
Thanh tịnh, không nhiễm ô.*

"Này các Tỳ-kheo, pháp thường của chư Phật, Bồ-tát Tỳ-bà-thi, khi sanh, do hông phải của mẹ mà ra, chuyên niệm không tán loạn. Ngài từ hông phải ra, vừa đến đất, không cần người đỡ, liền đi bảy bước, ngó khắp bốn phương, rồi đưa tay lên nói rằng: 'Trên trời dưới đất, duy Ta là tôn quý', Ta sẽ cứu độ chúng sanh khỏi sinh, già, bệnh,

chết<sup>63</sup>. Ấy là pháp thường của chư Phật.”

*Giống như sư tử bước,  
Ngó khắp cả bốn phương;  
Nhân Sư Tử<sup>64</sup> khi sanh,  
Đi bảy bước cũng thế.  
Lại như rồng lớn<sup>65</sup> đi,  
Khắp ngó cả bốn phương,  
Đáng Nhân Long khi sanh,  
Đi bảy bước cũng thế.  
Khi Đáng Lưỡng Túc sanh<sup>66</sup>,  
Đi thông thả bảy bước,  
Ngó bốn phương rồi nói.  
Sẽ dứt khổ sinh tử.  
Ngay lúc mới sanh ra,  
Đã không ai sánh bằng,  
Tự xét gốc sinh tử,  
Thân này thân tối hậu.*

“Này các Tỳ-kheo, pháp thường của chư Phật, Bồ-tát Tỳ-bà-thi, khi sanh do hông phải của mẹ mà ra, chuyên niệm không tán loạn, tức thì có hai suối nước, một ấm, một mát, tự nhiên ở dưới đất tuôn ra, để cúng dường tắm rửa cho Bồ-tát. Đó là pháp thường của chư Phật.”

*Đáng Lưỡng Túc khi sinh,  
Hai suối tự tuôn ra,  
Để cúng Bồ-tát dùng;*

<sup>63</sup>. Tham chiếu Pāli, D. 14 (Deva Dīgh II, tr. 14): Aggo 'ham asmi lokassa, jetṭho 'ham asmi lokassa setṭho 'ham asmi loakassa, ayam antimā jāti, n 'atthi 'dāni punabhavo ti, Ta là Đáng Tối Thượng của thế gian, là Tối Thắng của thế gian, là Tối Tôn của thế gian. Đây là sự sanh cuối cùng, không còn đời nào nữa.

<sup>64</sup>. Nhân Sư Tử 人師子: Sư tử của loài người; Pāli: Naramiuha.

<sup>65</sup>. Đại long 大龍: rồng lớn, cũng có nghĩa rắn thần, chúa tể các loài thủy tộc; Pāli: mahānāga.

<sup>66</sup>. Lưỡng Túc Tôn 兩足尊, tôn quý giữa loài hai chân, chỉ chư Thiên và nhân loại; thường cũng được giải thích là đầy đủ phước và trí, do chữ Hán 'túc' 足 vừa có nghĩa "cái chân" vừa có nghĩa là "đủ"; Pāli: Dvipada-settha; Skt.: Dvipadottama.

*Biến Nhã<sup>67</sup> tắm sạch sẽ.*

*Hai suối tự tuôn ra,*

*Nước suối rất trong sạch;*

*Một ấm, một lạnh mát,*

*Tắm Đáng Nhất Thiết Trí.*

“Lúc Thái tử mới sanh, phụ vương Bàn-đầu mời các tướng sư và đạo sĩ đến xem tướng Thái tử để biết sự tốt xấu. Bấy giờ, các tướng sư vâng lệnh đến xem và ngay trước khi chưa mặc áo, họ nhìn rõ các tướng đầy đủ. Bèn đoán rằng: “Người có tướng này sẽ có hai con đường, chắc chắn không nghi ngờ. Nếu tại gia thì sẽ làm Chuyển luân thánh vương, trị vì bốn châu thiên hạ, đủ bốn thứ quân binh, dùng chánh pháp trị dân, không thiên lệch; thi ân khắp thiên hạ, tự nhiên có bảy thứ báu qui tụ, có ngàn người con dũng kiện hay đẹp trừ ngoại địch, không cần dùng đao binh mà thiên hạ thái bình. Còn nếu xuất gia học đạo, thì sẽ thành Bậc Chánh Giác, đầy đủ mươi hiệu.”

Rồi các tướng sư tâu vua:

“Con trai của đức vua có ba mươi hai tướng, sẽ có hai con đường, chắc chắn không nghi ngờ. Nếu tại gia sẽ là vị Chuyển luân thánh vương. Nếu xuất gia sẽ thành Bậc Chánh Giác, đầy đủ mươi hiệu.”

*Thái tử trăm phước sinh,*

*Được tướng sư ghi nhận,*

*Như chép trong điển sách,*

*Chắc chắn theo hai đường.*

*Nếu ngài vui tại gia,*

*Sẽ làm Chuyển luân vương*

*Được bảy báu hiếm có,*

*Báu tự hiện cho vua.*

*Bánh xe vàng ngàn cẩm,*

*Với lưỡi vàng bao quanh,*

*Bánh xe hay bay khắp,*

*Nên gọi bánh xe trời.*

*Khéo luyện voi bảy ngà,*

<sup>67.</sup> Xem cht. 26.

*Cao lớn trắng như tuyết,  
Khéo bay qua hư không,  
Voi báu là thứ hai.  
Ngựa đi khắp thiên hạ,  
Sớm đi chiều về ăn,  
Lông đỏ, bờm khổng tước,  
Là báu vật thứ ba.  
Ngọc lưu ly trong sáng,  
Chiều rơi một do-tuần,  
Đêm sáng như ban ngày,  
Là báu vật thứ tư.  
Sắc, thanh, hương, vị, xúc,  
Không ai có thể sánh,  
Bậc nhất hàng nữ nhân;  
Đó là báu thứ năm.  
Hiến vua ngọc lưu ly,  
Châu ngọc các thứ quý,  
Hoan hỷ mà phung cống,  
Đó là báu thứ sáu.  
Theo ý niệm Luân vương,  
Quân binh tiến thoái nhanh,  
Nhậm lệ theo ý vua,  
Đó là báu thứ bảy.  
Đó là bảy báu vật,  
Bánh xe, voi, ngựa trắng,  
Cư sĩ báu, nữ báu,  
Quân binh báu thứ bảy;  
Nhìn xem mà không chán,  
Ngũ dục tự vui đùa,  
Như voi bứt dây trói,  
Xuất gia thành Chánh giác.  
Vua có con như thế,  
Đangkan Lưỡng Túc loài người,  
Ở đời Chuyển Pháp luân,  
Đạo thành không biếng nhác.*

“Lúc bấy giờ, Phụ vương ân cần hỏi lại tướng sư ba lần: ‘Các ngươi hãy xem lại ba mươi hai tướng của Thái tử là những gì?’ Các tướng sư bèn khoác áo lại cho Thái tử và kể rõ ba mươi hai tướng:

1. Bàn chân bằng phẳng đầy đặn, đi đứng vững vàng.
2. Dưới bàn chân có dấu chỉ như bánh xe có ngàn căm, ánh sáng xen nhau.
3. Có màng lưới mỏng giữa kẽ ngón tay, chân như chân ngỗng chúa.
4. Tay chân mềm mại như áo trời.
5. Ngón tay chân thon dài không ai bằng.
6. Gót chân đầy đặn trông không chán.
7. Ống chân thon dài như của nai.
8. Các khớp xương móc lấy nhau như xích chuyền.
9. Mã âm tàng.
10. Đứng thẳng tay duỗi dài quá gối.
11. Mỗi chân lông đều có một sợi lông. Sợi lông ấy xoáy hưu, màu lưu ly xanh biếc.
12. Lông mọc xoay phía hưu, màu xanh biếc thẳng lên.
13. Thân sắc huỳnh kim.
14. Da thịt mịn màng không dính bụi nhơ.
15. Hai vai ngang bằng đầy đặn tròn đẹp.
16. Giữa ngực có chữ vạn.
17. Thân cao gấp đôi người thường.
18. Bảy chỗ trong người đầy đặn.
19. Mình cao to lớn như cây Ni-câu-lô.
20. Hai má như sư tử.
21. Ngực vuông đầy như ngực sư tử.
22. Có bốn mươi cái răng.
23. Răng ngang bằng đầy đặn.
24. Răng khít nhau không hở.
25. Răng trắng, trong sáng.
26. Yết hầu thanh sạch, ăn thức gì cũng thích hợp.
27. Lưỡi rộng dài có thể liếm tới mép tai.
28. Tiếng nói trong rõ như tiếng Phạm thiên.
29. Con mắt màu xanh biếc.

30. Mắt như mắt trâu chúa, trên dưới có hai mí<sup>68</sup>.

31. Có lông trắng giữa hai chân mày, mềm mại kéo ra dài một tầm, thả thì xoáy tròn ốc về phía hữu như trân châu.

32. Trên đỉnh có chỗ thịt nổi.

“Ấy là ba mươi hai tướng Đại nhân.

“Bèn nói bài tụng:

*Đứng vững chân mềm mại,  
Không dâm dắt, có dấu,  
Tướng ngàn cẩm trang nghiêm,  
Màu sắc rất tươi sáng.  
Thân cao rộng ngay thẳng,  
Như cây Ni-câu-loại.  
Như Lai, chưa từng có,  
Mã âm tàng ẩn kín.  
Vàng báu trang nghiêm thân,  
Các tướng chói lạn nhau.  
Tuy mồ hôi như thường,  
Song bụi đất không dính.  
Như sắc trời mịn màng  
Lòng trời tự nhiên che,  
Phạm âm, thân vàng tía,  
Như hoa vươn khoe áo.  
Vua bèn hỏi tướng sư  
Tướng sư kính tâu vua  
Ngợi khen tướng Bồ-tát,  
Sáng chói khắp toàn thân,  
Các gân khớp tay chân,  
Trong ngoài đều hiện rõ.  
Thực vị thấy vi diệu,  
Thân ngay ngắn không veo,  
Bánh xe hiện dưới chân,*

<sup>68</sup>. Nguyên Hán: nhân thương hạ câu huyền 眼上 下俱眎, nếu dịch sát: mắt trên dưới cùng nháy; không rõ nghĩa. So sánh Pāli: gopakhuma, có mí mắt như của bò cái; nghĩa là, mắt hai mí.

Tiếng nói như chim oanh,  
 Tướng bắp dùi đầy dặn,  
 Ấy do túc nghiệp thành.  
 Cùi chỏ tròn đầy đẹp,  
 Mày mắt rất doan nghiêm,  
 Đáng Sư Tử giữa người,  
 Có oai lực hơn hết.  
 Hai má đều đầy dặn,  
 Nằm nghiêng như sư tử,  
 Bốn mươi răng đều dặn,  
 Dày khít không kẽ hở  
 Tiếng Phạm âm ít có,  
 Xa gần tùy duyên nghe.  
 Dũng thẳng thân không nghiêng,  
 Hai tay sờ đền gối,  
 Ngón tay đều, mềm mại,  
 Đầu các tướng tôn quý,  
 Mỗi chân lông một sợi,  
 Màng lưới kẽ tay chân,  
 Nhục kẽ, mắt xanh biếc,  
 Mắt trên dưới hai mí,  
 Hai vai ngang, tròn, đầy.  
 Đầu ba mươi hai tướng.  
 Gót chân không cao thấp,  
 Dùi thon như dùi nai,  
 Đáng Chí Tôn xuất hiện,  
 Như voi bút dây trói,  
 Độ chúng sanh thoát khổ,  
 Khởi sanh già bệnh chết.  
 Ngài đem tâm đại bi,  
 Truyền dạy Bốn chân đế,  
 Diễn bày các pháp nghĩa,  
 Được mọi người tôn quý."

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo, lúc Phật Tỳ-bà-thi sinh ra, chư Thiên ở phía

trên, giữa hư không, tay cầm lọng trăng, quạt báu, để ngăn che lạnh, nóng, gió, mưa, bụi bặm.”

*Hiếm có trong loài người,  
Đáng Lương Túc ra đời,  
Được chư Thiên cung kính,  
Dâng lọng báu, quạt báu.*

“Bấy giờ, Phụ vương cấp bốn người vú: một, cho bú; hai, tắm rửa; ba, bôi hương; bốn, vui đùa. Họ vui vẻ nuôi nấng không hề biếng nhác.”

*Nhũ mẫu lòng từ ái,  
Nuôi dưỡng con mới sinh,  
Cho bú và tắm rửa,  
Bôi hương và vui đùa.  
Hương bậc nhất trong đời,  
Bôi xoa Đáng Chí Tôn.*

“Lúc còn là đồng tử, con trai con gái cả nước ngắm nhìn Ngài không chán.”

*Được nhiều người thương kính,  
Như tượng vàng mới thành,  
Trai gái cùng nhìn ngắm,  
Nhìn mãi không biết chán.*

“Lúc còn là đồng tử, con trai và con gái cả nước đều ấm bồng, như ngắm hoa báu”.

Phật nói bài kệ:

*Khi Lương Túc Tôn sanh,  
Được nhiều người thương kính,  
Chuyển tay nhau bồng ấm,  
Như ngắm hương hoa báu.*

“Bồ-tát khi mới sanh mắt Ngài không nháy như chư Thiên trời Dao-lợi<sup>69</sup>. Do cặp mắt không nháy mà có hiệu là Tỳ-bà-thi.”

<sup>69</sup>. Hán: kỳ mục bất huyền như Dao-lợi thiên 其目不晦如刀利天; Pāli: D.14 (Deva Digh II 1, tr.17): animisanto pekkhati seyyathāpi devā Tāvatimsā: nhìn thẳng sự vật bằng cặp mắt không nháy như chư Thiên Tāvatimsa.

*Đấng Chí Tôn không nháy,  
Như chư Thiên Dao-lợi,  
Thấy sắc mà chánh quán,  
Nên hiệu Tỳ-bà-thi.*

“Bồ-tát khi sanh âm thanh của Ngài trong suốt êm dịu hòa nhã như tiếng chim Ca-la-tần-già<sup>70</sup>. ”

*Như chim trên núi Tuyết,  
Uống nước hoa mà hót,  
Đấng Lưỡng Túc Tôn ấy,  
Tiếng trong suốt cung vây.*

“Bồ-tát khi mới sinh, mắt có thể nhìn thấy suốt một do-tuần.”

*Do nghiệp quả thanh tịnh,  
Ánh sáng trời màu nhiệm,  
Mắt Bồ-tát nhìn thấy,  
Khắp suốt một do-tuần.*

“Bồ-tát khi sinh, tuổi lớn dần, ở tại Thiên chánh đường<sup>71</sup> để khai hóa. Ân đức ban đến thứ dân, đức lớn đòn xa<sup>72</sup>. ”

*Tho ấu, ở chánh đường,  
Để khai hóa thiên hạ,  
Quyết đoán các sự vụ,  
Nên gọi Tỳ-bà-thi.  
  
Trí thanh tịnh quảng bá,  
Sâu thẳm như biển cả,  
Hài lòng với mọi người,  
Khiến trí tuệ tăng trưởng.*

<sup>70</sup>. Ca-la-tần-già 過羅頻伽, hoặc âm là Ca-lăng-tần-già 過陵頻伽, dịch: hảo thanh 好聲; tiếng hót tuyệt diệu; Pāli: Karavīka.

<sup>71</sup>. Thiên chánh đường 天正堂; TNM: Đại chánh đường 大正堂; Pāli: Atthakarana: công đường hay pháp đường, để xử kiện. Tham chiếu, D.14 (Deva Dīgh II 1, tr.17; Trường bộ kinh I tr.461): 'Khi vua Bandhumā ngồi xử kiện, vua đặt hoàng tử Vipassī bên nách mình để xử kiện'.

<sup>72</sup>. Tham chiếu; Pāli D.14 (Deva Dīgh, sđd.: Trường bộ I, tr.461 "... do hoàng tử Vipassī có thể quan sát và xử kiện đúng luật pháp nên danh từ Vipassī, Vipassī càng được dùng để đặt tên cho Ngài".

“Một hôm, Bồ-tát muốn ra khỏi thành để dạo chơi và quan sát, bèn ra lệnh sửa soạn xe báu để Ngài đi đến viên lâm<sup>73</sup> tuần hành và du ngoạn. Người đánh xe sau khi sửa soạn xa giá xong, tâu Thái tử: ‘Giờ đã đến lúc.’ Thái tử cưỡi xe báu đi đến khu vườn công cộng<sup>74</sup> kia. Giữa đường Ngài gặp một người già, đầu bạc răng rụng, lưng còng, mặt nhăn, rung rinh trên chiếc gậy, thở khò khè theo nhịp bước khó khăn. Thái tử liền xoay hỏi quân hầu: ‘Đó là người gì?’ Đáp rằng: ‘Đó là người già.’ Lại hỏi:

‘Già là thế nào?’ Đáp: ‘Già là người mà tuổi thọ sắp hết, không còn sống bao lăm nữa. Thái tử lại hỏi: ‘Ta đây cũng sẽ như thế, không tránh khỏi hoạn này chăng?’ Đáp: ‘Phàm đã có sinh tất có già, đâu kể chi sang hèn.’ Nghe vậy Thái tử buồn bã không vui, liền bảo quân hầu đánh xe về. Ngài lặng lẽ suy nghĩ về nỗi già khổ mà chính Ngài cũng chưa tránh khỏi.”

Bấy giờ Phật bèn nói bài kệ:

*Nhin mạng già sắp chết,  
Chống gậy bước đi run,  
Bồ-tát tự suy ngẫm,  
Ta chưa khỏi nạn này.*

“Bấy giờ Phụ vương hỏi quân hầu: ‘Thái tử xuất du có vui không?’ Đáp: ‘Không vui.’ Lại hỏi lý do: ‘Tại sao vậy?’ Đáp: ‘Tại giữa đường Ngài gặp người già nên không vui.’ Phụ vương mới âm thầm nhớ tới lời tướng sư ngày trước, đoán Thái tử sẽ xuất gia, nay Thái tử không vui, hẳn đúng như thế chăng? Ta hãy dùng mọi cách giữ Thái tử lại thâm cung, đem ngũ dục làm nguôi lòng Thái tử, để Thái tử đừng xuất gia. Nghĩ xong vua liền hạ lệnh trang sức cung quán, chọn hàng thế nữ để giúp vui Thái tử.”

Phật lại nói bài tụng:

*Phụ vương nghe lời ấy,  
Sai trang hoàng cung quán,  
Tăng thêm bằng ngũ dục,  
Muốn để không xuất gia.*

<sup>73</sup>. Viên lâm 園林; Pāli: uyyānabhumi: công viên; Skt.: udvāna: viên quán.

<sup>74</sup>. Hán: viên quán 園觀, tức viên lâm. Xem cht. 73.

“Lại một lúc khác, Thái tử bảo quân hầu đánh xe đi dạo và trên đường đi, Ngài gặp một người bệnh, thân gầy, bụng lớn, mày mặt sạm đen, nằm lăn trên nhơ bẩn, không ai ngó ngàng chăm sóc. Bệnh rất trầm trọng, miệng không thốt được một lời. Thái tử xoay lại hỏi quân hầu: ‘Đó là người gì?’ Đáp: ‘Đó là người bệnh.’ Hỏi: ‘Bệnh là thế nào?’ Đáp: ‘Bệnh là sự đau đớn bất rút, chết sống không biết lúc nào.’ Hỏi: ‘Ta cũng sẽ như thế, chưa tránh khỏi cái hoạn này sao?’ Đáp: ‘Phải. Phàm có sanh thì có bệnh, không kể gì sang hèn.’ Nghe vậy Thái tử trở nên buồn bã không vui, liền bảo quân hầu đánh xe trở về. Ngài lặng lẽ suy nghĩ tới cái khổ bệnh mà Ngài cũng không tránh khỏi.”

Rồi Phật nói bài kệ:

*Nhin người bệnh lâu kia,  
Nhán sắc bị suy tổn.  
Im lặng tự suy ngẫm  
Ta chưa khỏi hoạn này.*

“Bấy giờ, Phụ vương lại hỏi quân hầu: ‘Thái tử đi dạo có vui không?’ ‘Không vui.’ Quân hầu đáp. ‘Tại sao thế?’ ‘Tại giữa đường Ngài gặp người bệnh, nên không vui.’ Phụ vương âm thầm suy nghĩ: ‘Ngày trước tướng sư xem tướng Thái tử có đoán sẽ đi xuất gia. Ngày nay Thái tử không vui, hẳn đúng thế chăng? Ta sẽ tìm cách tăng thêm mọi thứ dục lạc làm nguôi lòng Thái tử khiến cho khỏi xuất gia’. Vua liền hạ lệnh nghiêm sức cung quán, chọn thêm thể nữ để giúp vui.”

Phật lại nói kệ:

*Sắc, thanh, hương, vị, xúc,  
Vi diệu đáng ưa thích,  
Bồ-tát phước tốt cùng,  
Nên sống trong hoan lạc.*

“Lại một lúc khác, Thái tử bảo quân hầu đánh xe đi dạo và giữa đường lần này, Ngài gặp một người chết, phan lụa nhiều màu dẫm đường trước sau; dòng họ thân quyến tiếc thương than khóc, đưa ra khỏi thành. Thái tử lại hỏi: ‘Đó là người gì?’ ‘Đó là người chết’, quân hầu đáp. Hỏi: ‘Chết là thế nào?’ Đáp: ‘Chết tức là hết. Hết gió đến lửa cứ tiếp tục làm cho xác thân bại hoại. Kẻ còn kẻ mất đôi đường, gia đình ly biệt.’ Thái tử lại hỏi người đánh xe: ‘Ta đây cũng sẽ như thế, chưa khỏi cái hoạn này

chǎng?’ Đáp: ‘Phải. Phàm đã có sanh tất có chết, chǎng kể sang hèn.’ Nghe vậy Thái tử lại càng buồn bã không vui, bảo đánh xe về. Ngài trầm ngâm suy nghĩ tới cái chết khổ mà Ngài cũng không tránh khỏi.

Phật liền dạy bài kệ:

*Vừa trông thấy người chết,  
Biết họ còn tái sanh;  
Thầm lặng tự suy nghĩ:  
Ta chưa khỏi hoạn này.*

“Phụ vương lại hỏi quân hầu: ‘Thái tử đi đạo lần này có vui không?’ ‘Không vui’, quân hầu đáp. ‘Tại sao thế?’ ‘Tại giữa đường Ngài gặp người chết, nên không vui.’ Phụ vương âm thầm suy nghĩ: ‘Ngày trước tướng sư xem Thái tử có đoán sẽ đi xuất gia, ngày nay Thái tử không vui, hẳn là đúng thế chǎng? Ta hãy tìm cách tăng thêm các thứ kỹ nhạc để làm nguôi lòng Thái tử, khỏi xuất gia.’ Liền hạ lệnh trang sức cung cấm, chọn thêm thể nữ để khiến cho giúp vui.”

*Tuổi thơ đã nổi tiếng,  
Các thể nữ vây quanh,  
Tự vui trong ngũ dục,  
Như thú vui Thiên đế.*

“Lại một lúc khác, Thái tử bảo quân hầu đánh xe đi đạo và lần này giữa đường Ngài gặp một vị Sa-môn, mang y cầm bát, mắt ngó xuống đất, chân bước khoan thai. Thái tử liền hỏi quân hầu: ‘Đó là người gì?’ ‘Đó là vị Sa-môn’, quân hầu đáp. ‘Sao gọi là Sa-môn?’ ‘Sa-môn là người xa lìa ân ái, xuất gia học đạo, chế ngự các căn, không nhiễm mê ngoại dục, lòng xót thương hết thảy, không làm tổn hại vật gì, gặp khó cũng không phiền, gặp vui cũng không mong, hay nhẫn như đất, nên gọi là Sa-môn.’ Thái tử bèn nói: ‘Lành thay, đó là đạo chân chính, tuyệt hẳn mọi trần lụy, vi diệu thanh hư. Chỉ có thể là khoái thích thôi!’ Thái tử liền bảo quân hầu đưa xe đến gần và hỏi Sa-môn rằng: ‘Ông cắt tóc, cao ráu mang y cầm bát như vậy, chí ông muốn cầu chuyện gì?’ Sa-môn đáp: ‘Phàm người xuất gia là cố điều phục tâm ý, xa lìa trần cấu, thương cứu quần sanh, không làm điều nhiều hại, trong lòng rỗng rang tịch mịch, chỉ có bề giữ đạo mà thôi’. Thái tử khen: ‘Hay lắm! Đạo này rất chân chính.’ Liền bảo quân hầu: Mang áo trán bảo của Ta và xa giá về, tâu lại phụ vương biết rằng ngay

tại đây, Ta sẽ cắt bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo. Vì Ta muốn điều phục tâm ý, xa lìa trần cấu, giữ mình thanh tịnh để cầu Chánh đạo.' Quân hầu liền đem xa giá và y phục của Thái tử về tâu lại phu vương, còn Thái tử thì cắt bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia tu đạo."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Này các Tỳ-kheo! Thái tử nhân thấy người già, bệnh mà thấu rõ cõi đời là khổ não; nhân thấy người chết mà lòng tham luyến thế gian tiêu tan; nhân thấy vị Sa-môn mà tâm được hoát nhiên đại ngộ. Trong khi Thái tử xuống xe bước đi, cứ mỗi bước tiến tới là mỗi bước rời xa triền phược. Thế ấy là chân xuất gia, chân viễn ly.

"Bấy giờ, nhân dân trong nước nghe Thái tử đã cạo bỏ râu tóc, mang y cầm bát, xuất gia hành đạo, họ bảo nhau rằng: 'Đạo ấy chắc là đạo chân chính, mới khiến Thái tử từ bỏ vương vị vinh hoa cùng mọi sự quý trọng để đi theo.' Lúc ấy có tới tám vạn bốn ngàn người trong nước đến xin Thái tử cho làm đệ tử xuất gia tu đạo."

*Lựa chọn pháp thân diệu,  
Nghe xong liền xuất gia,  
Thoát khỏi ngục ân ái,  
Không còn các trói buộc.*

"Thái tử bèn thâu nhận, cho cùng đi theo giáo hóa khắp nơi, từ thôn này sang thôn khác, từ nước nọ đến nước kia. Họ đến chỗ nào cũng được cung kính, cúng dường tú sự. Bồ-tát nghĩ rằng: 'Ta cùng đại chúng thường đi qua các nước, chỗ nhân gian ồn ào, việc này không thích hợp với ta lắm. Lúc nào ta mới xa được đám đông này ở chỗ nhàn tịnh mà suy tầm đạo lý?'

"Ngài liền theo ý nguyện đi đến chỗ nhàn tịnh, chuyên tinh tu đạo. Ngài lại suy nghĩ: 'Chúng sanh thật đáng thương, thường ở trong hôn ám, thọ thân nguy khốn, mong manh, nào sanh, nào già, nào bệnh, nào chết, đủ mọi thứ khổ não. Họ chết đây sanh kia, chết kia sanh đây, cứ duyên theo cái khổ ấy đó mà trôi nổi không biết bao giờ cùng. Ta lúc nào mới có thể thấu triệt khổ ấy, diệt hết sanh già chết?'

"Ngài lại suy nghĩ rằng: 'Sanh tử từ đâu, duyên đâu mà có ra? Liền dùng trí tuệ quán sát nguyên do, thấy rằng do sanh mà có già

và chết; sanh là duyên của già chết. Sanh lại do hữu mà có; hữu là duyên của sanh. Hữu do thủ mà có; thủ là duyên của hữu. Thủ do ái mà có; ái là duyên của thủ. Ái do thọ mà có; thọ là duyên của ái. Thọ do xúc mà có; xúc là duyên của thọ. Xúc do lục nhập mà có; lục nhập là duyên của xúc. Lục nhập do danh sắc mà có; danh sắc là duyên của lục nhập. Danh sắc do thức mà có; thức là duyên của danh sắc. Thức do hành mà có, hành là duyên của thức. Hành do si mà có, si là duyên của hành. Thế tức là do duyên là si có hành, do duyên là hành có thức, do duyên là thức có danh sắc, do duyên là danh sắc có lục nhập, do duyên là lục nhập có xúc, do duyên là xúc có thọ, do duyên là thọ có ái, do duyên là ái có thủ, do duyên là thủ có hữu, do duyên là hữu có sanh, do duyên là sanh có già, bệnh, chết, sầu, buồn, khổ, nã. Cái ấm thân đầy dãy khổ nã này do duyên là sanh mà có. Chính đó là sự tập khởi của khổ<sup>75</sup>.

“Khi Bồ-tát suy nghĩ tới cái khổ tập ấm<sup>76</sup> ấy, liền phát sinh trí, phát sinh nhãn<sup>77</sup>, phát sinh giác, phát sinh minh, phát sinh thông, phát sinh tuệ, phát sinh chứng ngộ<sup>78</sup>.

“Bồ-tát lại suy nghĩ: ‘Do cái gì không có thì già chết không có? Do cái gì diệt thì già chết diệt?’ Rồi bằng trí tuệ, Ngài quán sát nguyên do, biết rằng, do sanh không có nên già chết không có; do sanh diệt nên già chết diệt; do hữu không có nên sanh không có, hữu diệt nên sanh diệt; do thủ không có nên hữu không có, thủ diệt nên hữu diệt; do ái không có nên thủ không có, ái diệt nên thủ diệt; do thọ không có nên ái không có, thọ diệt nên ái diệt; do xúc không có nên thọ không có, xúc diệt nên thọ diệt; do lục nhập không có nên xúc không có, lục nhập diệt nên xúc diệt; do danh sắc không có nên lục nhập không có, danh sắc diệt nên lục nhập diệt; do thức

<sup>75</sup>. Hán: khổ thanh ấm; Pāli: kevala-dukkhakkhanda: toàn bộ khổ uẩn. Hán: chổ khác, thuần đại khổ tụ 純大苦聚, hoặc cũng nói: ngũ ấm xí thanh khổ 五陰熾盛苦.

<sup>76</sup>. Hán: khổ tập ấm 苦集陰; Pāli: dukkha-kkhandassa samudaya, xem cht. trên.

<sup>77</sup>. Hán: sinh nhãn 生眼; Pāli, sđd.: (Deva Dig II. 1, tr. 29): pubbe ananussutese dhammesu cakkhum udapāti: phát sinh con mắt thấy được các pháp chưa từng được nghe từ trước.

<sup>78</sup>. Tham chiếu Pāli, sđd.: ñaṇam udapādi pañña udapādi vijā udapādi āloko udapādi: phát sinh trí, phát sinh tuệ, phát sinh minh, phát sinh ánh sáng.

không có nên danh sắc không có, thức diệt nên danh sắc diệt; do hành không có nên thức không có, hành diệt nên thức diệt; do si không có nên hành không có, si diệt nên hành diệt. Thế tức là vì si diệt nên hành diệt, hành diệt nên thức diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, danh sắc diệt nên lục nhập diệt, lục nhập diệt nên xúc diệt, xúc diệt nên thọ diệt, thọ diệt nên ái diệt, ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sanh diệt, sanh diệt nên già chết ưu bi khổ não diệt.

“Khi Bồ-tát suy nghĩ về khổ ấm diệt như thế liền phát sinh trí, phát sinh nhẫn, phát sinh giác, phát sinh minh, phát sinh thông, phát sinh tuệ, phát sinh chứng.

“Sau khi Bồ-tát quán mười hai nhân duyên theo hai chiều thuận nghịch, biết như thật, thấy như thật, ngay tại chỗ, Ngài chứng được đạo quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề<sup>79</sup>. ”

Phật bèn nói bài tụng:

*Lời này nói giữa chúng,  
Các ngươi nên lắng nghe.  
Bồ-tát quá khứ quán  
Mà vốn chưa từng nghe:  
Già chết từ duyên gì,  
Nhân gì mà có ra?  
  
Quán sát đúng như vậy,  
Biết già chết do sanh;  
Sanh lại từ duyên gì,  
Nhân gì mà có ra?  
  
Suy nghĩ đúng như vậy,  
Liền biết sanh do hữu;  
Chấp thủ, chấp thủ rồi,  
Hữu lần lượt chồng chất.  
  
Vậy nên Như Lai dạy:  
Thủ là duyên của hữu.*

<sup>79</sup>. Hán: A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề 阿耨多羅三藐三菩提, thường dịch là Vô thượng chánh đẳng chánh giác 無上正等正覺; Pāli: Anuttara-sammā-sambodhi, Skt.: Anuttara-samyak-sambodhi.

*Như đống chứa dơ bẩn<sup>80</sup>.*  
*Gió thổi, ác tuôn chảy<sup>81</sup>,*  
*Như vậy nhân của thủ,*  
*Do ái mà rộng sâu.*  
*Ái do từ thọ sanh,*  
*Nảy sinh gốc lười khổ,*  
*Vì nhân duyên nhiễm trước,*  
*Cùng tương ứng khổ lạc.*  
*Thọ vốn do duyên gì,*  
*Nhân gì mà có thọ?*  
*Suy nghĩ như thế rồi,*  
*Biết thọ do xúc sanh.*  
*Xúc vốn do duyên gì,*  
*Nhân gì mà có xúc?*  
*Suy nghĩ như thế rồi,*  
*Biết xúc từ lục nhập.*  
*Lục nhập do duyên gì,*  
*Nhân gì có lục nhập?*  
*Suy nghĩ như vậy, biết,*  
*Lục nhập do danh sắc.*  
*Danh sắc do duyên gì,*  
*Nhân gì có danh sắc?*  
*Suy nghĩ như vậy biết*  
*Danh sắc từ thức sanh.*  
*Thức vốn do duyên gì,*  
*Nhân gì mà có thức?*  
*Suy nghĩ như vậy rồi,*  
*Biết thức từ hành sanh;*  
*Hành vốn do duyên gì,*  
*Nhân gì mà có hành?*

<sup>80</sup>. Hán: như chúng uế ác tụ 如眾穢惡聚; TNM: dī thâm uế ác tụ 以深穢惡聚.

<sup>81</sup>. Hán: phong xuy ác lưu diễn 風吹惡流演; TNM: phong xuy vô lưu diễn 風吹無流演. Có lẽ muốn nói, do gió nghiệp thổi, ác pháp hay uế pháp từ ngoài rò chảy vào tâm.

Suy nghĩ như vậy rồi  
 Biết hành từ si sanh.  
 Nhân duyên như vậy đó,  
 Mới thật nghĩa nhân duyên.  
 Dùng trí tuệ phương tiện,  
 Quán thấy gốc nhân duyên.  
 Khổ không do Thánh hiền,  
 Cũng không phải vô cớ.  
 Nên với khổ biến dịch,  
 Kẻ trí lo đoạn trừ.  
 Nếu vô minh dứt sạch,  
 Lúc đó không còn hành.  
 Nếu đã không có hành,  
 Thời cũng không có thức;  
 Nếu thức hết vĩnh viễn,  
 Thì danh sắc không còn.  
 Danh sắc đã dứt rồi,  
 Làm gì có lục nhập.  
 Nếu lục nhập trọn dứt,  
 Thời cũng không có xúc.  
 Nếu xúc đã dứt hẳn,  
 Thời cũng không có thọ.  
 Nếu thọ dứt hết rồi,  
 Thời cũng không có ái  
 Nếu ái dứt hết rồi  
 Thời cũng không có thủ.  
 Nếu thủ đã dứt rồi,  
 Thời cũng không có hữu.  
 Nếu hữu dứt hết rồi,  
 Thời cũng không có sanh.  
 Nếu sanh dứt hết rồi,  
 Thời không khổ già chết.  
 Hết thấy đều dứt sạch.  
 Đó lời người trí nói.  
 Mười hai duyên sâu xa,

Khó thấy khó hiểu biết  
 Duy Phật mới biết rõ,  
 Tại sao có, sao không.  
 Nếu hay tự quán sát,  
 Thời không còn các nhập.  
 Người thấu triệt nhân duyên  
 Không cần tìm thầy ngoài.  
 Đối với ấm, giới, nhập,  
 Lìa dục, không, nhiễm trước;  
 Xứng đáng nhận bối thí;  
 Thí chủ được báo lành.  
 Nếu đăng bốn biện tài,  
 Thành tựu quyết định chứng;  
 Giải trừ mọi ràng buộc,  
 Đoạn trừ, không buông lung.<sup>82</sup>  
 Sắc, thọ, tưởng, hành, thức,  
 Giống như xe cũ mục;  
 Quán rõ được như vậy,  
 Thời thành Bậc Chánh Giác.  
 Như chim bay giữa không,  
 Đông tây theo ngọn gió;  
 Bồ-tát đoạn kết sử,  
 Như gió thổi áo nhẹ.  
 Tỳ-bà-thi tịch tĩnh,  
 Quán sát rõ các pháp;  
 Già chết duyên đâu có,  
 Từ đâu già chết dứt,  
 Ngài quán như vậy rồi,  
 Phát sanh trí thanh tĩnh,  
 Biết già chết do “sanh”  
 Sanh dứt, già chết dứt.

“Lúc Phật Tỳ-bà-thi vừa mới thành đạo, Ngài tu tập nhiều về hai

<sup>82</sup>. TNM: Đoạn trừ vô phóng dật 斷除無放逸.

phép quán là An ẩn quán và Xuất ly quán<sup>83</sup>. ”

Phật liền dạy bài tụng:

*Như Lai, Bậc Tối Thượng,  
Thường tu hai phép quán,  
An ẩn và Xuất ly,  
Đại Tiên sang bờ kia,  
Tâm Ngài được tự tại,  
Đoạn trừ mọi kết sử  
Lên núi nhìn bốn phương,  
Nên hiệu Tỳ-bà-thi.  
Ánh đại trí trừ tối,  
Như gương sáng soi mình.  
Trừ ưu khổ cho đời.  
Dứt khổ sanh già chết.*

“Phật Tỳ-bà-thi, lại ở chỗ nhàn tịnh suy nghĩ như vậy: “Ta nay đã chứng được pháp vô thượng thậm thâm vi diệu là pháp khó thấy khó hiểu, tịch tĩnh<sup>84</sup>, thanh tịnh<sup>85</sup>, chỉ có người trí mới thấu biết chứ kẻ phàm phu không thể nào hiểu thấu được. Bởi vì chúng sanh có những nhẫn dị biệt, kiến dị biệt, chấp thủ dị biệt, sở kiến dị biệt. Dựa theo kiến thức dị biệt đó mỗi người chỉ thích điều mình mong cầu, làm theo tập quán của mình<sup>86</sup>, cho nên đối với lý nhân duyên thâm diệu<sup>87</sup> này chúng còn không thể thấu hiểu, huống chi cảnh Niết-bàn dứt hết mọi tham ái, lại càng khó hiểu gấp bội phần. Ta dầu vì chúng mà nói ra thì chắc chúng không hiểu nổi còn trở lại gây phiền nhiễu”. Suy nghĩ như thế rồi, Ngài im lặng không muốn thuyết pháp.

“Lúc ấy vị vua trời Phạm thiên, biết Đức Tỳ-bà-thi đã nghĩ gì, liền tự nhủ: ‘Cõi thế gian này đang bị sụp đổ, rất đáng thương xót.

<sup>83.</sup> An ẩn quán 安隱觀, Xuất ly quán 出離觀; Pāli:?

<sup>84.</sup> Nguyên Hán: tức diệt 息滅; Pāli: santi.

<sup>85.</sup> Hán: thanh tịnh 清淨; TNM: tĩnh huyên 靜喧; Pāli: pañīta, vi-diệu.

<sup>86.</sup> Hán: dị kiến, dị nhẫn, dị thọ, dị học. Y bì sở kiến, các lạc sở cầu, các vụ sở tập (...) 異見異忍異受異學. 依彼所見各樂所求各務所習.

<sup>87.</sup> Pāli, sđd.: idappaccayaṭapaṭiccasamuppāda, y tánh duyên khởi (cái này có do cái kia có, ...)

Đức Phật Tỳ-bà-thi vừa chứng được pháp mầu như thế mà không muốn nói ra.' Tức thì, trong khoảnh khắc, như lực sĩ co duỗi tay, từ cung Phạm thiên bỗng nhiên hiện xuống, đến trước mặt Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, đứng lui một bên, rồi đầu gối mặt quỳ sát đất, chắp tay bạch rằng: 'Ngưỡng mong Đức Thế Tôn kịp thời thuyết pháp. Các chúng sanh hiện nay, trần cầu mỏng nhẹ, các căn lành lợi nhiều, có lòng cung kính, dễ bồ khai hóa. Chúng đã biết sợ những tội lỗi không ai cứu trong tương lai, biết dứt trừ điều ác, phát sinh điều lành.'

"Phật bảo Phạm vương: 'Thật vậy, thật vậy, đúng như lời người nói. Nhưng ta ở chỗ nhàn tịnh, thầm lặng suy nghĩ: Chánh pháp ta vừa chứng được vi diệu thậm thâm, nếu đem nói cho chúng sanh, chắc họ không hiểu nổi lại sanh tâm báng bổ, nên ta mặc nhiên không muốn thuyết pháp. Ta nhờ từ vô số a-tăng-kỳ kiếp cần khổ không biếng nhác tu tập những hạnh vô thượng, nay mới chứng ngộ được pháp khó chứng ngộ này, nếu vì hạng chúng sanh còn dâm, nộ, si mà nói ra, chắc chúng không làm theo, chỉ thêm luống uổng. Pháp vi diệu này trái nghịch với đời. Chúng sanh bị dục nhiễm ngu si che ngăn không tin hiểu nổi. Nay Phạm vương, Ta thấy rõ như thế, nên mặc nhiên không muốn thuyết pháp.'

"Khi ấy, Phạm vương lại ân cần khẩn thiết thỉnh một lần nữa, rồi một lần nữa, ân cần khẩn thiết thỉnh cầu đến ba lần rằng: 'Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn không thuyết pháp, thì nay cõi thế gian này phải bị sụp đổ, rất đáng thương xót. Ngưỡng mong Thế Tôn, kịp thời giảng dạy, chờ để chúng sanh sa đọa đường mê.'

"Đức Thế Tôn nghe Phạm vương ba lần ân cần thưa thỉnh, liền dùng Phật nhãn soi khắp thế giới chúng sanh, thấy sự ô nhiễm của chúng sanh có dày có mỏng, căn tính có lành lợi, có chậm lụt; có kẻ dễ khai hóa, có người khó khai hóa. Hạng người dễ khai hóa, biết sợ tội lỗi đời sau, nên gắng lo dứt trừ điều ác, làm phát sanh đường lành. Chúng như hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-ly<sup>88</sup>, có cái vừa ra khỏi bùn nhưng chưa tới mặt nước, có

<sup>88</sup>. Ưu-bát-la 優鉢羅; Pāli: Uppala: sen xanh (bông súng). Bát-đầu-ma 鉢頭摩; Pāli: Paduma: sen hồng. Câu-vật-đầu 拘勿頭; Pāli: Kumuda: sen vàng; Phân-đà-ly 分陀利; Pāli: Puṇḍarīka, sen trắng.

cái đã ra khỏi bùn lại lên ngang mặt nước, có cái tuy lên khỏi mặt nước mà chưa nở, nhưng cái nào cũng không bị dính bẩn, mà dễ dàng nở ra. Chúng sanh trong thế gian này cũng như thế.

“Đức Thế Tôn bảo Phạm vương: ‘Ta vì thương tưởng các ông sẽ khai diễn pháp môn cam lồ<sup>89</sup> là pháp thâm diệu khó hiểu, khó biết. Nay vì những người tín thọ, muốn nghe, mà nói chứ không phải vì hạng người bài báng vô ích’.

“Phạm vương biết Phật đã nhận lời thỉnh cầu, nên vui mừng hơn hở đi quanh Phật ba vòng, cúi đầu đánh lễ rồi biến mất.

“Phạm vương đi chưa bao lâu, Đức Như Lai lại tĩnh mặc suy nghĩ: ‘Nay ta nên nói pháp cho ai trước hết?’ Rồi Ngài lại suy nghĩ: ‘Ta hãy đi vào thành Bàn-đầu, trước hết mở cánh cửa cam lộ cho vương tử Đè-xá và con đại thần là Khiên-đồ.’ Rồi thì, liền trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi tay, Thế Tôn bỗng biến mất khỏi cây đại thụ, Ngài đã đến thành Bàn-đầu, vào vườn Lộc dã của vua Bàn-đầu, trải tọa rồi ngồi.”

Bấy giờ, Phật nói bài tụng:

*Như sư tử trong rừng,  
Mặc tình mà đi đạo.  
Phật kia cũng như vậy,  
Du hành không trở ngại.*

“Phật Tỳ-bà-thi bảo người giữ vườn: ‘Người hãy vào thành bảo với vương tử Đè-xá và Khiên-đồ con đại thần rằng: Các ngài có biết không, Đức Phật Tỳ-bà-thi hiện ở trong vườn Lộc dã, muốn gặp các ngài? Các ngài nên biết bây giờ là phải thời.’ Người giữ vườn vâng mệnh tìm đến chỗ hai người trình đủ những điều Phật dạy. Hai người nghe xong, liền đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ, rồi đứng lại một bên. Phật lần lượt thuyết pháp cho họ nghe, chỉ bày, giáo huấn, khiến cho lợi ích, hoan hỷ. Ngài giảng về bố thí, trì giới, sanh thiêng; dục là xấu ác, bất tịnh; phiền não là nguy hiểm<sup>90</sup>; tán dương sự xuất ly là pháp rất vi diệu tối thượng, thanh tịnh bậc nhất. Khi Phật thấy hai

<sup>89</sup>. Hán: cam lộ pháp môn 甘露法門; Pāli: amatassa dvāra, cánh cửa bất tử.

<sup>90</sup>. Dục ác bất tịnh thượng lậu vi hoạn 欲惡不淨上漏爲患. So sánh Pāli, D. 14, sốd.: kāmānam ādinavam okāram samkilesam: dục là nguy hiểm, hả liệt, ô nhiễm.

người đã có một tâm ý mềm mại, hoan hỷ tin vui, đủ sức lãnh thọ chánh pháp, thì dạy tiếp về Khổ thánh đế; phân tích, giảng giải, mở bày rành rẽ về Khổ tập thánh đế, Khổ diệt thánh đế và Khổ xuất yếu thánh đế<sup>91</sup>. Bấy giờ vương tử Đề-xá và con trai đại thần là Khiên-đồ ngay tại chỗ, xa lìa trần cầu, được pháp nhän thanh tịnh, như tấm vải trắng dẽ nhuộm sắc màu.

“Lúc ấy, địa thần bèn xướng lên rằng: ‘Đức Tỳ-bà-thi Như Lai ở vườn Lộc dã, thành Bàn-đầu, chuyển Pháp luân vô thượng mà các Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm và các Người thế gian khác không thể chuyển được.’ Tiếng nói ấy lần lượt vang đến cõi Tứ thiên vương, cho đến cõi trời Tha hóa tự tại, rồi trong khoảnh khắc vang đến cõi Phạm thiên.”

Phật liền dạy bài kệ:

*Tâm vui mừng hơn hở,  
Xưng tán Đức Như Lai.  
Tỳ-bà-thi thành Phật,  
Chuyển Pháp luân vô thượng.  
Bắt đầu từ đạo thọ,  
Di đến thành Bàn-đầu.  
Vì Đề-xá, Khiên-đồ  
Chuyển Pháp luân Tứ đế.  
Đề-xá và Khiên-đồ  
Nghe xong lời Phật dạy  
Ở trong pháp thanh tịnh  
Được phạm hạnh tối cao.  
Thiên chúng trời Dao-lợi  
Cho đến Thiên Đề Thích,  
Vui mừng bảo lẫn nhau,  
Nghe khắp cả chư Thiên:  
Phật xuất hiện thế gian,*

<sup>91</sup>. Khổ thánh đế 苦聖諦, Pāli: Dukkha ariya-sacca; Khổ tập thánh đế 苦集聖諦, Pāli: Dukkha-samudaya ariya-sacca; Khổ diệt thánh đế 苦滅聖諦, Pāli: Dukkha-nirodha ariya-sacca; Khổ xuất yếu thánh đế 苦出要聖諦, Pāli: Dukkha-nirodha-gāminī-paṭipadā ariya-sacca.

*Chuyển Pháp luân vô thương;  
 Tăng thêm hàng chư Thiên;  
 Giảm bớt A-tu-la.  
 Đặng Thế Tôn danh vang  
 Thiện trí<sup>92</sup> lìa thế biên.  
 Tự tại đối các pháp,  
 Đại Trí chuyển Pháp luân.  
 Quán sát pháp bình đẳng,  
 Tâm dứt sạch cầu bẩn,  
 Để lìa ách sanh tử,  
 Đại Trí chuyển Pháp luân.  
 Diệt khổ lìa các ác,  
 Ly dục được tự tại,  
 Xa lìa ngục ái ân,  
 Đại Trí chuyển Pháp luân.  
 Đặng Chánh Giác Tối Tôn,  
 Đặng Điều Ngự Lưỡng Túc,  
 Giải thoát mọi ràng buộc,  
 Đại Trí chuyển Pháp luân.  
 Đạo Sư khéo giáo hóa,  
 Hay uốn dẹp oán ma,  
 Xa lìa mọi điều ác,  
 Đại Trí chuyển Pháp luân.  
 Sức vô lậu hàng ma,  
 Các căn định, không lười,  
 Lâu tận, lìa ma trói,  
 Đại Trí chuyển Pháp luân.  
 Nếu học pháp quyết định,  
 Biết các pháp vô ngã,  
 Đó là pháp cao tột,  
 Đại Trí chuyển Pháp luân.  
 Không vì cầu lợi dưỡng  
 Cũng chẳng vì danh dự,*

<sup>92.</sup> Thiện trí 善智, TNM: khổ trí 苦智.

*Chỉ vì thương chúng sanh,  
 Đại Trí chuyển Pháp luân.  
 Thấy chúng sanh khổ ách,  
 Già, bệnh, chết bức bách,  
 Vì ba đường ác đó,  
 Đại Trí chuyển Pháp luân.  
 Đoạn tham, sân nhuế, si;  
 Nhổ sạch gốc tham ái,  
 Được giải thoát bất động,  
 Đại Trí chuyển Pháp luân.  
 Ta thắng việc khó thắng  
 Thắng để tự hàng phục,  
 Đã thắng ma khó thắng,  
 Đại Trí chuyển Pháp luân.  
 Pháp luân vô thương đó,  
 Chỉ Phật hay chuyển nói.  
 Hàng Thiên, Ma, Thích, Phạm,  
 Không ai chuyển nói được.  
 Thân cận chuyển Pháp luân,  
 Làm ích lợi Thiên, Nhân;  
 Bậc Thiên Nhân Sư đó,  
 Đã vượt đến bờ kia.*

“Lúc ấy vương tử Đề-xá và công tử Khiên-đồ đã thấy pháp, đắc quả, chân thật không dối thành tựu vô úy, liền bạch Phật rằng: ‘Chúng con muốn ở trong giáo pháp của Như Lai tịnh tu phạm hạnh.’ Phật nói: ‘Hãy đến đây, Tỳ-kheo<sup>93</sup>. Pháp ta thanh tịnh, tự tại; hãy tự mình tu hành để dứt trừ hết thống khổ.’ Ngay lúc ấy hai người liền đắc Cụ túc giới. Họ đắc giới chưa bao lâu, Như Lai lại thị hiện ba việc: một là Thần túc, hai là Quán tha tâm, ba là Giáo giới<sup>94</sup>, tức thì chứng đắc Tâm

<sup>93</sup>. Thiện lai Tỳ-kheo 善來比丘: Đức Phật trực tiếp truyền giới Cụ túc, theo Luật tạng, bằng cách nói như thế.

<sup>94</sup>. Ba thị đạo; Phật thực hiện ba điều kỳ diệu: 1. Thần biến thị đạo; 2. Ký tâm thị đạo; 3. Giáo giới thị đạo.

giải thoát vô lậu<sup>95</sup>, phát sinh Vô nghi trí<sup>96</sup>.

“Bấy giờ số đông nhân dân ở thành Bàn-đầu nghe hai người xuất gia học đạo, mang y cầm bát, tịnh tu phạm hạnh, họ nói nhau rằng: ‘Đạo ấy chắc là đạo chân thật, mới khiến các người kia bỏ vinh vị ở đời, bỏ các thứ quý trọng để tu theo.’ Rồi thì, trong thành có tám vạn bốn ngàn người đi đến vườn Lộc dã, chở Phật Tỳ-bà-thi, cùi đầu đánh lễ, ngồi lại một bên. Phật lần lượt thuyết pháp, chỉ bày, giáo huấn, khiến cho lợi ích, hoan hỷ<sup>97</sup>; nói về bố thí, về trì giới, về sinh thiên; chỉ rõ dục là xấu ác bất tịnh phiền não là nguy hiểm tán thán sự xuất ly là vi diệu tối thượng, thanh tịnh bậc nhất. Khi Đức Thế Tôn thấy đại chúng có một tâm ý mềm mại, hoan hỷ tín thọ, đủ sức lãnh thọ Chánh pháp, Ngài liền nói về Khổ thánh đế; phân tích, giảng giải, công bố Khổ tập thánh đế, Khổ diệt thánh đế, Khổ xuất yếu thánh đế. Ngay tại chở, cả bốn vạn tám ngàn người đều xa lìa trần cầu, được pháp nhãn thanh tịnh, như tấm vải trắng dễ nhuộm sắc màu. Họ được thấy pháp chứng quả, chân thật không dối, thành tựu vô úy, liền bạch Phật rằng: ‘Chúng con muốn ở trong giáo pháp Như Lai mà tịnh tu phạm hạnh.’ Phật dạy: ‘Hãy đến đây, Tỳ-kheo! Pháp ta thanh tịnh, tự tại; hãy theo đó tu hành để dứt trừ thống khổ.’ Khi đó tám vạn bốn ngàn người đều đắc Cụ túc giới. Đắc giới chưa bao lâu Như Lai lại thị hiện ba việc để giáo hóa: một là Thần túc, hai là Quán tha tâm, ba là Giáo giới. Họ tức thì chứng đắc Tâm giải thoát vô lậu, phát sinh Trí vô nghi.

“Hiện tiền có tám vạn bốn ngàn người khác, nghe Phật ở trong vườn Lộc dã chuyển Pháp luân vô thượng mà hàng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm và các người thế gian khác không thể chuyển được, liền đến thành Bàn-đầu chở Phật Tỳ-bà-thi, cùi đầu đánh lễ, ngồi lại một bên.”

Phật lại nói bài tụng:

<sup>95</sup>. Hán: Vô lậu tâm giải thoát 無漏心解脫; Pāli: Anupādāya āsavehi cittāni vimuccim̄su, do không còn chấp thủ mà tâm được giải thoát một cách không còn lậu hoặc.

<sup>96</sup>. Nguyên bản: sinh tử vô nghi trí 生死無疑智; Đây theo TNM: sinh vô nghi trí, không còn nghi ngờ về Bốn thánh đế.

<sup>97</sup>. Thứ tự bốn giai đoạn thuyết pháp của Phật.

*Như người cứu đầu cháy,  
Nhanh chóng tìm chỗ dập;  
Người kia cũng như vậy,  
Vội đến trước Như Lai.*

“Phật cũng vì họ nói pháp như trước.

“Đến lúc này tại thành Bàn-đầu đã có mươi sáu vạn<sup>98</sup> tám ngàn vị Đại Tỳ-kheo. Tỳ-kheo Đề-xá và Tỳ-kheo Khiên-đồ ở trong đại chúng bỗng bay lên không trung, thân phóng xuất nước lửa, hiện các thần thông biến hóa, nói pháp vi diệu cho đại chúng nghe. Bấy giờ Đức Như Lai thầm nghĩ: ‘Nay tại trong thành này đã có mươi sáu vạn tám ngàn Đại Tỳ-kheo, ta nên sai đi du hóa; chớ đi hai người một nhóm<sup>99</sup>, đến khắp các nơi, đúng sáu năm lại trở về thành này để thuyết Cụ túc giới<sup>100</sup>.’

“Bấy giờ, trời Thủ-đà-hội<sup>101</sup> biết được tâm tư của Như Lai, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất khỏi cõi trời kia mà hiện đến nơi này, đến trước Đức Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ, đứng lại một bên; giây lát, bạch Phật rằng: ‘Bạch Thế Tôn, thật như vậy, trong thành Bàn-đầu này có nhiều Tỳ-kheo, Ngài nên phân bố đi khắp mọi nơi, đúng sáu năm sẽ trở lại thành này để thuyết giới, con sẽ ủng hộ, khiến không ai tìm cơ hội phá khuấy các vị được.’ Như Lai sau khi nghe lời ấy, làm thịnh nhận lời. Trời Thủ-đà-hội thấy Phật làm thịnh nhận lời, đảnh lễ Phật xong, bỗng biến trở lại cõi trời. Không bao lâu sau, Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay trong thành này Tỳ-kheo đã đông, nên mỗi người phân bố đi mỗi hướng du hành giáo hóa. Sau sáu năm hãy trở về tập họp thuyết giới. Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, mang y cầm bát, đảnh lễ Phật rồi đi.”

<sup>98.</sup> TNM: ba mươi bốn vạn.

<sup>99.</sup> Nguyên trong bản: các nhị nhân câu 各二人俱. Có thể nhầm lẫn tự dạng các 各 và vật 勿: chớ có. Tham chiếu Pāli: mā ekena dve agamittha: chớ đi hai người thành một nhóm.

<sup>100.</sup> Để đọc Giới bốn Tỳ-kheo.

<sup>101.</sup> Thủ-đà-hội thiêん 首陀會天; Pāli: Suddhāvāsa), tức Tịnh cư thiêん 淨居天, trú xứ của các Thánh giả Bất hoàn 不還 Anagāmin); D. 14 sđd: aññataro mahābrahmā: một vị Đại phạm thiêん khác.

Phật bèn nói bài tụng:

*Phật sai<sup>102</sup> chúng không loạn,  
Ly dục, không luyến ái,  
Oai như chim kim sis;  
Như hạc bỏ ao hoang.*

“Sau đó một năm, trời Thủ-đà-hội nhắc lại các Tỳ-kheo: ‘Các ngài đi du hóa đã qua một năm, còn năm năm nữa, các ngài nên nhớ trọng sáu năm rồi hãy nhóm về thành mà thuyết giới.’ Cứ như thế, đến năm thứ sáu, trời lại nhắc rằng: ‘Sáu năm đã mãn, nên trở về thành mà thuyết giới.’ Các Tỳ-kheo nghe lời nhắc xong, thu xếp y bát, trở lại thành Bàn-đầu, đến Lộc dã chô Phat Tỳ-bà-thi, cùi đầu đánh lẽ, ngồi lui một bên.”

Phật nói bài tụng:

*Như voi khéo huấn luyện,  
Tùy ý sai khiến đi;  
Đại chúng cũng như vậy,  
Vâng lời mà trở về.*

“Bấy giờ, ở trước mặt đại chúng, Như Lai bay lên không trung, ngồi kiết già, giảng nói giới kinh:

*Nhân nhục là bậc nhất,  
Niết-bàn là tối thượng,  
Cao tót, nāo hại người,  
Không phải là Sa-môn.<sup>103</sup>*

“Trời Thủ-đà-hội lúc ấy ở cách Phat không xa, dùng bài kệ tán Phat rằng:

*Như Lai đai trí,  
Vi diệu độc tôn,  
Chỉ, quán đầy đủ,  
Thành Tối chánh giác.  
Vì thương quần sanh,*

<sup>102</sup>. Nguyên Hán: Phật tất vô loạn chúng 佛悉無亂眾; TNM: Phật khiển vô loạn chúng 佛遣無亂眾.

<sup>103</sup>. Xem, luật Tứ Phần, Giới Bổn Tỳ-kheo.

*Ở đời thành Đạo.  
 Đem Bốn chân đế  
 Dạy hàng Thanh-văn.  
 Khổ cùng khổ nhân,  
 Chân lý diệt khổ;  
 Tâm đạo Thánh hiền;  
 Dưa đến an lạc.  
 Phật Tỳ-bà-thi  
 Xuất hiện thế gian;  
 Ở giữa đại chúng  
 Như ánh mặt trời.*

“Nói xong bài kệ, bỗng nhiên biến mất.”

Bấy giờ, Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

“Ta nhớ lại, thuở xưa, khi ở tại núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyệt, có một lần sinh tâm nghĩ rằng: ‘Chỗ Ta sinh ra, đâu đâu cũng có, duy trừ cõi trời Thủ-đà-hội. Giả sử Ta sanh cõi trời kia, thời đã không trở lại đây.’

“Này các Tỳ-kheo, khi ấy Ta lại nghĩ rằng: khi Ta muốn đến cõi trời Vô tạo<sup>104</sup>, tức thì trong khoảnh khắc như tráng sī co duỗi cánh tay, Ta biến mất ở đây mà hiện ở kia. Chư Thiên lúc đó thấy ta đến, liền đánh lẽ, đứng lại một bên, bạch với ta rằng: ‘Chúng con đều là đệ tử Đức Phật Tỳ-bà-thi. Chúng con nhờ sự giáo hóa của Ngài mà được sanh đến cõi này.’ Rồi họ kể đủ nhân duyên gốc ngọn của Đức Phật Tỳ-bà-thi. Họ lại nói: ‘Các Đức Phật Thi-kí, Tỳ-xá-bà, Câu-lưu-tôn, Câu-na-hàm, Ca-diếp, Thích-ca Mâu-ni, thảy đều là Thầy của con. Con chịu sự giáo hóa ấy mà sinh ở đây.’ Họ cũng nói nhân duyên bản mặt chư Phật. Cho đến chư Thiên ở cõi trời A-ca-ni-trá, cũng kể với ta như thế<sup>105</sup>. ”

Bấy giờ Phật nói bài tụng:

<sup>104</sup>. Vô tạo 無 造, hay Vô phiền 無 煩; Pāli: Avīha, Skt.: Avriha: một trong năm Tịnh cư thiên.

<sup>105</sup>. A-ca-ni-trá 阿迦膩昨 hay A-ca-ni-sắc 阿迦膩色, cũng gọi là Hữu đảnh, chỉ đỉnh cao của sắc giới, tầng chót trong năm Tịnh cư thiên; Pāli: akaniṭṭha, Skt.: Akaniṣṭha.

Ví như lực sĩ,  
 Cơ duỗi cánh tay  
 Ta, bằng thân thông,  
 Đến trời Vô tạo.  
 Đại Tiên thứ bảy<sup>106</sup>,  
 Hàng phục hai ma,  
 Vô nhiệt<sup>107</sup> vô kiến  
 Chắp tay kính lê.  
 Như cây trú đặc<sup>108</sup>  
 Tiếng đồn Thích Sư,  
 Tướng tốt đầy đủ,  
 Đến trời Thiện kiến.<sup>109</sup>  
 Ví như hoa sen,  
 Không bị dính nước.  
 Thế Tôn vô nhiễm,  
 Đến Đại thiện kiến<sup>110</sup>.  
 Mặt trời mới mọc,  
 Không chút bụi che;  
 Sáng như trăng thu,  
 Đến Nhất cứu cánh.<sup>111</sup>  
 Năm Tịnh cư này,  
 Chúng sanh hành tịnh,  
 Tâm tịnh nên đến  
 Trời không phiền não.  
 Tịnh tâm mà đến,

<sup>106.</sup> Đệ thất Đại Tiên 第七大仙, chỉ Đức Thích Tôn; Skt.: Saptamarsi.

<sup>107.</sup> Vô nhiệt 無熱; Pāli: Atappa, phía trên Vô phiền thiên (Pāli. Avīha); một trong năm Tịnh cư thiên.

<sup>108.</sup> Trú đặc hoặc trú độ 畫度: cây thần thoại, tín hiệu cho ban ngày trên trời Dao lợi.

<sup>109.</sup> Thiện kiến thiên 善見天; Pāli: Sudassa (Skt.: Sudriśa), một trong năm cõi Tịnh cư của Thánh giả A-na-hàm.

<sup>110.</sup> Đại thiện kiến thiên; Pāli: Sudassī (Skt.: Sudrarsana) tức chỗ khác gọi Thiện hiện, một trong năm cõi Tịnh cư của Thánh giả A-na-hàm.

<sup>111.</sup> Nhất cứu cánh 一究竟, hay Sắc cứu cánh, cũng gọi là Hữu đánh; Pāli: Akaniththa (Skt.: Akaniṣṭha: A-ca-ni-trá thiên), cao nhất trong năm Tịnh cư.

*Làm đệ tử Phật.  
 Xả ly nhiễm thủ,  
 Vui nơi vô thủ,  
 Thấy pháp quyết định,  
 Đệ tử Tỳ-bà-thi.  
 Tịnh tâm mà đến  
 Với Đại Tiên Nhân.  
 Đệ tử Thi-khí  
 Vô cầu, vô vi.  
 Tịnh tâm mà đến  
 Với Đáng Ly Hữu.  
 Đệ tử Tỳ-xá,  
 Các căn đầy đủ.  
 Tịnh tâm đến Ta,  
 Như mặt trời chiếu.  
 Con Câu-lưu-tôn,  
 Xả ly các dục.  
 Tịnh tâm đến Ta,  
 Sáng mầu rực ánh.  
 Đệ tử Câu-na-hàm,  
 Vô cầu vô vi.  
 Tịnh tâm đến Ta,  
 Sáng như trăng đầy.  
 Đệ tử Ca-diếp,  
 Các căn đầy đủ.  
 Tịnh tâm đến Ta,  
 Như bắc thiên niệm<sup>112</sup>  
 Đại Tiên bất loạn.  
 Thần túc bậc nhất,  
 Bằng tâm kiên cố,  
 Làm đệ tử Phật.  
 Tịnh tâm mà đến,  
 Làm đệ tử Phật;*

---

<sup>112</sup>. Như bắc thiên niệm 如 北 天 念, không rõ nghĩa. Bản Cao ly không có; TNM có.

*Kính lẽ Như Lai,  
Kể rõ Chí Tôn,  
Chỗ sinh, thành đạo,  
Danh tánh, chủng tộc,  
Tri kiến thâm pháp,  
Thành đạo Vô thương.  
Tỳ-kheo nơi vắng,  
Xa lìa bụi đời,  
Siêng năng không lười.  
Đoạn chư hữu kết  
Ấy là nhân duyên,  
Sự tích chư Phật,  
Mà được diễn giải,  
Bởi Đức Thích-ca.*

Phật nói kinh “Đại nhân duyên” xong. Các Tỳ-kheo nghe những điều Phật nói hoan hỷ phụng hành.



## 2. KINH DU HÀNH<sup>1</sup>

### I<sup>2</sup>

Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyệt<sup>3</sup> cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ, A-xà-thế<sup>4</sup>, vua nước Ma-kiệt, muốn chinh phạt nước Bạt-kỳ<sup>5</sup>, mới tự nghĩ: “Nước ấy tuy mạnh, dân chúng giàu mạnh, nhưng lấy sức ta để thắng họ không phải là khó”.

Rồi vua A-xà-thế sai đại thần Bà-la-môn Vũ-xá<sup>6</sup>: “Khanh hãy

<sup>1</sup>. Bản Hán, *Phật Thuyết Trưởng A-hàm kinh*, quyển 2. Tham chiếu, *Phật Bát-nê-hoàn kinh*, Tây Tấn, Bạch Pháp Tổ dịch (Đại I, tr.160); *Đại Bát-niết-bàn kinh*, Đông Tấn Pháp Hiển dịch (Đại I, tr.191); *Bát-nê-hoàn kinh*, vô danh dịch (Đại I tr.176); *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-nại-da Tạp Sư*, Đường Nghĩa Tịnh dịch (Đại XXIV, tr. 382); *Trung A-hàm*, No.142 “Vũ Thế kinh” (Đại I, tr.648), No.3 “Thành Dụ kinh” (Đại I, tr.422, No.68 “Đại Thiện Kiến Vương kinh” (Đại I, tr.515), No.26 “Thị Giả kinh” (Đại I, tr.471). Tương đương Pāli, D. 16 (Deva Digh II. 3): Mahā-parinibbāna-suttanta; tham chiếu, D.17 (Deva Dig II. 4): Mahā-Sudassana-suttanta.

<sup>2</sup>. Bản Hán: “Đệ nhất phần sơ, Du Hành kinh Đệ nhị sơ”. Phần I của kinh Du Hành.

<sup>3</sup>. La-duyệt hay La-duyệt-kỳ 羅閱祇; Pāli: Rājagaha, tức thành Vương xá 王舍, thủ phủ nước Ma-kiệt-dà (Pāli: Magadha). Kỳ-xà-quật (hay khố) 耆闍崛 dịch là Thủ sơn 首山, Thủ linh 首嶺, hay Linh thủ sơn 靈鷲山, tục gọi núi Kēn kēn; Pāli: Gijjhakūṭa.

<sup>4</sup>. Tên gọi đủ: A-xà-thế Vi-đề-hi Tử 阿闍世韋提希子; Pāli: Ajātasattu Veدهiputta, Skt.: Ajātaśatru-vaidehiputra, A-xà-thế, con bà Vi-đề-hi, vua nước Ma-kiệt-dà (Pāli, Skt.: Magadha).

<sup>5</sup>. Bạt-kỳ 跋祇; Pāli: Vajji, tên một thị tộc, nhà nước thị tộc, thời Phật.

<sup>6</sup>. Vũ-xá 禹舍; Pāli: Vassakāra, nghĩa: Vũ Hành 雨行, Vũ Tác 雨作, Vũ Thế 雨勢.

đến núi Kỳ-xà-quật, chở Đức Thế Tôn, nhân danh ta đánh lẽ dưới chân Thế Tôn và thăm hỏi Đức Thế Tôn, Ngài đời sống thường nhật có thoải mái không, đi đứng có khỏe mạnh không. Sau đó lại bạch Đức Thế Tôn, người nước Bạt-kỳ tự ý hùng cường, dân chúng giàu mạnh, không chịu thần phục ta. Ta muốn chinh phạt chúng. Không hiểu Đức Thế Tôn có dạy bảo gì không? Nếu Ngài có dạy thế nào, ngươi hãy nhớ cho kỹ, chớ để quên sót, hãy nói lại cho ta hay những gì khanh đã nghe. Những điều Như Lai nói không bao giờ hư dối.”

Đại thần Vũ-xá lanh mạng, cưỡi xe báu đi đến núi Kỳ-xà-quật. Đến chở phải dừng, ông xuống xe, đi bộ đến chở Đức Thế Tôn, thăm hỏi xong, ngồi lại một bên, bạch Đức Thế Tôn rằng:

“Vua nước Ma-kiệt là A-xà-thế cúi đầu đánh lẽ dưới chân Phật và ân cần kính hỏi Ngài, đời sống thường nhật có thoải mái chẳng, lui tới có được mạnh khỏe không?”

Ông lại thưa tiếp:

“Người nước Bạt-kỳ tự thị dũng mãnh, dân chúng giàu mạnh, không chịu thần phục nhà vua, nên nhà vua muốn chinh phạt. Chẳng hay Đức Thế Tôn có dạy bảo gì không?”

Lúc đó, A-nan đang cầm quạt đứng hầu sau Phật. Phật hỏi A-nan:

“Ngươi có nghe dân nước Bạt-kỳ thường nhóm họp bàn những sự việc chân chánh không?”

A-nan đáp:

“Con có nghe.”

Phật nói với A-nan:

“Nếu được như thế, lớn nhỏ hòa thuận, nước đó lại càng thịnh vượng; nước ấy sẽ an ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

“Này A-nan, ngươi có nghe người nước Bạt-kỳ vua tôi hòa thuận, trên dưới kính nhường nhau không?”

“Con có nghe.”

“Nếu được như vậy, lớn nhỏ hòa thuận, nước đó càng thêm thịnh vượng và được yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

“Này A-nan, ngươi có nghe dân nước Bạt-kỳ thường tôn trọng pháp luật, hiểu điều cấm kỵ, chẳng trái lẽ độ không?”

“Con có nghe.”

“Này A-nan, nếu được như vậy, lớn nhỏ hòa thuận, nước đó càng

thêm thịnh vượng và yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

“Này A-nan! Người có nghe dân nước Bạt-kỳ hiếu dưỡng cha mẹ, kính thuận sư trưởng không?”

“Con có nghe.”

“Này A-nan, nếu vậy, lớn nhỏ hòa thuận, nước đó càng thêm thịnh vượng và yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

“Này A-nan! Người có nghe dân nước Bạt-kỳ thường tôn trọng tông miếu, kính nể quý thần không?”

“Con có nghe.”

“Này A-nan, nếu được như vậy thì lớn nhỏ hòa thuận, nước đó càng thêm thịnh vượng và yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

“Này A-nan, người có nghe dân nước Bạt-ky giữ gìn khuê môn trinh chính, thanh khiết, không bậy bạ, cho đến sự vui đùa, nói năng cũng không tà vạy không?”

“Con có nghe.”

“Này A-nan, nếu được như vậy thì lớn nhỏ hòa thuận, nước đó càng thêm thịnh vượng và yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

“Này A-nan, người có nghe dân nước Bạt-kỳ tôn thờ Sa-môn, kính người trì giới và thân cận ủng hộ chẳng biếng nhác không?”

“Con có nghe.”

“Này A-nan, nếu được như vậy thì nước đó càng thêm thịnh vượng và yên ổn lâu dài, không thể xâm hại được.

Bấy giờ, đại thần Vũ-xá liền bạch Phật:

“Nhân dân nước kia nếu thi hành có một điều còn không mong gì thắng họ, huống nay họ đủ cả bảy điều. Vì việc nước quá bận, con xin từ tạ trở về.”

Phật nói:

“Nên biết thời giờ.”

Vũ-xá liền đứng dậy đi quanh Phật ba vòng rồi vái chào mà lui.

Vũ-xá đi chưa bao lâu, Phật bảo A-nan:

“Ngươi hãy truyền cho các Tỳ-kheo ở chung quanh thành La-duyệt-kỳ nhóm hết lại giảng đường.”

A-nan vâng lệnh đi đến thành La-duyệt-kỳ tập họp hết các Tỳ-kheo lại giảng đường xong, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, các Tỳ-kheo đã nhóm đủ, kính mong Đức

Thánh biết thời.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền đứng dậy đi đến giảng đường, ngồi lên chỗ ngồi dọn sẵn, bảo các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ giảng cho các thầy bảy pháp bất thối<sup>7</sup>. Các thầy hãy lắng nghe, lắng nghe, suy nghĩ kỹ.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn. Chúng con muốn nghe.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo, bảy pháp bất thối là:

“1. Thường hội họp luận bàn nghĩa lý chân chính, thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.<sup>8</sup>

“2. Trên dưới hòa đồng, kính thuận không trái, thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

“3. Trọng pháp, hiểu điều cấm kỵ, không trái qui chế, thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

“4. Nếu có Tỳ-kheo nào có năng lực hộ chúng, có nhiều tri thức, nên được kính thờ, thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

“5. Niệm hộ tâm ý<sup>9</sup>, lấy sự hiếu kính làm đầu, thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

“6. Tịnh tu phạm hạnh, không chạy theo trạng thái dục<sup>10</sup>, thời lớn nhỏ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

“7. Trước người rồi sau mình, không tham lam danh lợi, thời già trẻ hòa thuận mà Chánh pháp không bị suy thoái.

“Này các Tỳ-kheo, lại có bảy pháp làm cho Chánh pháp tăng trưởng không tổn giảm.

<sup>7</sup>. Bất thối pháp 不退法; Pāli: aparihāniya-dhamma, không suy thoái. Trong kinh này, có hai loại bảy pháp bất thối: bảy bất thối của quốc vương (rājā-aparihāniya-dhamma) và bảy bất thối của Tỳ-kheo (bhikkhu-aparihāniya-dhamma).

<sup>8</sup>. Trường 15 (Tập I, tr. 547): “chúng Tỳ-kheo sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm”.

<sup>9</sup>. Hộ niệm tâm ý 護念心意; Pāli: paccatām yeva satīm upaṭṭhāpeti, mỗi người tự mình hộ trì chánh niệm.

<sup>10</sup>. Dục thái 欲態; Pāli: Bhikkhū (...) taṇhāya (...) na vasam gacchassanti, các Tỳ-kheo không bị chi phối bởi khát ái.

“1. Ưa ít việc, không ưa nhiều việc<sup>11</sup>, thời Chánh pháp tăng trưởng không bị tổn giảm.

“2. Ưa yên lặng, không ưa nói nhiều.

“3. Bớt sự ngủ nghỉ, tâm không hôn muội.

“4. Không tụ họp nói việc vô ích.

“5. Không tự khen ngợi khi mình thiếu đức<sup>12</sup>.

“6. Không kết bè bạn với người xấu ác.

“7. Ưa ở một mình nơi chỗ nhàn tịnh, núi rừng.

“Này Tỳ-kheo, được như vậy, thời Chánh pháp sẽ được tăng trưởng, không bị tổn giảm.

“Này các Tỳ-kheo! Lại có bảy pháp làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị tổn giảm.

“1. Có tín tâm; tin Đức Như Lai, Chí Chân, Chánh Giác, đủ mười đức hiệu.

“2. Có tầm, biết hổ với điều thiếu sót của mình.

“3. Có quý, biết thiện với việc ác mình đã làm.

“4. Đa văn, những điều đã được thọ trì đều tốt ở đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối, nghĩa và vị thâm áo, thanh tịnh không bẩn, phạm hạnh đầy đủ.

“5. Siêng năng cần khổ, bỏ ác tu lành, chuyên tâm tập luyện mãi không ngừng.

“6. Điều đã học tập được, ghi nhớ mãi không quên.

“7. Tu tập trí tuệ, biết pháp sanh diệt, hướng đến Hiền thánh, dứt hết gốc khổ.

“Với bảy pháp như thế thời Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn.

“Này các Tỳ-kheo! Lại có bảy pháp làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn:

“1. Kinh Phật.

“2. Kinh Pháp.

“3. Kinh Tăng.

<sup>11</sup>. D. 15 (Deva Dig II. 3, tr. 32): na kammārāmā bhavissanti: không ưa thích tác nghiệp. Kamma, nghiệp hay tác nghiệp ở đây được hiểu là thế sự.

<sup>12</sup>. D. 15 sđd.: na pāpicchā bhavissanti: không có những ham muốn xấu (ác dục).

“4. Kinh giới luật.

“5. Kinh thiền định.

“6. Kinh thuận cha mẹ.

“7. Kinh pháp không buông lung.

“Bảy pháp như vậy làm cho Chánh pháp tăng trưởng mãi không bị hao tổn.

“Này các Tỳ-kheo! Lại có bảy pháp làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn:

“1. Quán thân bất tịnh.

“2. Quán đồ ăn bất tịnh.

“3. Chẳng mê đắm thế gian.

“4. Thường suy niệm về sự chết.

“5. Suy niệm về vô thường.

“6. Suy niệm về vô thường tức khổ.

“7. Suy niệm khổ tức vô ngã.

“Bảy pháp như vậy làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn.

“Này các Tỳ-kheo! Lại có bảy pháp làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn:

“1. Tu về niệm giác ý<sup>13</sup>, nhàn tịnh, vô dục, xuất ly, vô vi<sup>14</sup>.

“2. Tu về pháp giác ý.

“3. Tu về tinh tấn giác ý.

“4. Tu về hỷ giác ý.

“5. Tu về ỷ giác ý.

“6. Tu về định giác ý.

“7. Tu về hộ giác ý.<sup>15</sup>

“Bảy pháp như vậy làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn.

“Này các Tỳ-kheo! Có sáu pháp bất thối làm cho Chánh pháp

<sup>13</sup>. Niệm giác ý 念覺意, hay niệm giác chi 念覺支, xem kinh số 10 “kinh Thập Thượng” ở sau.

<sup>14</sup>. Tham chiếu, Trường A-hàm, “10 kinh Thập Thượng”: y vô dục, y tịch diệt, y viễn ly 依無欲依寂滅依遠離.

<sup>15</sup>. Xem chú thích trên. So sánh các thuật ngữ.

tăng trưởng không bị hao tổn.

- “1. Thân thường hành xử từ ái, không hại chúng sanh.
- “2. Miệng nói nhân từ, không diễn lời dữ.
- “3. Ý niệm Từ tâm, không ôm lòng thêm bớt<sup>16</sup>.
- “4. Được vật lợi dưỡng hợp lẽ, chia cùng chúng hưởng, bình đẳng như nhau.

“5. Giữ giới Thánh hiền không để khuyết lậu, cũng không cầu uế, nhất định không dao động<sup>17</sup>.

“6. Thấy đạo Thánh hiền để dứt hết thống khổ.<sup>18</sup>

“Sáu pháp như vậy làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn.

“Này các Tỳ-kheo, lại có sáu pháp bất thối làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn:

- “1. Niệm Phật.
- “2. Niệm Pháp.
- “3. Niệm Tăng.
- “4. Niệm giới.
- “5. Niệm thí.
- “6. Niệm thiên.

Sáu niệm ấy làm cho Chánh pháp tăng trưởng không bị hao tổn.”

Bấy giờ, Thế Tôn sau khi tùy nghi trú ở La-duyệt-kỳ<sup>19</sup>, Ngài bảo A-nan rằng:

“Các thầy hãy sẵn sàng, ta muốn đi đến Trúc viên<sup>20</sup>.”

Đáp: “Thưa vâng.”

<sup>16</sup>. Nguyên: bất hoài hoại tổn 不懷壞損, không ôm lòng gây hại. TNM: bất hoài tăng tổn 不懷增損.

<sup>17</sup>. Hán: tất định bất động 必定不動. So sánh Pāli, D. 15 (Deva Dig II. 3, tr. 35): saparāmatthāni samādhisaṃvattanikāni... “những giới luật không bị ô nhiễm bởi mục đích sai lạc, những giới luật hướng đến định tâm” (Trường 15, I, tr. 554).

<sup>18</sup>. Đoạn trên thường được biết là sáu pháp hòa kính, tức pháp lục hòa.

<sup>19</sup>. Hán: tùy nghi trú dī 隨宜住已. So sánh, D.15: yathābhīrantam viharitvā, Trường I, tr. 555: “ở... cho đến khi Ngài xem là vừa đủ”.

<sup>20</sup>. Chỉ Ca-lan-đà trúc viên 迦闍陀竹園; Pāli: Veļuvana-kalandanivāpa, khu rừng trúc nổi tiếng ở Ma-kiệt-đà (Magadha). Trong bản Pāli, sđd.: Phật đến Ambalatthika, một tịnh thất bên ngoài Trúc lâm tinh xá.

Rồi Ngài sửa soạn y bát, cùng đại chúng thị tùng, Thế Tôn theo ngả đường từ Ma-kiệt đi đến Trúc viên. Sau khi lên giảng đường an tọa, Phật dạy các Tỳ-kheo về giới, định, tuệ; tu giới đắc định<sup>21</sup>, được quả báo lớn; tu định đắc trí, được quả báo lớn; tu trí tâm tịnh, được giải thoát hoàn toàn<sup>22</sup>, dứt hết ba thứ lậu hoặc là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Sau khi đã giải thoát liền phát sanh trí về sự giải thoát<sup>23</sup>, sanh tử dứt hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh nữa.”

Bấy giờ, Thế Tôn sau khi tùy nghi trú ở Trúc viên, Ngài bảo A-nan:

“Các thầy hãy sửa soạn, hãy đi đến thành Ba-lăng-phất<sup>24</sup>. ”

Đáp: “Kính vâng.”

Rồi Ngài sửa soạn y bát cùng với đại chúng theo hầu, Thế Tôn từ Ma-kiệt đi đến thành Ba-lăng-phất và ngồi ở gốc cây Ba-lăng<sup>25</sup>. Lúc ấy các Thanh tín sĩ<sup>26</sup> tại đó nghe Phật cùng đại chúng từ xa đến nghỉ dưới cây Ba-lăng, bèn cùng nhau ra khỏi thành, từ xa trông thấy Thế Tôn ngồi dưới gốc cây Ba-lăng dung mạo đoan chính, các căn vắng lặng, nhu thuận tột bức, như con rồng lớn, như nước đứng trong, không chút bợn nhơ, đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm tột bức. Thấy rồi, ai nấy hoan hỷ, lần đến chỗ Phật, đầu mặt lỗ chân Phật, rồi ngồi lại một bên. Đức Thế Tôn theo thứ lớp nói pháp, khai tỏ, giáo huấn, khiến cho lợi ích, hoan hỷ<sup>27</sup>. Các Thanh tín sĩ được nghe Phật nói

<sup>21</sup>. Hán: tu giới hoạch định 修 戒 獲 定; Pāli, D. 15, sđd.: sīlaparibhāvito samādhi; Trường I, tr. 554: “định cùng tu với giới”.

<sup>22</sup>. Hán: tu trí tâm tịnh đắc đẳng giải thoát 修 智 心 淨 得 等 解 脱; Pāli, sđd.: paññāparibhā-vitam cittam sammadeva āsavehi vimuccati, tâm cùng tu với tuệ đưa đến giải thoát hoàn toàn các lậu.

<sup>23</sup>. Nghĩa là, sau khi giải thoát, biết rõ mình đã giải thoát.

<sup>24</sup>. Ba-lăng-phất 巴陵弗, bản Minh: Ba-liên-phất 巴連弗; Pāli: Pātaliputta, Skt.: Pātaliputra (Hoa thị thành 華氏城 hay Hoa tử thành 華子城). Trong thời Phật, địa phương này chỉ là một ngôi làng trong vương quốc Magadha, vì vậy D.15 (Deva Dig ii. 3 ) nói nó là Pātaligāma: làng Patali.

<sup>25</sup>. Ba-lăng-thọ 巴陵樹; Pāli: Pātalī, cây hoa kèn.

<sup>26</sup>. Thanh tín sĩ 清信士, hay Uu-bà-tắc 優婆塞; Pāli: Upāsaka.

<sup>27</sup>. Thị, giáo, lợi, hỷ 示, 教, 利, 喜: bốn tuần tự thuyết pháp của Phật; Pāli: sandassesi samādapesi samuttejesi sampaham̄sesi: chỉ bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, hoan hỷ.

Pháp liền bạch Phật rằng:

“Chúng con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Thánh chúng. Ngưỡng mong Đức Thế Tôn thương xót chấp nhận cho chúng con được làm Ưu-bà-tắc. Từ nay về sau, nguyện không giết, không trộm, không tà dâm<sup>28</sup>, không nói dối, không uống rượu. Chúng con sẽ giữ giới không bao giờ quên<sup>29</sup>. Ngày mai chúng con xin cúng dường. Ngưỡng mong Thế Tôn cùng đại chúng rủ lòng hạ cố.”

Đức Thế Tôn làm thinh nhận lời. Các Thanh tín sĩ thấy Phật làm thinh nhận lời, liền đứng dậy đi quanh Phật ba vòng làm lễ rồi lui ra. Vì Đức Như Lai, họ dựng ngôi nhà lớn, ban sửa đất đai, quét tước, rưới nước, xông hương, trang hoàng bảo tọa. Khi thiết cúng xong, họ đến bạch Phật:

“Cỗ đã dọn xong, cúi mong Đức Thánh biết đã đến giờ.”

Khi ấy, Thế Tôn liền đứng dậy mang y cầm bát cùng đại chúng đến giảng đường. Đến nơi, rửa tay chân xong, Phật ngồi giữa, các Tỳ-kheo ngồi bên tả, các Thanh tín sĩ ngồi bên hữu.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Thanh tín sĩ rằng:

“Phàm người phạm giới thời có năm điều suy hao. Những gì là năm?

“1. Cầu tài lợi không được toại nguyện.

“2. Dẫu có được tài lợi, ngày mỗi hao mòn.

“3. Bất cứ đến đâu cũng không được mọi người kính nể.

“4. Tiếng xấu đồn khắp thiên hạ.

“5. Thân hoại mệnh chung sa vào địa ngục.

“Trái lại, này các Thanh tín sĩ, phàm người giữ giới sẽ có năm công đức. Những gì là năm?

“1. Cầu gì đều được như nguyện.

“2. Tài sản đã có thì thêm mãi không hao sút.

“3. Ở đâu cũng được mọi người kính mến.

“4. Tiếng tốt đồn khắp thiên hạ.

“5. Thân hoại mệnh chung được sanh lên cõi trời.”

Bấy giờ, đã nửa đêm, Phật bảo các Thanh tín sĩ hãy trở về. Các

<sup>28</sup>. Dâm 淫 (bộ thủy 水): tham sắc quá độ; phân biệt với dâm 媚 bộ 女: dâm dục. Do đó, bất dâm 不淫 ở đây được hiểu không tà dâm, tức Pāli: kāmesu micchācāro, hành vi tà vạy trong các dục lạc.

<sup>29</sup>. Bất vọng 不忘; TNM: bất vọng 不妄: không dối.

Thanh tín sī vâng lời, đi quanh Phật ba vòng, rồi đánh lẽ mà lui.

Bấy giờ, khi đêm vừa qua, ánh sáng vừa ló, Thế Tôn đi tới chỗ thanh vắng, bằng thiên nhān thanh tịnh, thấu suốt, thấy các vị thần lớn mỗi vị phong thủ đất đai nhà cửa<sup>30</sup> riêng, các thần trung, thần hạ cũng phong thủ đất đai nhà cửa. Thế Tôn liền trở lại giảng đường, lên chỗ ngồi. Tuy đã biết, nhưng Ngài vẫn hỏi:

“Này A-nan, ai tạo lập thành Ba-lăng-phát này?”

A-nan bạch Phật:

“Thành này do đại thần Vū-xá tạo ra để phòng ngự nước Bạt-kỳ.”

Phật nói với A-nan:

“Người tạo ra thành này rất hợp ý trời<sup>31</sup>. Lúc đêm đã tàn, trời vừa sáng, Ta đi tới chỗ thanh vắng, bằng thiên nhān, xem thấy các Đại Thiên thần mỗi vị phong thủ đất đai nhà cửa riêng, các trung thần, hạ thần cũng phong thủ đất đai nhà cửa. A-nan! Nên biết chỗ đất đai nhà cửa nào được Đại Thiên thần phong thủ, ai ở đó tất được an lạc nhiều<sup>32</sup>; còn chỗ trung thần phong thủ thì hàng trung nhân ở; chỗ hạ thần phong thủ thì hạ nhân ở và công đức nhiều ít cũng tùy theo chỗ ở ấy.

“Này A-nan, chỗ này là chỗ hiền nhân ở, kẻ bán buôn qui tụ, phép nước đúng đắn không dối ngụy<sup>33</sup>. Thành này rất tốt, được mọi nơi suy tôn, không thể phá hoại. Lâu về sau nếu có bị phá chăng chỉ do ba việc; một là bị nước lớn, hai là bị lửa lớn và ba là bị người trong thông mưu với người ngoài phá hoại được thành này.”

<sup>30</sup>. Hán: phong trạch địa 封宅地; Pāli: vatthum parigganhāti, chiếm hữu (hoặc thủ hộ) đất đai.

<sup>31</sup>. Hán: chánh đắc thiên ý 正得天意; Pāli, sđd.: Deva Dig ii, tr.70: seyyathāpi devehi Tāvatimsehi saddhim mantetvā, giống như sau khi đã hỏi ý các Thiên thần Tāvatimsa (Đao-lợi).

<sup>32</sup>. Tham chiếu Pāli, sđd.: yasmim padese mahesakkhā devatā vatthūni pariggan-hanti mahesakkhanam tatha raññam rājamahāmattānam cittāni namanti nivesa-nāni māpetum; nơi ở nào có Thiên thần có đại oai lực thủ hộ (chiếm lĩnh) đất đai, nơi ấy tâm thức các vua chúa và các đại thần có thế lực được hướng đến việc xây dựng các trú xứ.

<sup>33</sup>. Pāli, sđd.: Deva Dig ii. tr.71-72: yāvatā, Ānanda, ariyam āyatanaṁ, yāvatā vanippatho, idam agganagaram pātaliputtam puṭabhedanam, nơi nào là căn cứ địa của những người Ariyan, nơi nào là đô hội của các thương gia, nơi ấy một đô thị bậc nhất tên là Pātaliputta được thiết lập.

Trong lúc đó các Thanh tín sī Ba-lăng-phát suốt đêm cùng bày biện. Đúng giờ, họ đến bạch Phật:

“Cỗ đã dọn xong, cúi mong Đức Thánh biết là đã đến giờ.”<sup>34</sup>

Bấy giờ, các Thanh tín sī bụng đòn, tự tay bụng sot đồ ăn. Thọ thực xong dùng nước rửa. Rồi họ dọn một chõ ngồi nhỏ trước Phật. Phật chỉ bày mà rắng:

“Chõ này của các ngươi là chõ bậc Hiền trí, phần nhiều người trì giới tịnh tu phạm hạnh cư trú; các Thiện thần vui mừng ứng hộ.”

Rồi Ngài chú nguyện cho họ:

“Biết kính trọng thì được người kính trọng. Biết phụng sự thì được người phụng sự. Bố thí, kiêm ái, có lòng từ mẫn, được chư Thiên khen ngợi và thường cùng người lành sum họp, không cùng người ác ở chung.”

Bấy giờ, sau khi thuyết pháp xong, Đức Thế Tôn liền rời khỏi chõ, đại chúng hầu quanh mà đưa Ngài trở về. Đại thần Vũ-xá đi theo sau Phật, nghĩ rằng:

“Hôm nay, nhân Đức Sa-môn Cù-dàm đi qua cửa thành này, ta hãy gọi cửa này là cửa Cù-dàm.”<sup>35</sup>

Lại nhân bến sông mà Phật sang ngang, liền đặt tên chõ đó là bến Cù-dàm.<sup>36</sup>

Đức Thế Tôn ra khỏi thành Ba-lăng-phát, đi đến bờ sông. Lúc ấy, trên bờ sông có nhiều người, trong số đó có người thì dùng thuyền, có người dùng bè, có người dùng phà mà sang sông. Đức Thế Tôn cùng đại chúng chỉ trong khoảnh khắc, như lực sī co duỗi cánh tay, đã đến cả bên kia sông. Sau khi quán sát nghĩa này, Thế Tôn liền nói bài tụng:

*Phật là Hải Thuyền Sư  
Pháp là cầu sang sông,  
Là chiếc xe Đại thừa,  
Đưa hết thảy trời, người.*

<sup>34</sup>. Pāli: Kālo bho Gotama niṭṭhitam bhattam, “Đã đến giờ, bạch Tôn giả Gotama, cơm đã dọn xong”.

<sup>35</sup>. Hán: Cù-dàm môn 翟曇門; Pāli: Gotama-dvāra.

<sup>36</sup>. Cù-dàm độ 翟曇渡; Pāli: Gotama-tittham.

*Là Đấng Tự Giải Thoát,  
Sang sông, thành Phật-dà<sup>37</sup>.  
Khiến tất cả đệ tử,  
Giải thoát, đắc Niết-bàn.*

Thế Tôn lại từ nước Bạt-kỳ đi đến thôn Câu-ly<sup>38</sup> nghỉ ở dưới một khóm rừng và bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn pháp thâm diệu: một là Thánh giới; hai là Thánh định; ba là Thánh tuệ và bốn là Thánh giải thoát. Đó là pháp vi diệu khó hiểu, khó biết, mà ta với các ông xưa kia vì không hiểu rõ nên mãi trôi lăn không cùng trong vòng sống chết.”

Quán xét theo nghĩa đó, Phật liền dạy bài kệ:

*Giới, định, tuệ, giải thoát,  
Duy Phật phân biệt rõ.  
Lìa khổ độ chúng sanh,  
Khiến dứt mầm sanh tử.*

Bấy giờ, Thế Tôn sau khi tùy nghi trú ở thôn Câu-ly lại bảo A-nan cùng đi đến thôn Na-dà<sup>39</sup>. A-nan vâng lời, khoác y ôm bát cùng với đại chúng đi theo Phật, theo con đường từ Bạt-kỳ đến Na-dà và dừng lại chỗ Kiền-chùy<sup>40</sup>.

Bấy giờ, A-nan ở chỗ thanh vắng yên lặng suy nghĩ: “Thôn Na-dà này có mười hai cư sĩ là Già-già-la, Già-lăng-già, Tỳ-già-dà, Già-lê-thâu, Giá-lâu, Bà-da-lâu, Bà-đầu-lâu, Tẩu-bà-đầu-lâu, Đà-lê-xá-nậu, Tẩu-đạt-lê-xá-nậu, Da-thâu, Da-thâu-đa-lâu đã qua đời<sup>41</sup>. Hiện nay không biết họ

<sup>37</sup>. Hán: đắc thăng tiên 得昇仙.

<sup>38</sup>. Câu-ly 拘利; Pāli: Koṭigāma.

<sup>39</sup>. Na-dà thôn 那陀村; Pāli: Nādikā.

<sup>40</sup>. Kiền-chùy xứ 犍椎處; Pāli: Ginjakāvasatha, cũng nói là Kiền-chùy tinh xá 犍椎精舍 hay Luyện ngõa đường 煉瓦堂, ngôi nhà lợp ngói.

<sup>41</sup>. Danh sách mười hai cư sĩ ở Na-dà: Già-già-la 伽伽羅, Già-lăng-già 伽陵伽, Tỳ-già-dà 毗伽陀, Già-ly- (TNM: lê) thâu 伽利(梨)輸, Giá-lâu 遮樓, Bà-da-lâu 婆耶樓, Bà-đầu-lâu 婆頭樓, Tẩu-bà-đầu-lâu 蔽婆頭樓, Đà-lê-xá-nậu 陀梨舍耨, Tẩu-đạt-lê-xá-nậu 蔽達利舍耨, Da-thâu (du) 耶輸, Da-thâu (du)-đa-lâu 耶輸多樓. Danh sách những người chết được đề cập, D. 15 (Deva Dig ii, tr. 77): Tỳ-kheo Sālada, Tỳ-kheo-ni Nandā, cư sĩ Sudatta, nữ cư sĩ Sujātā và các cư sĩ Kakudha, Kālinga, Nikata, Katissabha, Tuttha, Santuttha, Bhadda.

sinh về đâu? Lại có năm mươi người khác mệnh chung, lại năm trăm người khác nữa mệnh chung, nay không biết họ sinh về chỗ nào?”

A-nan suy nghĩ như thế xong, rời khỏi nơi nhàn tịnh, đến chỗ Thế Tôn, đầu mặt lẽ chân Phật xong, ngồi xuống một bên, bạch Phật:

“Thế Tôn, vừa rồi con ở chỗ nhàn tịnh, lặng lẽ suy nghĩ: Thôn Na-đà này có mươi hai cư sĩ: Già-già-la v.v..., mạng chung; lại có năm mươi người nữa mạng chung, lại có năm trăm người mạng chung; không biết họ sinh về đâu. Cúi mong Thế Tôn nói rõ cho con.”

Phật bảo A-nan:

“Mười hai cư sĩ kia là Già-già-la v.v..., đã đoạn năm hạ phần kết<sup>42</sup> nên mệnh chung sinh thiên<sup>43</sup>; họ nhập Niết-bàn ở đó chứ không trở lại cõi này nữa. Còn năm mươi người kia mạng chung do đoạn trừ ba kết sử<sup>44</sup>; dâm, nộ, si mỏng, đắc quả Tư-đà-hàm<sup>45</sup>, sẽ trở lại cõi này để dứt hết gốc khổ. Còn năm trăm người kia mạng chung do đoạn trừ ba kết sử, đắc quả Tu-đà-hoàn<sup>46</sup>, không còn bị đọa vào ác thú, chắc chắn thành đạo, chỉ trở lại cõi này bảy lần để dứt hết gốc khổ rồi thôi.

“Này A-nan, phàm có sinh thì có chết, đó là lẽ thường của cuộc đời, có gì là quái lạ. Nếu thấy mỗi người chết, người đều tới hỏi ta như vậy chẳng là quấy rầy ư?”

A-nan đáp:

“Đúng vậy, bạch Thế Tôn, quả là phiền nhiễu.”

Phật bảo:

“A-nan, nay ta sẽ nói cho ngươi về Pháp kính<sup>47</sup> để các Thánh đệ tử biết chỗ họ sanh; dứt hết ba đường dữ, chứng quả Tu-đà-hoàn, không quá bảy đời sẽ tận cùng biên tế của khổ; và cũng có

<sup>42</sup>. Hạ phần kết, hay thuận hạ phần kết; Pāli: orambhāgiya-samyojanāni (năm) thứ phiền não hay ô nhiễm buộc chặt chúng sanh vào sự tái sanh hạ giới tức dục giới. Vị đoạn trừ năm kết sử này sẽ không tái sanh Dục giới nên được gọi là Bất hoàn (Pāli: Anagāmin).

<sup>43</sup>. Sinh lên Tịnh cư thiên (Pāli: Suddhāvasa).

<sup>44</sup>. Ba kết sử (Pāli: tīṇi samyojanāni): thân kiến hay hữu thân kiến (Pāli: sakkāya-ditṭhi), nghi (Pāli: vicikicchā), giới cầm thủ (Pāli: sīlabbataparāmāso).

<sup>45</sup>. Tư-đà-hàm hay Nhất lai, vị tái sinh Dục giới một lần nữa; Pāli: Sakadāgāmin.

<sup>46</sup>. Tu-đà-hoàn, hay Dự lưu, vị đã dự vào dòng Thánh; Pāli: Sotapānna.

<sup>47</sup>. Pháp kính 法鏡; Pāli: dhammādāsa, tấm gương pháp, gương để soi rọi sự thật.

thể nói việc ấy cho người khác nghe.

“Này A-nan! Pháp kính là, Thánh đệ tử đã đạt được bất hoại tín<sup>48</sup>, hoan hỷ tin Phật là Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, mười đức hiệu đầy đủ. Hoan hỷ tin Pháp là giáo pháp chân chính vi diệu, Phật tự ý nói ra<sup>49</sup>, không cuộc hạn thời tiết, dạy bảy con đường đi đến Niết-bàn; được thực hành bởi kẻ trí. Hoan hỷ tin Tăng là chúng khéo hòa đồng, sở hành chất trực không dối trá và chứng thành đạo quả, trên dưới thuận hòa, đầy đủ pháp thân, hoặc có người đang hướng tới Tu-đà-hoàn và được quả Tu-đà-hoàn, có người đang hướng tới Tư-đà-hàm và được quả Tư-đà-hàm, có người đang hướng tới A-na-hàm và được quả A-na-hàm, có người đang hướng tới A-la-hán và được quả A-la-hán<sup>50</sup>. Ấy là bốn đôi tám bậc, chúng Hiền thánh của Như Lai, xứng đáng được cung kính, làm ruộng phước cho đời. Tin giới của Hiền thánh là thanh tịnh, không nhơ, không bị sứt mẻ, không rò rỉ, được các bậc minh triết tu theo mà chứng đến tam-muội định vậy.

“A-nan, đó là Pháp kính, khiến Thánh đệ tử biết chỗ thọ sanh, dứt sạch ba đường dữ, chứng đắc Tu-đà-hoàn, không quá bảy đời hoàn tất tận cùng biên tế của khổ; và cũng có thể nói cho người khác sự việc ấy.”

Bấy giờ, Thế Tôn sau khi tùy nghi trú ở đó, bèn bảo A-nan hãy cùng đi đến nước Tỳ-xá-ly<sup>51</sup>. A-nan vâng lời, mang y cầm bát, cùng với đại chúng theo hầu Thế Tôn, theo con đường từ Bạt-kỳ đến Tỳ-xá-ly và ngồi nghỉ ở một gốc cây.

Bấy giờ có một dâm nữ tên Am-bà-bà-lê<sup>52</sup> vừa nghe Phật cùng

<sup>48</sup>. Bốn bất hoại tín 不壞信, cũng nói là bốn bất động tín 不動信, bốn chứng tịnh 證淨 hay bốn Dự lưu chi 預流支; Pāli: Aveccappasāda; Skt.: Avetya-prasāda: tin Phật, tin Pháp, tin Tăng, tin Thánh giới.

<sup>49</sup>. Hán: tự tứ sở thuyết 自恣所說; Pāli: svākhāto (Skt.: svākhyāta), nơi khác thường được dịch là thiện thuyết: pháp được Thế Tôn giảng thuyết khéo léo. Bản Hán ở đây có lẽ hiểu svākhāto là sva(tự mình)-ākhāta, thay vì su(khéo léo)-ākhāta.

<sup>50</sup>. Nêu bốn hướng và bốn quả, hợp thành tứ song bát bối 四雙八輩.

<sup>51</sup>. Tỳ-xá-ly 毘舍離, hoặc phiên âm Tỳ-da-ly 毘耶離, dịch: Quảng nghiêm thành廣嚴城.

<sup>52</sup>. Am-bà-bà-lê 菩婆梨, âm khác: Am-bà-ba-lê 菩婆利, Am-bà-la-bà-lê 菩婆羅婆利, Am-bà-la 菩婆羅; Pāli: Ambapāli-ganikā.

các đệ tử đến Tỳ-xá-ly, đang ngồi dưới một gốc cây, liền sửa soạn xe báu, muốn đi đến chỗ Phật để lễ bái cúng dường. Khi chưa đến nơi, từ xa nàng đã thấy Đức Thế Tôn diện mạo đoan chánh, các căn đặc biệt khác thường, tướng tốt đầy đủ, như mặt trăng ở giữa những vì sao. Nàng rất hoan hỷ, xuống xe đi bộ lần tới chỗ Phật, cúi đầu đánh lẽ, ngồi lại một bên.

Rồi Thế Tôn, theo thứ lớp thuyết pháp, khai giải, giáo huấn, khiến cho lợi ích, hoan hỷ. Nghe Phật nói xong nàng phát tâm vui mừng quỳ bạch Phật rằng:

“Bắt đầu từ hôm nay con quy y ngôi Tam bảo. Mong Phật nhận lời cho con được làm Ưu-bà-di ở trong Chánh pháp, trọn đời con không giết, không trộm, không tà dâm<sup>53</sup>, không nói dối, không uống rượu.”

Lại bạch Phật:

“Cúi mong Thế Tôn cùng các đệ tử ngày mai nhận lời thỉnh cầu của con. Còn tối nay thì xin nghỉ tại vườn của con.”

Khi ấy Phật im lặng nhận lời.

Nàng thấy Phật đã im lặng nhận lời, liền đứng dậy đi quanh Phật ba vòng rồi đánh lẽ mà trở về. Nàng đi chưa bao lâu, Phật bảo A-nan:

“Ta cùng các ngươi đi đến khu vườn kia.”

Đáp:

“Thưa vâng.”

Phật bèn rời chỗ ngồi, mang y cầm bát cùng chúng đệ tử một ngàn hai trăm năm mươi người đi đến khu vườn ấy.

Lúc bấy giờ, nhóm người Lệ-xa<sup>54</sup> ở Tỳ-xá-ly, nghe Phật đến nghỉ tại vườn của Am-bà-bà-lê thì liền thắc những cỗ xe báu năm sắc lộng lẫy; có người cưỡi xe xanh, ngựa xanh, phan dù áo mao đều xanh; ngựa xe năm sắc đều như vậy. Rồi thì, những người Lệ-xa với y phục đồng sắc, cả năm trăm người kéo đến Phật. Nàng Am-bà-bà-lê sau khi từ giã Phật trở về, giữa đường gặp xe họ. Lúc đó, xe nàng chạy rất nhanh, cùng với xe báu của họ móc kéo nhau, khiến phướn lọng gãy đổ cả, mà

<sup>53</sup>. Xem cht. 28.

<sup>54</sup>. Lệ-xa 隸車; Pāli: Licchavi, một bộ lạc hùng mạnh thời Phật, thuộc bộ tộc Vajji, đóng đô ở Vesāli.

vẫn không chịu tránh đường. Các người Lệ-xa trách:

“Nàng ỷ thế gì mà không tránh đường cho chúng tôi đi, để đụng nhầm xe cộ chúng tôi khiến phuơn lọng gãy cả?”

Am-bà đáp:

“Thưa quý ngài, tôi đã thỉnh Phật ngày mai đến nhà tôi thọ trai. Tôi phải về gấp sửa soạn đồ cúng đường, thành phải đi mau, không tránh kịp.”

Nhóm Lệ-xa liền bảo nàng:

“Nàng khoan hãy thỉnh. Để chúng tôi thỉnh trước, chúng tôi sẽ cho nàng một trăm ngàn lượng vàng.”

Nàng đáp:

“Tôi đã thỉnh trước rồi, không thể nhường được.”

Nhóm Lệ-xa tiếp:

“Chúng tôi sẽ tặng nàng gấp mười sáu lần trăm ngàn lượng vàng. Hãy để chúng tôi thỉnh trước.”

Nàng vẫn không chịu:

“Tôi đã thỉnh rồi. Nhất định không thể làm như thế được.”

Các Lệ-xa lại nói:

“Chúng tôi sẽ tặng bằng số tài bảo nửa nước, nàng hãy để chúng tôi thỉnh trước.”

Nàng trả lời:

“Giả sử đem tài bảo của cả nước cấp cho tôi, tôi cũng không nhận. Vì sao? Vì Phật hiện ở tại vườn tôi, Ngài đã nhận lời tôi thỉnh trước. Việc ấy đã xong, không thể nhường được.”

Các Lệ-xa khoa tay than tiếc, rằng:

“Nàng con gái này đã làm chúng ta thiếu mất cái phúc quả đầu tiên.”

Họ liền tiến tới khu vườn Phật đang ở. Khi Đức Thế Tôn từ xa thấy năm trăm người Lệ-xa, với ngựa xe số vạn, chật đường tiến đến, Ngài bảo các Tỳ-kheo:

“Các ngươi nên biết chư Thiên Đao-lợi khi đi dạo công viên, thì uy nghi và sự trang sức cũng không khác đoàn người đó mấy. Nay các Tỳ-kheo, hãy tự nghiệp tâm, gìn giữ oai nghi đầy đủ. Tỳ-kheo tự nghiệp tâm mình như thế nào? Tỳ-kheo quán thân trên nội thân, siêng năng không lười biếng, ghi nhớ không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời. Quán thân

trên ngoại thân..., quán nội ngoại thân..., trừ bỏ tham ưu ở đời. Quán thọ, quán ý, quán pháp cũng như thế<sup>55</sup>.

Thế nào là Tỳ-kheo đầy đủ oai nghi? Ở đây, Tỳ-kheo, khi đi thì biết là đi, dừng thì biết là dừng, quay nhìn tả hữu, co duỗi, cúi ngược, mang y cầm bát cho đến việc ăn uống, thuốc thang, đều không để mất nghi tắc. Khôn khéo tìm cách trừ bỏ ám cái<sup>56</sup>, đi ở nầm ngồi, ngủ thức, nói năng hay im lặng đều nghiệp tâm đừng cho loạn động. Đây gọi là Tỳ-kheo đầy đủ oai nghi."

Bấy giờ năm trăm người Lệ-xa đi đến vườn Am-bà-bà-lê. Gần đến chỗ Phật, xuống xe đi bộ đến, đầu mặt đánh lê chân Phật, rồi lui ngồi một bên. Như Lai ở trên chỗ ngồi, ánh sáng độc nhất tỏa sáng che mờ đại chúng, như trăng mùa thu; lại như trời đất trong sáng sạch sẽ không chút bụi dơ, mặt trời giữa hư không độc nhất tỏa sáng. Rồi thì, năm trăm người Lệ-xa hầu vây quanh chỗ ngồi của Phật. Lúc ấy, giữa hội chúng có một người Phạm chí tên là Tịnh Ký<sup>57</sup>, từ chỗ ngồi đứng dậy, trật áo vai hữu, đầu gối hữu quỳ xuống đất, chắp tay hướng về Phật, tán thán bằng bài kệ rằng:

*Vua Ma-kiệt, Uong-già,  
Để được nhiều thiện lợi,  
Khoác khôi giáp bảo châu.  
Phật hiện ở nước ấy.  
Uy đức động tam thiên,  
Tiếng vang như núi Tuyết.  
Như hoa sen đã nở,  
Mùi hương thật màu nhiệm.  
Nay thấy ánh sáng Phật,  
Như mặt trời mới mọc;  
Như trăng qua bầu trời,  
Không bị mây che khuất.  
Thế Tôn cũng như vậy,*

<sup>55</sup>. Trên đây là bốn niệm xứ 念處 hay niệm trú 念住 (Pāli: satipaṭṭhāna): quán thân, thọ, tâm và pháp.

<sup>56</sup>. Ám cái 陰蓋, hay triền cái 纓蓋 (Pāli, Skt.: nivāraṇa), có năm.

<sup>57</sup>. Tịnh Ký 并暨 (?).

*Sáng chiếu cả thế gian.  
Quán trí tuệ Như Lai  
Như tối gặp được sáng;  
Đem mắt sáng cho đời,  
Quyết trừ các nghi hoặc.*

Năm trăm người Lê-xa sau khi nghe bài kệ ấy lại bảo Tịnh Ký:  
“Ngươi hãy lặp lại.”

Rồi Tịnh Ký ở trước Phật lặp lại ba lần. Năm trăm Lê-xa sau khi nghe lặp lại bài kệ, mỗi người cởi y báu mà cho Tịnh Ký. Tịnh Ký bèn đem y báu dâng Đức Như Lai. Phật vì lòng từ mẫn nên thọ nhận.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với những người Lê-xa ở Tỳ-xá-ly rằng:

“Ở đời có năm thứ báu rất khó có được. Những gì là năm? Một là Như Lai, Chí Chân xuất hiện ở đời rất khó có được. Hai là người có thể giảng thuyết Chánh pháp của Như Lai rất khó có được. Ba là người có thể tín giải pháp mà Như Lai diễn thuyết rất khó có được. Bốn là người có thể thành tựu pháp mà Như Lai diễn thuyết rất khó có được. Năm là hiểm nguy được cứu ách mà biết đáp trả, hạng người ấy cũng rất khó có. Ấy là năm thứ báu rất khó có được.”<sup>58</sup>

Năm trăm người Lê-xa sau khi nghe Phật khai thị, giáo huấn khiến cho lợi ích, hoan hỷ, liền bạch Phật;

“Cúi mong Thế Tôn và chúng đệ tử ngày mai nhận lời thỉnh cầu của chúng con.”

Phật nói với các người Lê-xa:

“Các ông đã thỉnh Ta. Ta nay như thế là đã được cúng dường rồi. Kỹ nữ Am-bà-bà-lê đã thỉnh trước.”

Năm trăm người Lê-xa nghe Am-bà-bà-lê nữ đã thỉnh Phật trước, ai nấy đều vung tay mà nói rằng:

“Chúng ta muốn cúng dường Như Lai, mà nay người đàn bà kia đã phỗng tay trên ta rồi.”

Rồi họ rời chỗ ngồi, đầu mặt lẽ Phật, đi quanh Phật ba vòng, sau đó ai về nhà nấy.

<sup>58</sup>. So sánh *Tứ Phần 40*, năm thứ báu khó có trong đời: 1. Gặp Phật ra đời; 2. Nghe Phật nói pháp rồi nói lại cho người khác; 3. Tin hiểu pháp của Phật; 4. Như pháp tu hành; 5. Lần lượt giáo hóa lẫn nhau để cùng được lợi ích.

Bấy giờ, Am-bà-bà-lê nữ bèn bày dọn thực phẩm thượng diệu để cúng Phật và Tăng. Sau khi ăn xong, thâu bát, dẹp bàn ghế. Rồi kĩ nữ tay bưng bình bằng vàng dâng nước rửa xong, nàng đến trước Phật bạch rằng:

“Trong số những khu vườn trong thành Tỳ-xá-ly này vườn của con là hơn hết. Nay con đem vườn ấy dâng cúng Như Lai. Ngưỡng nguyện Như Lai vì thương tưởng con mà thọ nhận.”

Phật nói với người kĩ nữ:

“Ngươi có thể đem khu vườn này cúng dường trước hết là Phật và Chiêu-đề tăng<sup>59</sup>. Vì sao vậy? Các thứ vườn tược, phòng xá, y bát, sáu vật mà Như Lai sở hữu, ngay dù những Ma, Thích, Phạm, chư Thiên có đại oai lực, không ai có khả năng kham thọ sự cúng dường ấy.”

Kĩ nữ thọ lanh lời dạy, bèn đem khu vườn mà cúng trước tiên là Phật và Chiêu-đề tăng. Phật vì lòng từ mẫn đối với nàng nên thọ nhận. Rồi Ngài nói bài kệ:

*Dựng tháp, lập tinh xá,  
Cúng vườn cây mát mẻ;  
Cầu thuyền để đưa người;  
Và cho cả nhà, gác;  
Đồng trống cho nước cỏ,  
Phước ấy ngày đêm tăng;  
Người đủ giới thanh tịnh,  
Ất sẽ đến chô lành.*

Sau đó, kĩ nữ Am-bà-bà-lê mang một cái giường nhỏ đến ngồi trước Phật. Phật theo thứ lớp nói pháp, mở bày, dạy dỗ, khiến cho lợi ích, hoan hỷ. Ngài giảng về thí, về giới, về sinh thiêng, về dục là đại họa, ô uế, bất tịnh, phiền não là chướng ngại, xuất ly là tối thượng.

Khi Thế Tôn biết tâm ý của nàng đã nhu nhuyễn, hòa duyệt, các triền cái với mỏng, rất dễ hóa độ, như pháp của chư Phật, Ngài bèn giảng cho nàng về Khổ thánh đế, Khổ tập thánh đế, Khổ diệt thánh đế và Khổ xuất yếu thánh đế. Bấy giờ nàng Am-bà-bà-lê, tín tâm thanh

<sup>59</sup>. Chiêu-đề tăng 招提僧, hay Tứ phương tăng 四方僧; Pāli: Cātuddisa-sangha.

tịnh, như tấm lụa trắng trong sạch dẽ nhuộm màu, ngay trên chõ ngồi mà xa lìa trần cấu, con mắt pháp của các pháp sanh, thấy pháp, đắc pháp, quyết định chánh trụ, không còn đọa ác đạo, thành tựu vô úy. Nàng bèn bạch Phật:

“Con nay quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, nói ba lần như vậy. Cúi mong Như Lai nhận con làm một Ưu-bà-di trong Chánh pháp. Từ nay về sau, cho đến trọn đời không giết, không trộm, không tà dâm, không dối trá, không uống rượu.”

Người nữ ấy sau khi thọ lãnh năm giới từ Phật, xả bỏ tập quán từ trước, tiêu trừ những cấu uế, rời khỏi chõ ngồi, lễ Phật rồi lui.

Bấy giờ, Thế Tôn tùy nghi trú ở Tỳ-xá-ly, bảo A-nan:

“Các ngươi hãy sửa soạn. Ta muốn đi đến Trúc lâm<sup>60</sup>. ”

Đáp: “Kính vâng.”

Rồi sửa soạn y bát, cùng đại chúng hầu quanh Thế Tôn, đi theo con đường từ Bạt-kỳ đến Trúc lâm kia.

Lúc ấy có người Bà-la-môn tên là Tỳ-sa-dà-da<sup>61</sup>, nghe Phật cùng đại chúng đến Trúc lâm này, liền thầm nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm này có tiếng tốt đồn khắp bốn phương, mười hiệu đầy đủ, ở giữa chư Thiên, Thích, Phạm, Ma hay Thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn, mà tự mình tác chứng, rồi thuyết pháp cho người khác, với những ngôn từ mà khoảng đầu, giữa và cuối thấy đều chân chánh, nghĩa vị thâm áo, phạm hạnh đầy đủ. Bậc Chân Nhân như thế, ta nên đến thăm viếng.”

Rồi Bà-la-môn ra khỏi thành, đi đến Thế Tôn chõ rừng Trúc<sup>62</sup>; chào hỏi xong, ngồi sang một bên. Thế Tôn theo thứ lớp thuyết pháp cho ông, mở bày, chỉ dạy, khiến cho ích lợi, hoan hỷ. Nghe xong, hoan hỷ, ông bèn thỉnh Thế Tôn cùng đại chúng ngày mai đến nhà thọ thực. Phật im lặng nhận lời. Bà-la-môn biết Ngài đã nhận lời, liền đứng dậy, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi cáo về.

Vào ngay đêm đó dọn bày các thứ ẩm thực. Sáng mai, lúc đã đến

<sup>60</sup>. Trúc lâm 竹林. Trong bản Pāli, Phật từ vườn Ambapālī đi đến làng Beluva (Bản Deva Dig ii, tr. 79: Veļuvagāmaka).

<sup>61</sup>. Tỳ-sa-dà-da 比沙陀耶.

<sup>62</sup>. Hán: Trúc tòng 竹叢.

giờ, bèn báo tin:

“Cúi mong Đức Thánh biết là đã đến giờ.”

Bấy giờ Thế Tôn khoác y ôm bát, cùng đại chúng vây quanh, đi đến nhà kia, ngồi lên chỗ dọn sẵn. Rồi thì, Bà-la-môn dâng đủ các thực phẩm ngon cúng Phật và Tăng. Ăn xong, thâu bát, dùng nước rửa xong, ông mang một cái giường nhỏ đến ngồi trước Phật. Thế Tôn vì Bà-la-môn mà nói một bài tụng:

*Nếu đem ẩm thực,  
Y phục, ngoại cụ,  
Cho người trì giới,  
Tất được quả lớn.  
Đó là bạn thật,  
Chung thủy theo nhau;  
Đến bất cứ đâu,  
Như bóng theo hình.  
Vậy nên gieo thiện,  
Làm lương đời sau.  
Phước là nền tảng,  
Chúng sanh an trụ.  
Phước là thiên hộ,  
Đường đi không nguy.  
Sống không gặp nạn;  
Chết được sanh thiên.*

Rồi Thế Tôn nói pháp vi diệu cho Bà-la-môn; mở bày, chỉ dẫn, khiến cho lợi ích, hoan hỷ. Sau đó, Ngài rời chỗ ngồi mà đi.

Lúc ấy, ở địa phương này thóc quý, đói kém, nên khất thực khó được. Phật bảo A-nan:

“Hãy gọi các Tỳ-kheo hiện ở địa phương này tập họp ở giảng đường. A-nan đáp vâng, rồi thừa lệnh Phật kêu gọi các Tỳ-kheo xa gần về tập họp hết ở giảng đường. Sau khi đại chúng trong nước này đều đã tập họp, A-nan bạch Phật:

“Đại chúng đã tập họp, cúi mong Đức Thánh biết thời.”

Bấy giờ, Phật rời chỗ ngồi, đi đến giảng đường, ngồi lên chỗ dọn sẵn, bảo các Tỳ-kheo:

“Đất này đói kém, khát thực khó khăn, các ngươi nên chia thành từng nhóm, tùy theo chỗ quen biết, hãy đến Tỳ-xá-ly và nước Việt-ky<sup>63</sup> mà an cư ở đó để có thể không bị thiểu thốn. Ta một mình cùng với A-nan an cư ở đây.”

Các Tỳ-kheo vâng lời dạy, ra đi. Riêng Phật với A-nan ở lại. Về sau, trong lúc an cư, thân Phật nhuốm bệnh, khắp cả mình đều đau. Phật tự nghĩ: “Ta nay cả người đều đau mà các đệ tử đều không ở đây. Nếu Ta nhập Niết-bàn thì không thích hợp. Vậy Ta hãy tịnh cần tự lực lưu lại thọ mạng”. Rồi Thế Tôn ra khỏi tịnh thất, đến ngồi chỗ mát mẻ. A-nan trông thấy liền vội đến, bạch Phật rằng:

“Nay con xem gương mặt Thế Tôn, bệnh hình như có bớt<sup>64</sup>. ”

A-nan lại nói:

“Thế Tôn bệnh, tâm con sợ hãi, lo buồn thắt chặt, hoang mang không biết phương hướng. Nhưng hơi thở chưa dứt, còn chút tinh táo, con thầm nghĩ rằng: ‘Thế Tôn chưa diệt độ ngay, con mắt của đời chưa tắt, Đại pháp chưa suy tổn, sao nay Ngài không có điều gì dạy bảo các đệ tử?’<sup>65</sup>. ”

Phật bảo A-nan:

“Chúng Tăng còn có điều gì cần ở Ta nữa? Nếu có ai tự mình nói: ‘Ta duy trì chúng Tăng, ta nghiệp hộ chúng Tăng’, thì người ấy nên có lời di giáo cho chúng Tăng. Như Lai không nói: ‘Ta duy trì chúng Tăng. Ta nghiệp hộ chúng Tăng.’<sup>66</sup> Vậy tại sao Ta lại phải có lời di giáo cho chúng Tăng? Nay A-nan, những pháp Ta đã giảng thuyết, trong

<sup>63</sup>. Việt-ky 越 祇, có lẽ âm khác của Bạt-ky; D. 15 sđd.: năm đó Phật an cư ở Veluvā còn chúng Tỳ-kheo an cư ở Vesāli. Không nhắc đến vụ đói, nhưng có nhắc đến Thế Tôn bệnh.

<sup>64</sup>. Nguyên văn: 恃如少減: có vẻ hơi gầy (?). Tham chiếu D.15, sđd.: lúc này Thế Tôn đã khỏi bệnh.

<sup>65</sup>. Trường I, tr.583: “Thế Tôn chưa diệt độ, nếu Ngài chưa có lời di giáo lại cho chúng Tỳ-kheo”.

<sup>66</sup>. Tham chiếu Pāli, D.15 (Deva Digh ii tr.80): Tathāgatassa kho, Ananda, na evaṃ hoti: “Aham bhikkhusaṅgham parihaarissāmī ti vā mam uddesiko bhikkhusaṅgho” ti vā: Như Lai không nghĩ rằng: “Ta nghiệp hộ chúng Tỳ-kheo, hay chúng Tỳ-kheo được Ta giáo huấn”.

cũng như ngoài đều đã hoàn tất<sup>67</sup>. Ta không bao giờ tự xưng sở kiến thông đạt<sup>68</sup>. Ta nay đã già rồi, tuổi đã đến tám mươi rồi. Cũng như cỗ xe cũ kỹ, nhờ phương tiện tu sửa mà có thể đi đến nơi. Thân ta cũng vậy, nhờ sức phương tiện còn hơi duy trì được tuổi thọ, tự lực tinh tấn mà nhẫn chịu sự đau nhức này. Không suy niêm tất cả tưởng, khi nhập vô tưởng định<sup>69</sup>, thân an ổn, không có nǎo hoạn. Vì vậy, A-nan, hãy tự mình thắp sáng; thắp sáng nơi pháp, chớ thắp sáng nơi khác. Hãy tự nương tựa mình, nương tựa nơi pháp, chớ nương tựa nơi khác<sup>70</sup>. Thế nào là ‘Hãy tự mình thắp sáng, thắp sáng nơi pháp, chớ thắp sáng nơi khác; hãy tự nương tựa mình, nương tựa pháp, chớ nương tựa nơi khác’? Nay A-nan, Tỳ-kheo quán nội thân, tinh cần không biếng nhác, ghi nhớ không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời. Quán ngoại thân; quán nội ngoại thân, tinh cần không biếng nhác, ghi nhớ không quên, trừ bỏ tham ưu ở đời. Quán thọ, quán ý, quán pháp cũng vậy. Nay A-nan, đó gọi là ‘Hãy tự thắp sáng, thắp

<sup>67</sup>. Hán: nội ngoại dī ngặt 內外已迄. So sánh Pāli, D.15, sđd.: anantaram abāhiram karitvà: không phân biệt trong và ngoài, tức nội truyền hay ngoại truyền, bí mật giáo hay hiển thị giáo.

<sup>68</sup>. Hán: chung bất tự xưng sở kiến thông đạt 終不自稱所見通達. Có thể bản Hán dịch sai. Tham chiếu Pāli; D.15, sđd.: na tatth' Ānanda tathagatassa dhammesu ācariyamutthi: “Này A-nan, trong giáo pháp, Như Lai không bao giờ là vị thầy có bàn tay nắm chặt”. Nghĩa là, không bao giờ giấu giếm không chịu dạy hết. Hình như bản Hán đọc nhầm ācariyamutthi: vị thầy có bàn tay nắm chặt, với ācariyamuti: vị thầy có trí sáng suốt.

<sup>69</sup>. Vô tưởng định 無想定; (Pāli: asaññāsamapatti?). Nên hiểu chính xác là vô tưởng định, hay vô tưởng tâm định. Vô tưởng định là một loại thiền ngoại đạo mà kinh Phật thường chỉ trích là có xu hướng hư vô chủ nghĩa. Tham chiếu Pāli, D.15, sđd.: (Trường I, tr.584): animittam cetosamādhim upasampajja, chứng đạt vô tưởng tâm định.

<sup>70</sup>. Hán: đương tự xí nhiên... 當自燦然. Tham chiếu, *Tập A-hàm* quyển 2, kinh số 36 (Đại 2, tr. 8a): Trú ư tự châu. Trú ư tự y. Trú ư pháp châu; trú ư pháp y 住於自州住於自依住於法州住於法依. Tham chiếu Pāli sđd.: attadīpā viharatha atta-saraṇā anañña-saraṇā, dhammadīpā dhamma-saraṇā anañña-saraṇnā: hãy sống tự mình là ngọn đèn (hoặc hòn đảo) của chính mình; tự mình là chỗ tựa của chính mình, không nương tựa nơi nào khác. Pháp là ngọn đèn, pháp là chỗ tựa, không chỗ tựa nào khác. Dīpa, vừa có nghĩa là ngọn đèn, vừa có nghĩa là hòn đảo.

sáng nơi pháp, chở thắp sáng nơi khác. Hãy tự nương tựa mình, nương tựa nơi pháp, chở nương tựa nơi khác....' Nay A-nan, sau khi Ta diệt độ, nếu có ai có thể tu hành pháp này, người đó là đệ tử chân thật của Ta, là bậc nhất hữu học."

Phật bảo A-nan, hãy cùng đi đến tháp Giá-bà-la<sup>71</sup>. A-nan vâng lời. Như Lai bèn đứng dậy, mang y cầm bát đến dưới một gốc cây, bảo A-nan:

"Hãy trải chỗ ngồi. Ta đau lưng, muốn nghỉ lại đây."

An-nan đáp: "Vâng".

Trải chỗ ngồi và sau khi Như Lai đã ngồi xuống, A-nan dọn một chỗ ngồi nhỏ ngồi trước Phật. Phật nói:

"Này A-nan, những ai tu Bốn thân túc, tu tập nhiều, thường ghi nhớ không quên, người ấy tùy theo ý muốn có thể kéo dài tuổi thọ hơn một kiếp. A-nan, Phật đã tu tập nhiều Bốn thân túc, chuyên niêm không quên, tùy theo ý muốn, Như Lai có thể sống hơn một kiếp, để trừ minh ám cho đời, đem lại nhiều lợi ích, trời và người đều được an ổn."

Lúc bấy giờ A-nan im lặng không trả lời. Phật nói như vậy ba lần, A-nan cũng im lặng không trả lời. Khi ấy A-nan bị ma ám, mê muội không tỏ rõ. Phật đã ba lần hiện tướng, nhưng A-nan không biết mà thỉnh cầu. Phật bảo A-nan: "Hãy biết thời". A-nan vâng ý chỉ của Phật, đứng dậy lễ Phật rồi lui. A-nan đi cách Phật không xa, ngồi dưới một gốc cây, tĩnh ý tư duy. Trong khoảng thời gian không lâu, ma Ba-tuần<sup>72</sup> đến bạch Phật:

"Ý Phật không muốn vào Niết-bàn sớm<sup>73</sup>. Nay chính là lúc, Phật nên mau chóng diệt độ."

Phật bảo ma Ba-tuần:

"Hãy thôi! Hãy thôi! Ta tự biết thời. Như Lai nay chưa nhập

<sup>71</sup>. Giá-bà-la tháp 遮婆羅塔; Pāli: Cāpāla-cetiya, linh miếu, hay miếu thờ thần.

<sup>72</sup>. Ma Ba-tuần 魔波旬; Pāli: Māra pāpimant, Ác ma, hay Tử thần kẻ gây tội ác, xúi người khác làm ác.

<sup>73</sup>. Nguyên văn: Phật ý vô dục khả Bát-niết-bàn 佛意無欲可般涅盤. TNM không có từ Phật. Bản Hán, câu này nghĩa không rõ ràng. Tham chiếu Pāli, D.15, sđd.: (Trường II, tr.588): parinibbātudāni bhante bhagava parinibbātu sugato parinibbānakālodāni: "Thế Tôn, nay hãy nhập Niết-bàn. Thiện Thệ, hãy nhập Niết-bàn; nay là thời gian Niết-bàn".

Niết-bàn, vì còn đợi chúng Tỳ-kheo của Ta hội đủ<sup>74</sup>. Có người có thể tự điều phục<sup>75</sup>, dũng mãnh, không khiếp sợ, đã đến chỗ an ổn, đã đạt được mục đích của mình, là hướng đạo của loài người, thuyết giảng kinh giáo, hiển bày cú nghĩa, nếu có dị luận thì có thể hàng phục bằng Chánh pháp, lại có thể bằng thần biến mà tự mình tác chứng<sup>76</sup>. Các đệ tử như thế chưa hội đủ. Lại còn có các Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tất cả cũng như thế, đều chưa tụ hội đủ. Nay điều cần thiết là triển khai phạm hạnh, phổ biến giác ý<sup>77</sup>, khiến cho chư Thiên và loài người thấy đều thấy được sự thần diệu<sup>78</sup>.”

Bấy giờ ma Ba-tuần lại bạch Phật:

“Thuở xưa, ở Uất-bệ-la bên dòng sông Ni-liên-thuyền, dưới gốc cây A-du-ba ni-câu-luật<sup>79</sup>, Phật khi mới thành Chánh giác, tôi đã đến chỗ Như Lai mà khuyên mời Ngài hãy nhập Niết-bàn rằng: ‘Nay thật là đúng lúc, Ngài hãy nhanh chóng nhập Niết-bàn.’ Khi ấy Như Lai trả lời tôi rằng: ‘Hãy thôi đi, này Ba-tuần. Ta tự biết thời. Như Lai nay chưa nhập Niết-bàn, vì còn đợi đệ tử Ta tụ hội đông đủ v.v..., cho đến, chư Thiên và loài người thấy được sự thần thông biến hóa, khi ấy Ta mới nhập Niết-bàn.’ Nay chính là lúc ấy, sao Ngài không nhập Niết-bàn?”

<sup>74</sup>. Nguyên văn: tu ngã chư Tỳ-kheo tập 須我諸比丘集. Đoạn văn tối nghĩa. Hoặc do phát âm tương cận của samuccita: tích tập, chứa nhóm và samucita: đã quen, thích hợp. Theo văn mạch đoạn này và đoạn dưới, có thể hiểu: khi nào chúng đệ tử chưa vững vàng trong Thánh đạo thì Phật chưa nhập Niết-bàn. Tham chiếu, No. 7 (Đại I tr.191b): do vị cụ túc 猶未具足, còn chưa đầy đủ.

<sup>75</sup>. Hán: hựu năng tự điều 又能自調; TNM: hữu năng tự điều 有能自調. Đoạn văn này thiếu mạch lạc.

<sup>76</sup>. Hán: hựu dĩ thần biến tự thân tác chứng 又以神變自身作証. Tham chiếu Pāli, D. 15, sđd.: tr. 83: (...) sappāṭīhāriyam dhammam dessanti, thuyết pháp bằng sự thần diệu (bằng sự thần biến).

<sup>77</sup>. Giác ý, hay giác chi, bồ-đề phần (Pāli: bojjhaṅga); Hán: quảng ư phạm hạnh, diễn bồ giác ý 廣於梵行演布覺意, *nghĩa không rõ*.

<sup>78</sup>. Tham chiếu Pāli, D.15, sđd.: tr. 83: “yāva me idam brahmacariyam na iddham ceva bhaviassati phitanca vitthārikam bāhujaññam puthubhūtam yāva devamanussehi suppakāsitān’ ti”, chứng nào phạm hạnh này chưa được thành tựu, phồn thịnh, quảng bá... được khéo giảng dạy cho chư Thiên và loài người. Xem Trường I, tr.591.

<sup>79</sup>. Uất-bệ-la 鬪 韜 羅, Uruvelā; Ni-liên-thuyền 尼 連 船: Nerañjara; A-du-ba ni-câu-luật 阿 遊 波 尼 拒 律: Ajapāla-nigrodha.

Phật nói:

“Hãy thôi đi, này Ba-tuần. Phật tự biết thời. Ta không trụ thế bao lâu nữa. Sau ba tháng nữa, tại bản sanh địa Câu-thi-na-kiệt<sup>80</sup>, vườn Sala, giữa đôi cây, Ta sẽ diệt độ.”

Lúc ấy, ma Ba-tuần nghĩ rằng Phật tất không nói dối, nhất định sẽ diệt độ, bèn vui mừng phấn khởi, hốt nhiên biến mất. Ma đi chưa bao lâu, Phật ở nơi tháp Giá-bà-la, bằng định ý tam-muội, xả thọ hành. Ngay lúc đó, đại địa chấn động. Nhân dân cả nước<sup>81</sup> thấy đều kinh sợ, lông tóc dựng ngược. Phật phóng ánh sáng rọi suốt vô cùng, nơi chỗ tối tăm cũng được soi sáng, thấy đều trông thấy nhau. Bấy giờ Thế Tôn nói kệ tụng rằng:

*Trong hai hành hữu vô,  
Ta nay xả hữu vi.<sup>82</sup>*  
*Nội chuyên Tam-muội định  
Như chim ra khỏi trứng.*

Lúc bấy giờ Hiền giả A-nan tâm kinh sợ, lông tóc dựng ngược, vội vàng đi đến chỗ Phật, đầu mặt lỗ chân Phật rồi đứng sang một bên, bạch Phật:

“Lạ thay, Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà đất rung động?”

Phật bảo A-nan:

“Ở đời, có tám nguyên nhân khiến đất rung động. Những gì là tám? Đất y trên nước. Nước y trên gió. Gió y trên hư không. Trong hư không có ngọn gió lớn có khi tự nổi lên, khi ấy khói lớn nước bị khuấy động. Khói nước lớn bị khấy động thì khắp cả đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ nhất.

“Lại nữa, này A-nan, có khi có Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni đắc đạo, hoặc Tôn thiên đại thần quán thể tánh nước nhiều, quán thể tánh đất ít, muốn tự thử năng lực của mình, khi ấy khắp cõi đất rung động.

<sup>80</sup>. Bản sanh xứ 本生處; Pāli, sđd.: Upavattana-Mallānam, tức Lực sĩ bản sanh xứ, sinh địa của chủng tộc Malla. Câu-thi-na-kiệt 拘尸那竭; Pāli: Kusinagara.

<sup>81</sup>. Đoạn sau có lặp lại, nhưng nói chung Thiên và loài người.

<sup>82</sup>. D. 15, sđd.: tulam atualañca sambhavam bhavasañkhāram avissaji muni, “Đức Muni đã xả bỏ nhân tố của tồn tại, vốn là sự sinh khởi hữu hạn và vô hạn”. Liên hệ các từ hữu hành, vô hành, hữu vi trong bản Hán với các từ sambhava, bhavasankhāra trong bản Pāli.

Đó là nguyên nhân thứ hai.

“Lại nữa, này A-nan, khi Bồ-tát từ trời Đâu-suất giáng thân vào thai mẹ, chuyên niêm không tán loạn, khi ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ ba.

“Lại nữa, A-nan, khi Bồ-tát ra khỏi thai mẹ, sanh từ hông phải, chuyên niêm không tán loạn, khi ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ tư.

“Lại nữa, A-nan, khi Bồ-tát vừa thành Vô thượng chánh giác, ngay lúc ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ năm.

“Lại nữa, A-nan, khi Phật vừa thành đạo chuyển Vô thượng pháp luân mà Ma hoặc Thiên ma, Sa-môn, Bà-la-môn thấy đều không thể chuyển, khi ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ sáu.

“Lại nữa, A-nan, khi sự giáo giới của Phật gần hoàn tất, chuyên tâm không tán loạn, Phật xả bỏ thọ hành, khi đó khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ bảy.

“Lại nữa, này A-nan, khi Như Lai ở nơi Vô dư Niết-bàn mà nhập Niết-bàn, khi ấy khắp cõi đất rung động. Đó là nguyên nhân thứ tám.

“Do tám nguyên nhân ấy mà đất rung động.”

Rồi Thế Tôn nói bài kệ:

*Đáng Lưỡng Túc Tối Tôn,  
Đại Sa-môn soi sáng đời,  
Được A-nan thưa hỏi:  
Nguyên nhân gì đất rung?  
Như Lai diễn từ âm,  
Tiếng như chim Ca-lăng:  
“Ta nói, hãy lắng nghe,  
Nguyên do đất rung động.  
Đất nhân y trên nước,  
Nước nhân y trên gió.  
Nếu gió trỗi hư không,  
Đất vì thế rung mạnh.  
Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni  
Muốn thử thân thông lực,  
Núi, biển, trăm cây cỏ,  
Cõi đất thảy rung động.*

Thích, Phạm, các Tôn thiên,  
 Ý muốn đất rung động,  
 Núi biển các Quỷ thần,  
 Cõi đất thảy rung động.  
 Bồ-tát, Lưỡng Túc Tôn,  
 Trăm phước tướng đã đủ,  
 Khi mới nhập thai mẹ,  
 Khi ấy đất rung động.  
 Mười tháng trong thai mẹ,  
 Như rồng nằm thảm đệm;  
 Từ hông hữu xuất sanh,  
 Khi ấy đất rung động.  
 Phật khi còn trai trẻ  
 Tiêu diệt dây kết sù,  
 Thành đạo Thắng vô thượng;  
 Khi ấy đất rung động.  
 Thành Phật, chuyển Pháp luân,  
 Ở trong vườn Lộc đã;  
 Đạo lực hàng phục ma,  
 Khi ấy đất rung động.  
 Thiên ma nhiều phen thỉnh,  
 Khuyên Phật nhập Niết-bàn;  
 Khi Phật xả thọ mạng,  
 Khi ấy đất rung động.  
 Đại Đạo Sư, Chí Tôn,  
 Thần Tiên, không tái sanh,  
 Vào tịch diệt, bất động;  
 Khi ấy đất rung động.  
 Tịnh nhã, nói các duyên,  
 Đất rung vì tám sự.  
 Do đây và khác nữa,  
 Khi ấy đất rung động”.



II<sup>83</sup>

Phật nói với A-nan:

“Này A-nan! Đời có tám chúng: một là chúng Sát-ly; hai là chúng Bà-la-môn; ba là chúng Cư sĩ; bốn là chúng Sa-môn; năm là chúng Tứ thiên vương; sáu là chúng Đao-lợi thiên; bảy là chúng Ma; tám là chúng Phạm thiên.

“Ta nhớ xưa kia, Ta từng qua lại trong chúng Sát-ly, cùng họ nói năng, ngồi đứng, chẳng biết đã bao nhiêu lần. Nhờ sức thiền định tinh tấn mà nơi nào Ta hiện đến, hễ họ có sắc đẹp thì sắc Ta đẹp hơn. Họ có tiếng hay thì tiếng Ta hay hơn. Họ từ giã Ta mà đi, nhưng Ta không từ giã họ. Điều họ nói được, Ta cũng nói được. Điều họ không thể nói được, Ta cũng nói được. Ta thường thuyết pháp cho họ, chỉ bày, giáo huấn, khiến cho lợi ích, hoan hỷ<sup>84</sup>, rồi biến mất khỏi nơi đó, mà họ không biết Ta là trời hay là người. Như thế cho đến, Ta từng qua lại trong chúng Phạm thiên không biết là bao nhiêu lần để thuyết pháp cho họ, mà họ cũng đều chẳng biết Ta là ai.”

“A-nan bạch Phật:

“Thế Tôn, thật là kỳ diệu, chưa từng có, mới có thể thành tựu được như thế.”

Phật nói:

“Pháp vi diệu chưa từng có như vậy, này A-nan, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, duy chỉ Như Lai mới thành tựu được.”

Phật lại bảo A-nan:

<sup>83</sup>. Bản Hán, *Phật Thuyết Trưởng A-hàm kinh, đệ tam quyển*, “Du Hành kinh Đệ nhị trung”, Đại I, tr.16b-23b.

<sup>84</sup>. Thị, giáo, lợi, hỷ 示 教 利 喜: thứ tự thuyết pháp của Phật; Pāli: sandasseti samādapeti samuttejeti sampahamsati, khai thị, khích lệ, cổ vũ, làm cho hoan hỷ.

“Như Lai có thể biết rõ sự sanh khởi, tồn tại và biến mất của thọ; biết rõ sự sanh khởi, tồn tại và biến mất của tưởng; sự sanh khởi, tồn tại và biến mất của quán<sup>85</sup>. Đó mới thật là pháp kỳ diệu chưa từng có của Như Lai, ngươi nên ghi nhớ.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại bảo A-nan cùng đi đến Hương tháp<sup>86</sup>, rồi tới một gốc cây trải tọa ngồi và bảo A-nan nhóm hết các Tỳ-kheo hiện có mặt chung quanh Hương tháp lại giảng đường. A-nan vâng lời Phật dạy, tập họp tất cả, rồi bạch Phật:

“Đại chúng đã tụ tập. Cúi xin Đức Thánh biết thời.”

Thế Tôn bèn đi đến giảng đường, ngồi trên chỗ dọn sẵn. Rồi Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Các ngươi nên biết, Ta do những pháp sau đây mà tự thân tác chứng, thành Tối chánh giác. Đó là Bốn niệm xứ, Bốn ý đoạn<sup>87</sup>, Bốn thân túc, Bốn thiền định, Năm căn, Năm lực, Bảy giác ý<sup>88</sup> và Tám thánh đạo. Các ngươi hãy nên cùng nhau tu tập ở trong pháp đó, cùng nhau hòa đồng kính thuận, chớ sinh tranh tụng. Cùng đồng một thầy học hãy cùng đồng hòa hợp như nước với sữa. Ở trong pháp Ta, hãy tinh cần tu học, cùng soi sáng cho nhau, cùng nhau hoan hỷ.

“Này các Tỳ-kheo, các ngươi nên biết, Ta từ các pháp này mà tự mình chứng ngộ, rồi công bố ra nơi đây. Tức là, Khế kinh, Kỳ dã kinh, Thọ ký kinh, Kệ kinh, Pháp cú kinh, Tương ưng kinh, Bản duyên kinh, Thiên bản kinh, Quảng kinh, Vị tăng hữu kinh, Chứng dụ kinh, Đại giáo kinh. Các ngươi hãy ghi nhớ kỹ, tùy khả năng mà phân tích, tùy sự mà tu hành. Vì sao vậy? Như Lai không bao lâu nữa, sau ba tháng nữa, sẽ vào Niết-bàn.”

Các Tỳ-kheo sau khi nghe lời ấy, rất đỗi kinh ngạc, sững sốt hoang mang, vật mình xuống đất, cất tiếng kêu than:

<sup>85</sup>. Hán: quán khởi trụ diệt 觀起住滅, không rõ nghĩa. D. 15 và No. 7 không có chi tiết này.

<sup>86</sup>. Hương tháp 香塔, không rõ địa danh. No. 7 (Đại I, tr.192b): giảng đường Trùng các, trong rừng Đại lâm. D. 15, sđd.: Kuṭagārasāla, Mahāvana.

<sup>87</sup>. Ý đoạn 意斷, cũng nói là chánh đoạn 正斷 hay chánh cần 正勤; Pāli: sammappadhāna, Skt.: samyak-prahānākhya.

<sup>88</sup>. Giác ý 覺意 hay giác chi 覺支, hay bồ-đề phần 菩提分; Pāli: bojjhaṅga; Skt.: bodhyaṅga.

“Nhanh chóng làm sao, Thế Tôn diệt độ! Đau đớn làm sao, con mắt của thế gian sắp tắt! Chúng ta từ nay mãi mãi mất mát!” Hoặc có Tỳ-kheo vật vã buồn khóc, lăn lộn kêu ca, không tự cầm chế được, khác nào như rắn bị đứt làm hai khúc, lăn lộn ngắc ngoài, không biết đi về đâu.<sup>89</sup>

Phật bảo:

“Này các Tỳ-kheo, các ngươi chớ ôm lòng ưu bi như vậy. Từ trời đất đến người vật, không có cái gì sanh ra mà không kết thúc. Muốn các pháp hữu vi không bị biến dịch, thì không thể nào được. Trước đây Ta đã từng dạy ân ái là vô thường, có hội hợp tất có chia ly. Thân này không phải của mình, mạng này không ở lâu được.”

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ:

*Ta nay tự tại  
Đến chỗ an ổn;  
Nói rõ nghĩa này  
Cho chúng hòa hợp.  
Ta nay già rồi,  
Việc làm đã xong,  
Nay nên xả thọ.  
Niệm không buông lung,  
Tỳ-kheo giới đủ;  
Thâu nhiếp định ý,  
Thủ hộ tâm mình.  
Ở trong pháp Ta,  
Ai không buông lung,  
Sẽ dứt gốc khổ,  
Khởi sanh già chết.*

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

“Ta nay sở dĩ khuyên dạy các ông như thế, vì thiên ma Ba-tuần, vừa rồi đến thỉnh cầu ta, nói: ‘Ý Phật<sup>90</sup> chưa muốn vào Niết-bàn sớm. Nay đã phải thời rồi, xin Ngài mau diệt độ.’ Ta bảo ma Ba-tuần: ‘Hãy thôi! Hãy thôi! Ta tự biết thời. Ta còn đợi chúng Tỳ-kheo của Ta hội đủ... cho đến, khiến cho chư Thiên và loài người thấy đều thấy được sự

<sup>89</sup>. Pāli và No. 7 đều không có chi tiết này.

<sup>90</sup>. Xem cht. 73.

thần diệu.' Bấy giờ ma Ba-tuần lại nói với Ta rằng: 'Thuở xưa, ở Uất-bê-la, bên dòng sông Ni-liên-thuyền, dưới gốc cây A-du-ba ni-câu-luật, Phật khi mới thành Chánh giác, tôi đã thưa Ngài rằng: 'Ý Phật không muốn Niết-bàn sớm. Nay thật là đúng lúc. Ngài hãy nhanh chóng nhập Niết-bàn.' Khi ấy Như Lai trả lời tôi rằng: 'Hãy thôi đi, này Ba-tuần. Ta tự biết thời. Như Lai nay chưa nhập Niết-bàn, vì còn đợi đệ tử Ta tụ hội đông đủ v.v..., cho đến, chư Thiên và loài người thấy được sự thần thông biến hóa, khi ấy Ta mới nhập Niết-bàn.' Nay đây, đệ tử của Như Lai đã hội đủ..., cho đến, chư Thiên và loài người đều thấy được sự thần thông biến hóa. Nay chính là lúc, sao Ngài không nhập Niết-bàn?' Ta nói: 'Hãy thôi đi, này Ba-tuần. Phật tự biết thời. Ta không trụ thế bao lâu nữa. Sau ba tháng nữa, Ta sẽ diệt độ.' Lúc ấy ma Ba-tuần nghĩ rằng Phật tất không nói dối, bèn vui mừng phán khởi, hốt nhiên biến mất. Ma đi chưa bao lâu, ở nơi tháp Giá-bà-la, bằng định ý tam-muội, Ta xả tho hành. Ngay lúc đó, đại địa chấn động. Trời người thấy đều kinh sợ, lông tóc dựng ngược. Phật phóng ánh sáng rọi suốt vô cùng, nơi chỗ tối tăm cũng được soi sáng, thấy đều trông thấy nhau. Bấy giờ Ta nói kệ tụng rằng:

*Trong hai hành hữu vô,  
Ta nay xả hữu vi.  
Nội chuyên tam-muội định  
Như chim ra khỏi trứng.*

Bấy giờ, Hiền giả A-nan đứng dậy, trích áo bày vai hữu, quỳ gối phải sát đất, chắp tay bạch Phật:

"Cúi mong Đức Thế Tôn, lưu trú một kiếp, chớ vội diệt độ, vì lòng thương tưởng chúng sanh, để làm ích lợi cho trời, người."

Đức Thế Tôn yên lặng không đáp. A-nan thưa thỉnh đến ba lần. Phật bảo:

"A-nan! Người có tin đạo Chánh giác của Như Lai không?"

A-nan đáp:

"Thưa vâng, con tin chắc thật lời Phật nói."

Phật nói:

"Nếu ngươi có tin, sao ba lần quấy rầy Ta? Người đã trực tiếp nghe từ Phật, trực tiếp lãnh thọ từ Phật rằng, những ai đã tu tập bốn thần túc, tu tập nhiều lần, chuyên niệm không quên, thì có thể tùy ý

muốn mà kéo dài tuổi thọ trong một kiếp hoặc một kiếp hơn. Phật đã tu tập bốn thân túc, tu tập nhiều lần, chuyên niệm không quên, tùy theo ý muốn có thể sống hơn một kiếp, để trừ sự tối tăm cho đời, làm lợi ích nhiều người, cho trời và người được an lạc. Tại sao lúc đó người không thỉnh cầu Như Lai chớ diệt độ? Nghe lần thứ hai, còn khả thứ. Cho đến lần thứ ba, người cũng không khuyến thỉnh Như Lai sống thêm một kiếp hoặc một kiếp hơn, để trừ tối tăm cho đời, đem lại lợi ích an lạc cho hàng thiên nhân. Nay người mới nói, há chẳng muộn lăm ư? Ta ba lần hiện tướng, người ba lần im lặng. Sao lúc ấy người không nói với Ta rằng ‘Như Lai hãy sống thêm một kiếp hoặc một kiếp hơn, để trừ sự tối tăm cho đời, vì lợi ích cho nhiều người, để cho trời người được an lạc’?

“Hãy thôi, A-nan, nay Ta đã xả tuổi thọ, đã bỏ, đã nhổ rồi. Muốn Như Lai trái với lời đã nói ra, thì không bao giờ có trường hợp đó. Ví như một người hào quý đã nhổ đồ ăn xuống đất, họ còn lấy ăn trở lại được không?”

A-nan đáp: “Không”.

“Nay Như Lai cũng vậy, đã bỏ, đã nhổ rồi đâu còn tự mình ăn lại nữa.”

Phật lại bảo A-nan cùng đi đến thôn Am-bà-la. A-nan xếp y ôm bát, cùng với đại chúng đi theo Thế Tôn, do theo đường từ Bạt-kỳ đến Am-bà-la. Khi đến thôn Am-bà-la, tới một đồi cây, Phật dạy các Tỳ-kheo về giới, định, tuệ; tu giới đắc định<sup>91</sup>, được quả báo lớn; tu định đắc trí, được quả báo lớn; tu trí tâm tịnh, được giải thoát hoàn toàn<sup>92</sup>, dứt hết ba thứ lậu hoặc là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Sau khi đã giải thoát liền phát sanh trí về sự giải thoát<sup>93</sup>, sanh tử dứt hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn phải tái sinh nữa.”

Bấy giờ, sau khi tùy nghi an trú ở thôn Am-bà-la, Đức Thế Tôn lại bảo A-nan: “Hãy sửa soạn để đi thôn Chiêm-bà, thôn Kiền-đồ, thôn

<sup>91</sup>. Hán: tu giới hoạch định. Tham chiếu Pāli, D.15, sốd.: sīlaparibhāvito samādhī; Trường I, tr.554: “định cùng tu với giới”. Xem cht.21.

<sup>92</sup>. Tham chiếu, Trường I, tr.555: “Tâm cùng tu với tuệ sẽ đưa đến giải thoát hoàn toàn...” Xem cht.22.

<sup>93</sup>. Nghĩa là, sau khi giải thoát, biết rõ mình đã giải thoát.

Bà-lê-bà và thành Phụ-di<sup>94</sup>. A-nan đáp: “Thưa vâng”. Rồi xếp y ôm bát, cùng đại chúng theo hầu Thế Tôn, theo con đường từ Bạt-kỳ đi lần đến các thành khác, đến phía Bắc thành Phụ-di<sup>95</sup>, nghỉ lại trong rừng Thi-xá-bà<sup>96</sup>.

Phật nói với các Tỳ-kheo:

“Ta sē nói cho các ngươi nghe Bốn đại giáo pháp<sup>97</sup>. Hãy lắng nghe, hãy suy ngẫm kỹ.”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Kính vâng, bạch Thế Tôn! Chúng con muốn nghe.”

Phật nói:

“Bốn pháp ấy là gì? Nếu có vị Tỳ-kheo nào nói như vậy: ‘Này chư Hiền, tôi từng ở tại thôn kia, thành kia, nước kia, đích thân theo Phật được nghe, được lãnh thọ giáo pháp này.’ Nghe như vậy thì các ngươi cũng không nên vội tin, cũng không nên bài bác. Hãy nương theo Kinh mà xét chõ hư thật. Nương theo Luật, nương theo Pháp mà xét rõ gốc ngọn. Nếu thấy lời nói ấy không đúng Kinh, không đúng Luật, không đúng Pháp, thì các ngươi hãy nói lại người kia rằng: ‘Phật không nói như thế, ngươi đã nhớ lầm chăng? Bởi vì chúng tôi nương Kinh, nương Luật, nương Pháp. Mà lời ngươi vừa nói trái với Chánh pháp. Vậy này Hiền sĩ, ngươi chớ có thọ trì và chớ đem nói cho người khác. Hãy từ bỏ nó đi.’ Trái lại nếu xét thấy lời kia đúng Kinh, đúng Luật, đúng Pháp thì hãy nói với người kia rằng: ‘Lời ngươi vừa nói, đúng là lời Phật nói. Vì chúng tôi nương Kinh, nương Luật, nương Pháp. Mà lời ngươi vừa nói phù hợp với Chánh pháp. Vậy Hiền sĩ! Hãy cẩn thận thọ trì và rộng nói cho người nghe, chớ có từ bỏ.’ Đó là đại pháp thứ nhất.

“Lại nữa, nếu có Tỳ-kheo nào nói như vậy: ‘Này chư Hiền, tôi từng ở tại thôn kia, thành kia, nước kia, đích thân nghe từ chúng

<sup>94</sup>. Am-bà-la 菩婆羅, Chiêm-bà 瞳婆, Kiền-dồ 緯茶, Bà-lê-bà 婆梨婆 (TNM: Bà-lê-sa 婆梨婆). Phụ-di 負彌.

<sup>95</sup>. Lộ trình theo No.7 (Đại I tr.195b): đến Tượng thôn, Am-ba-la thôn, Diêm-phù thôn, cuối cùng là Thiện già thành, tức Phù-di. Lộ trình theo bản Pāli: Hathigama, Ambagama, Jambugama, Bhoganagara.

<sup>96</sup>. Thi-xá-bà 戶舍婆, tên loại cây lớn; Pāli: Simsapa.

<sup>97</sup>. Tứ đại giáo pháp 四大教法; Pāli: cattāro mahāpadesā.

Tăng hòa hợp với các vị kỳ cựu đa văn, được lãnh thọ Pháp này, Luật này, Giáo này.' Nghe như vậy thì các ngươi cũng không nên vội tin, cũng không nên bài bác. Hãy nương theo Kinh mà xét chõ hư thật. Nương theo Luật, nương theo Pháp mà xét rõ gốc ngọn. Nếu thấy lời nói ấy không đúng Kinh, không đúng Luật, không đúng Pháp, thì các ngươi hãy nói lại người kia rằng: 'Phật không nói như thế, ngươi đã nghe, nhớ lầm chăng? Bởi vì chúng tôi nương Kinh, nương Luật, nương Pháp. Mà lời ngươi vừa nói trái với Chánh pháp. Vậy này Hiền sĩ, ngươi chớ có thọ trì và chớ đem nói cho người khác. Hãy từ bỏ nó đi.' Trái lại nếu xét thấy lời kia đúng Kinh, đúng Luật, đúng Pháp thì hãy nói với người kia rằng: 'Lời ngươi vừa nói, đúng là lời Phật nói. Vì chúng tôi nương Kinh, nương Luật, nương Pháp. Mà lời ngươi vừa nói phù hợp với Chánh pháp. Vậy Hiền sĩ! Hãy cẩn thận thọ trì và rộng nói cho người nghe, chớ có từ bỏ.' Đó là đại pháp thứ hai.

"Lại nữa, nếu có Tỳ-kheo nào đến nói như vậy: 'Này chư Hiền, tôi từng ở tại thôn kia, thành kia, nước kia, đích thân nghe từ nhiều vị Tỳ-kheo, là những người trì Pháp, trì Luật, trì Luật nghi, được lãnh thọ Pháp này, Luật này, Giáo này.' Nghe như vậy thì các ngươi cũng không nên tin, cũng không nên bài bác. Hãy nương theo Kinh mà xét chõ hư thật. Nương theo Luật, nương theo Pháp mà xét rõ gốc ngọn. Nếu thấy lời nói ấy không đúng Kinh, không đúng Luật, không đúng Pháp, thì các ngươi hãy nói lại người kia rằng: 'Phật không nói như thế, ngươi đã nghe, nhớ lầm chăng? Bởi vì chúng tôi nương Kinh, nương Luật, nương Pháp. Mà lời ngươi vừa nói trái với Chánh pháp. Vậy này Hiền sĩ, ngươi chớ có thọ trì và chớ đem nói cho người khác. Hãy từ bỏ nó đi.' Trái lại nếu xét thấy lời kia đúng Kinh, đúng Luật, đúng Pháp thì hãy nói với người kia rằng: 'Lời ngươi vừa nói, đúng là lời Phật nói. Vì chúng tôi nương Kinh, nương Luật, nương Pháp. Mà lời ngươi vừa nói phù hợp với Chánh pháp. Vậy Hiền sĩ! Hãy cẩn thận thọ trì và rộng nói cho người nghe, chớ có từ bỏ.' Đó là đại pháp thứ ba.

"Lại nữa, nếu có Tỳ-kheo nào đến nói như vậy: 'Này chư Hiền, tôi từng ở tại thôn kia, thành kia, nước kia, đích thân từ một vị Tỳ-kheo kia, là người trì Pháp, trì Luật, trì Luật nghi, được lãnh thọ Giáo pháp

này.' Nghe như vậy thì các ngươi cũng không tin, cũng không nên bài bác. Hãy nương theo Kinh mà xét chỗ hư thật. Nương theo Luật, nương theo Pháp mà xét rõ gốc ngọn. Nếu thấy lời nói ấy không đúng Kinh, không đúng Luật, không đúng Pháp, thì các ngươi hãy nói lại người kia rằng: 'Phật không nói như thế, ngươi đã nhớ lầm chăng? Bởi vì chúng tôi nương Kinh, nương Luật, nương Pháp. Mà lời ngươi vừa nói trái với Chánh pháp. Vậy này Hiền sĩ, ngươi chớ có thọ trì và chớ đem nói cho người khác. Hãy từ bỏ nó đi.' Trái lại nếu xét thấy lời kia đúng Kinh, đúng Luật, đúng Pháp thì hãy nói với người kia rằng: 'Lời ngươi vừa nói, đúng là lời Phật nói. Vì chúng tôi nương Kinh, nương Luật, nương Pháp. Mà lời ngươi vừa nói phù hợp với Chánh pháp. Vậy Hiền sĩ! Hãy cẩn thận thọ trì và rộng nói cho người nghe, chớ có từ bỏ.' Đó là đại pháp thứ tư."

Bấy giờ, Đức Thế Tôn sau khi tùy nghi trú ở thành Phụ-di lại bảo A-nan cùng đi đến thành Ba-bà<sup>98</sup>. A-nan đáp: "Kính vâng", rồi xếp y ôm bát, với đại chúng đi theo Thế Tôn, theo con đường Mạt-la đi vườn Xà-đầu<sup>99</sup>, thành Ba-bà. Nơi đây có con trai của một người thợ tên là Châu-na<sup>100</sup> nghe Phật từ Mạt-la kia đến thành này, liền y phục chỉnh tề tìm đến chỗ Phật, đầu mặt lạy chân Phật, rồi ngồi lại một bên. Phật theo thứ lớp thuyết pháp cho Châu-na, chỉ bày, giáo huấn, khiến cho lợi ích hoan hỷ. Châu-na sau khi nghe phát tín tâm hoan hỷ, bèn thỉnh Phật ngày mai đến nhà cúng dường. Phật làm thịnh nhận lời. Châu-na biết Phật đã nhận lời, liền đứng dậy lạy Phật, rồi lui về. Ngay đêm đó ông sửa soạn thức ăn. Ngày mai, vào thời gian thích hợp, ông trở lại thỉnh Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn khoác y cầm bát cùng với đại chúng tùy túng đến nhà ông, ngồi lên chỗ ngồi dọn sẵn. Sau khi Phật và đại chúng đã an tọa, Châu-na đem món ăn dâng Phật và chúng Tăng. Ông lại nấu riêng một thứ nấm Chiên-dàn<sup>101</sup> là thức ăn trân quý kỳ lạ ít thấy, đem dâng

<sup>98</sup>. Ba-bà 波婆; Pāli: Pāvā.

<sup>99</sup>. Xà đầu viêng 閣頭圓; Pāli: Pāvāyaṁ viharati Cundassa kammāraputtassa ambavane, trú ở Pāvā trong vườn xoài của con trai người thợ sắt tên là Cunda.

<sup>100</sup>. Hán: công sự tử danh viết Châu-na 工師子名曰周那. No.7: công xảo tử danh viết Thuần Đà 工巧子名曰純陀; Pāli: cundo kammāraputto, Cunda, người thợ (hoặc con trai người thợ) luyện kim.

<sup>101</sup>. Hán: Chiên-dàn thọ nhĩ 旃檀樹耳; Pāli: Sūkara-maddava.

riêng cho Phật. Phật bảo Châu-na chớ đem thứ nấm ấy cho chúng Tăng ăn. Châu-na vâng lời, không dám dọn cho chúng Tăng.

Lúc bấy giờ, trong đại chúng Tỳ-kheo có một Tỳ-kheo già, xuất gia lúc tuổi xế chiều, ngay trên mâm ăn, dùng đồ đựng dư để lấy<sup>102</sup>.

Châu-na, sau khi thấy chúng Tăng thọ trai xong, cất bình bát và dùng nước rửa xong, liền đến trước Phật mà hỏi bằng bài kệ rằng:

*Xin hỏi Đại Thánh Trí,  
Đắng Chánh Giác Chí Tôn:  
Đời có mấy Sa-môn,  
Khéo huấn luyện diệu phục?*

Phật đáp bằng bài kệ:

*Theo như ngươi vừa hỏi,  
Có bốn hạng Sa-môn,  
Chí hướng không đồng nhau,  
Ngươi hãy nhận thức rõ:  
Một, hành đạo thù thắng;  
Hai, khéo giảng đạo nghĩa;  
Ba, y đạo sinh sống;  
Bốn, làm ô uế đạo.  
Sao gọi ‘đạo thù thắng’?  
Sao ‘khéo nói đạo nghĩa’?  
Sao ‘y đạo sinh hoạt’?  
Sao ‘làm đạo ô uế’?  
Bè gai nhọn ân ái,  
Quyết chắc vào Niết-bàn;  
Vuốt khỏi đường Thiên nhân,  
Là hành đạo thù thắng.  
Khéo hiểu đệ nhất nghĩa  
Giảng đạo không cầu uế,  
Nhân từ giải nghi ngờ,*

<sup>102</sup>. Hán: dư khí thủ 餘氣取. Bản Tống, dư thủ khí 餘氣取. Các bản Nguyên Minh: dư nhĩ khí 餘耳氣. Các bản không thống nhất, nghĩa không rõ ràng. Có lẽ muốn nói Tỳ-kheo này lấy chỗ nấm Phật đã ăn còn lại. D.15, sđd.: Trường I, tr.624: Phật bảo Cunda đem chôn kỹ chỗ nấm còn lại.

*Là hạng khéo thuyết đạo.  
 Khéo trình bày pháp cú  
 Nương đạo mà nuôi sống,  
 Xa mong cõi vô cầu;  
 Là hạng sống y đạo.  
 Trong ôm lòng gian tà,  
 Ngoài như tuồng thanh bạch.  
 Hư dối không thành thật,  
 Là hạng làm nhơ đạo.  
 Sao gọi 'gồm thiện ác',  
 Tịnh, bất tịnh xen lẩn.  
 Mặt ngoài hiện tốt đẹp,  
 Như chất đồng mạ vàng,  
 Người tục thấy liền bảo:  
 "Đó là Thánh đệ tử,  
 Các vị khác không bằng,  
 Ta chớ bỏ lòng tin".  
 Người gìn giữ đại chúng,  
 Trong trước giả ngoài thanh.  
 Che giấu điều gian tà,  
 Kỳ thật lòng phóng đãng.  
 Chớ trông dáng bè ngoài,  
 Đã vội đến thân kính.  
 Che giấu điều gian tà,  
 Kỳ thật lòng phóng đãng.*

Rồi Châu-na lấy một cái giường nhỏ đặt ngồi trước Phật. Phật lần lượt thuyết pháp, chỉ bày, khuyến khích, khiến cho lợi ích, hoan hỷ. Sau đó, với đại chúng theo hầu, Phật trở về. Vừa đến giữa đường, Phật dừng lại dưới một gốc cây và bảo A-nan:

“Ta đau lưng, ngươi hãy trải chỗ ngồi.”

A-nan đáp vâng, rồi trải chỗ ngồi. Phật nghỉ ngơi. Bấy giờ, A-nan lại trải một chỗ ngồi thấp hơn và ngồi trước Phật. Phật hỏi A-nan:

“Vừa rồi ông thấy Châu-na có ý gì hối hận không? Nếu có hối hận là tự đâu?”

A-nan đáp: “Châu-na vừa cúng dường Phật như vậy không được

phúc lợi gì cả. Vì sao? Tại vì sau khi Đức Như Lai thọ trai ở nhà ông thì Ngài vào Niết-bàn!”

Phật nói:

“A-nan chớ nói như vậy, chớ nói như vậy! Hiện nay Châu-na được nhiều lợi lớn, được sống lâu, được sắc đẹp, được sức lực, được tiếng tốt, được nhiều tài lợi, chết được lên trời, cầu điều gì đều được. Tại sao vậy? Vì người cúng dường cho Phật lúc mới thành đạo với người cúng dường cho Phật lúc sắp Niết-bàn, công đức hai bên ngang nhau không khác. Người hãy đến nói với Châu-na rằng: ‘Tôi trực tiếp nghe từ Phật, trực tiếp lãnh thọ từ Phật, rằng Châu-na nhờ công đức cúng dường Phật mà được lợi lớn, quả báo lớn’.”

A-nan vâng lời, đi đến chỗ Châu-na, nói rằng:

“Tôi trực tiếp nghe từ Phật, trực tiếp lãnh thọ từ Phật, rằng ông Châu-na nhờ công đức cúng dường Phật mà được lợi lớn, quả báo lớn. Tại sao vậy? Vì người cúng dường Phật lúc mới thành đạo với người cúng dường Phật lúc sắp Niết-bàn, công đức hai bên ngang nhau không khác.

*Thọ trai nhà Châu-na,  
Mới nghe lời nói này:  
Bệnh Như Lai thêm nặng,  
Thọ mang đã sắp tàn,  
Tuy ăn nấm Chiên-dàn,  
Mà bệnh vẫn càng tăng.  
Ôm bệnh mà lên đường,  
Lần đến thành Câu-thi.*

Bấy giờ, Thế Tôn đứng dậy, đi về phía trước được một quãng ngắn, đến dưới một gốc cây, lại bảo A-nan:

“Ta đau lưng quá, hãy sửa chỗ ngồi.”

A-nan đáp: “Vâng”. Rồi dọn một chỗ ngồi. Như Lai nghỉ ngơi. A-nan lỗ chân Phật, rồi ngồi sang một bên. Lúc đó, có người đệ tử A-la-hán tên là Phúc-quý<sup>103</sup>, đi từ thành Câu-thi-na-kiệt<sup>104</sup> nhǎm đến thành

<sup>103</sup>. Hán: A-la-hán đệ tử danh viết Phúc-quý 阿羅漢弟子名曰福貴. Có lẽ dư chữ hán. No.7: Mân La tiên nhân chi tử danh Phất-ca-sa 滿羅仙人之子名弗迦沙. D.15, sđd.: Trường I tr.627: Pukkusa, đệ tử của Alāra Kālāma.

Ba-bà, khi vừa đến giữa đường, trông thấy Phật tại bên gốc cây, dung mạo đoan chính, các căn tịch tĩnh, tâm ý nhu thuận trong cảnh tịch diệt tuyệt đối, ví như con rồng lớn, như hồ nước đứng trong không chút cáu bợn. Sau khi thấy, ông phát sinh thiện tâm hoan hỷ, đi đến gần Phật, đảnh lễ rồi ngồi lại một bên và bạch Phật rằng:

“Bạch Đức Thế Tôn, người xuất gia, ở tại chỗ thanh tịnh, ưa thích sự nhàn cư, thật hy hữu thay, dẫu cả một đoàn xe có những năm trăm cỗ đi ngang qua một bên mà vẫn không hay biết! Thầy tôi có lần ngồi tĩnh tọa dưới một gốc cây bên đường thuộc địa phận giữa hai thành Câu-thi và Ba-bà. Lúc đó có đoàn xe năm trăm cỗ đi ngang qua một bên. Tiếng xe cộ rầm rầm. Tuy thức tỉnh nhưng không nghe thấy. Sau đó có người đến hỏi: ‘Có thấy đoàn xe vừa đi qua đây không?’ Đáp: ‘Không thấy.’ Lại hỏi: ‘Có nghe không?’ Đáp: ‘Không nghe.’ Lại hỏi: ‘Nay giờ ông ở đây hay ở chỗ khác?’ Trả lời: ‘Ở đây.’ Lại hỏi: ‘Nay giờ ông tỉnh hay mê?’ Trả lời: ‘Tỉnh.’ Lại hỏi: ‘Nay giờ ông thức hay ngủ?’ Trả lời: ‘Không ngủ.’ Người kia thầm nghĩ: ‘Đây thật là hy hữu. Người xuất gia chuyên tinh mới như thế. Cho dẫu tiếng xe rầm rộ, thức mà vẫn không hay.’ Rồi nói với thầy tôi rằng: ‘Vừa có năm trăm cỗ xe rầm rộ đi qua con đường này, tiếng xe chấn động mà còn không nghe thấy, có đâu lại nghe thấy chuyện khác!’ Rồi người kia làm lễ, hoan hỷ từ tạ.”

Phật nói:

“Này Phúc-quý! Nay Ta hỏi ngươi. Hãy tùy ý trả lời. Đoàn xe rầm rộ đi qua, tuy thức nhưng không nghe và sấm sét vang động đất trời, tuy thức nhưng không nghe. Trong hai điều đó, điều nào khó hơn?”

Phúc-quý thưa:

“Tiếng động của ngàn chiếc xe đâu sánh bằng tiếng sấm sét. Không nghe tiếng xe còn dễ chứ không nghe sấm sét ấy mới thật là rất khó.”

Phật nói:

“Này Phúc-quý, Ta có một lần ở tại một thảo lư trong thôn A-việt<sup>104</sup>, lúc đó có đám mây lạ vụt nổi lên, rồi tiếng sấm sét vang rền dữ dội làm chết hết bốn con trâu và hai anh em người đi cày, thiêu hạ xúm

<sup>104</sup>. Câu-thi-na-kiệt 拘尸那傑, các phiên âm khác: Câu-thi-na-kiệt-la 拘尸那桀羅, Câu-thi-na-già-la 拘尸那伽羅, Câu-thi-na thành 拘尸那城; Pāli: Kusinagara.

<sup>105</sup>. A-việt 阿越, hoặc A-dầu 阿頭; Pāli: Atuma.

tới chật ních. Lúc ấy Ta đang ra khỏi thảo lư, đi kinh hành thông thả. Một người từ đám đông kia đi lại chỗ Ta, đầu mặt lẽ sát chân, rồi theo sau Ta kinh hành. Dẫu biết nhưng Ta vẫn hỏi: ‘Đám đông kia đang tụ tập để làm gì vậy?’ Người kia liền hỏi lại Ta rằng: ‘Nay giờ Ngài ở đâu, thức hay ngủ?’ Ta trả lời: ‘Ở đây, không ngủ.’ Người kia tán thán cho là hy hữu, chưa thấy ai đắc định như Phật; sấm chớp vang rền cả trời đất thế mà riêng mình tịch tịnh, thức mà không hay. Rồi người ấy bạch Phật: ‘Vừa rồi có đám mây lạ vụt nổi lên, rồi tiếng sấm sét vang rền dữ dội làm chết hết bốn con trâu và hai người đi cày. Đám đông tụ tập chính là vì chuyện ấy.’ Người ấy trong lòng vui vẻ, liền được pháp hỷ, lễ Phật rồi lui.

Lúc đó Phúc-quý đang khoác hai tấm vải màu vàng<sup>106</sup>, trị giá cả trăm ngàn, rời chỗ ngồi đứng dậy, rồi quỳ xuống, chắp tay bạch Phật:

“Nay con đem tấm vải này dâng Thế Tôn. Cúi mong Thế Tôn nạp thọ.”

Phật bảo Phúc-quý:

“Ngươi để một tấm cho Ta và một tấm cho A-nan.”

Phúc-quý vâng lời. Một tấm dâng Phật, một tấm cho A-nan. Phật thương tưởng ông cho nên nhận. Phúc-quý đánh lẽ Phật và ngồi lại một bên. Phật lần lượt thuyết pháp cho ông, chỉ bày, giáo huấn, khiến cho được ích lợi, hoan hỷ. Ngài giảng về bố thí, trì giới, sinh thiên, dục là đại hoạn, bất tịnh, ô uế, phiền não ô nhiễm<sup>107</sup> là pháp chướng đạo, xuất yếu<sup>108</sup> là tối thắng. Khi Phật biết tâm ý Phúc-quý đã hoan hỷ, nhu nhuyễn, không bị triền cái trùm lấp, rất dễ khai hóa; như thường pháp của chư Phật, Ngài giảng cho Phúc-quý về Khổ thánh đế, Khổ tập, Khổ diệt và Khổ xuất yếu thánh đế. Phúc-quý liền phát tín tâm thanh tịnh, ví như tấm vải sạch rất dễ nhuộm màu, ngay trên chỗ ngồi mà xa lìa trần cấu, phát sinh pháp nhãn, thấy pháp, chứng pháp, an trú quyết định chánh tánh, không còn bị sa đọa ác đạo,

<sup>106</sup>. Hán: hoàng địệp 黃疊; TNM: hoàng kim địệp 黃金疊 (bộ mao 毛).

<sup>107</sup>. Hán: thượng lậu 上漏; có lẽ Pāli: uppakileśa (Skt.: upakleśa): phiền não tạp nhiễm.

<sup>108</sup>. Hán: xuất yếu 出要, hay xuất ly 出離: thoát ly phiền não hay khổ; Pāli: nissaraṇa, Skt.: nihsaraṇa.

thành tựu vô úy, bèn bạch Phật:

“Con nay quy y Phật, Pháp, Tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm một Ưu-bà-tắc trong Chánh pháp. Từ nay cho đến trọn đời con nguyện không sát, không trộm, không tà dâm, không dối, không uống rượu. Cúi mong Thế Tôn nhận con là Ưu-bà-tắc ở trong Chánh pháp.”

Lại bạch Phật:

“Lúc nào Phật đến giáo hóa tại thành Ba-bà xin Ngài hạ cố đến khóm nhà nghèo của con. Bởi vì con muốn đem hết những vật thực sàng tọa, y phục, thuốc thang sẵn có trong nhà để dâng cúng Thế Tôn. Thế Tôn lãnh thọ cho thì nội gia con được an lạc.”

Phật nói:

“Ngươi nói rất phải.”

Rồi Thế Tôn lại nói pháp cho Phúc-quý; chỉ bày, giáo huấn, khiến cho được lợi ích, hoan hỷ. Phúc-quý đảnh lễ Phật rồi đi.

Phúc-quý đi chưa bao lâu, A-nan liền đem tấm vải vàng của mình dâng Phật. Phật do tâm từ mẫn nhận lãnh và khoác lên trên mình. Bấy giờ, Đức Thế Tôn hiện ra một dung mạo thung dung, oai quang rực rỡ, các căn thanh tịnh, sắc diện tươi vui.

A-nan trông thấy, âm thầm suy nghĩ: “Ta được hầu gần Phật hai mươi lăm năm nay chưa khi nào thấy Phật có một sắc diện tươi sáng như ngày nay”. Bèn đứng dậy, quỳ gối phải xuống đất, chắp tay hỏi Phật:

“Từ khi con được hầu Phật, đã hai mươi lăm năm nay, chưa từng thấy sắc diện Phật như hôm nay. Chẳng hiểu do duyên gì? Con mong nghe được ý Phật.”

Phật bảo A-nan:

“Có hai duyên cơ mà sắc diện Như Lai tươi sáng khác lúc bình thường: một là lúc Phật mới thành ngôi Chánh giác, hai là lúc Phật xả bỏ thọ mạng sắp vào Niết-bàn. A-nan, do hai duyên ấy mà sắc diện khác thường.”

Rồi Thế Tôn nói bài tụng:

*Y màu vàng sáng vui,  
Mịn, mềm, rất tươi sạch,  
Phúc-quý dâng Thế Tôn,  
Hào quang trắng như tuyết.*

Phật bảo:

“A-nan, ta đang khát. Ta muốn uống nước. Người hãy đi lấy nước đem đến đây.”

A-nan thưa:

“Vừa rồi có năm trăm cỗ xe lội qua khúc trên sông làm nước đục cả. Chỉ có thể dùng rửa chân, không thể dùng uống được.”

Phật nói đến ba lần như thế. A-nan thưa:

“Hiện chỉ có sông Câu-tôn<sup>109</sup> cách đây không xa, là có nước trong mát. Uống hay tắm rửa đều được.”

Lúc đó có một vị thần ở tại núi Tuyết, vốn dốc lòng tin Phật đạo, lấy bát đựng nước quý tịnh đủ tám công đức đem đến dâng Phật. Phật thương xót lãnh thọ và đọc bài tụng:

*Phật bằng tám thứ âm,  
Bảo A-nan lấy nước:  
Ta khát, nay muốn uống.  
Uống xong đến Câu-thi.  
Âm êm dịu, hòa nhã,  
Ai nghe cũng vui lòng.  
Hầu hạ hai bên Phật,  
Liền bạch Thế Tôn rằng:  
Vừa có năm trăm xe,  
Lội sông sang bờ kia,  
Đã làm đục dòng nước,  
Uống chắc không thể được.  
Sông Câu-lưu không xa,  
Nước tốt, rất trong mát;  
Có thể lấy nước uống,  
Cũng có thể tắm rửa.  
Tuyết sơn có quỷ thần,  
Đem nước dâng Như Lai.  
Uống xong, uy dung mãnh.  
Đảng Sư Tử bước đi.*

<sup>109</sup>. Câu-tôn 拘孫, các phiên âm khác: Câu-lưu-tôn 拘留孫, Ca-quật-đa 迦崛多, Ca-di 迦彌, Cước-cu-da 腳俱多; Pāli: Kakutthā, Skt.: Kakuṣṭa.

*Nước ấy có rồng ở,  
Trong sạch không đục dơ.  
Thánh nhan như Tuyết sơn  
Thong thả qua Câu-tôn.*

Rồi Thế Tôn đi đến sông Câu-tôn, lấy nước uống và rửa xong rồi, cùng đại chúng lần đi nữa. Giữa đường, Phật dừng lại dưới một gốc cây và bảo Châu-na<sup>110</sup>:

“Ngươi lấy y Tăng-già-lê gấp làm tư rồi trải cho ta nằm. Ta đau lưng. Muốn tạm nghỉ tại đây.”

Châu-na vâng lời, trải chõ xong, Phật ngồi lên chõ đó. Châu-na lễ Phật rồi ngồi lại một bên mà thưa rằng:

“Con muốn nhập Niết-bàn. Con muốn nhập Niết-bàn.”

Phật dạy:

“Nên biết phải thời.”

Châu-na liền nhập Niết-bàn ở ngay trước Phật.

Phật bèn nói bài tụng:

*Phật đến sông Câu-tôn,  
Trong mát, không đục dơ.  
Đáng Chí Tôn xuống nước,  
Tắm rửa, sang bờ kia.  
Vị đứng đầu đại chúng,  
Sai khiến bảo Châu-na:  
Ta nay thân mỏi mệt,  
Ngươi trải ngoại cụ nhanh.  
Châu-na liền vâng lời,  
Gấp tư y mà trải.  
Như Lai đã nghỉ ngơi  
Châu-na ngồi phía trước  
Tức thì bạch Thế Tôn:  
Con muốn nhập Niết-bàn,  
Vào chốn không yêu, ghét.  
Con nay đến chõ đó;*

<sup>110</sup>. Châu-na, một Tỳ-kheo, không phải người thợ sắt; Pāli: Cundaka.

*Biển công đức vô lượng.  
Đấng Tối Thắng trả lời:  
Phận sự ngươi đã xong,  
Nên biết thời thích hợp.  
Được Phật hứa khả rồi,  
Châu-na càng tinh tấn.  
Diệt hành, vô hữu dư.  
Như hết cùi, lửa tắt.*

Bấy giờ A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Phật:

“Sau khi Phật diệt độ, phép tảo táng nên làm thế nào?”

Phật bảo A-nan:

“Ông hãy im lặng. Hãy lo nghĩ đến công việc của mình. Việc ấy đã có các Thanh tín sĩ vui vẻ lo liệu.”

A-nan hỏi đến ba lần:

“Sau khi Phật diệt độ, phép tảo táng nên làm thế nào?

Phật dạy:

“Muốn biết phép tảo táng thế nào thì nên làm theo cách tảo táng Chuyển luân thánh vương.”

A-nan lại hỏi:

“Phép tảo táng Chuyển luân thánh vương như thế nào?

Phật nói:

“Về phép tảo táng Chuyển luân thánh vương, trước hết lấy nước thơm tắm rửa thân thể; lấy vải bông mới quấn thân thể; dùng năm trăm tấm vải lần lượt quấn vào, rồi đặt thân vào kim quan. Sau khi đã tắm dầu mè, lại đặt kim quan trong một cái quách thứ hai lớn, bằng sắt, bên ngoài là lớp quách bằng gỗ hương Chiêm-dàn. Chất các thứ vải dày, hương thơm lên trên mà trà-tỳ. Trà-tỳ xong lượm lấy xá-lợi, dựng tháp treo phan thờ tại ngã tư đường để dân chúng đi ngang trông thấy tháp của Pháp vương mà tưởng nhớ lại chánh hóa của vua, đã làm lợi ích cho nhiều người.

“A-nan, ngươi muốn tảo táng Ta, trước hết lấy nước thơm tắm rửa thân thể; lấy vải bông mới quấn thân thể; dùng năm trăm tấm vải lần lượt quấn vào, đặt thân vào kim quan. Sau khi đã tắm dầu mè, lại đặt kim quan trong một cái quách thứ hai lớn bằng sắt, bên ngoài là lớp quách bằng gỗ hương Chiêm-dàn. Chất các thứ vải dày, hương thơm lên trên mà trà-tỳ. Trà-tỳ xong lượm lấy xá-lợi, dựng tháp treo phan thờ tại

ngã tư đường để dân chúng đi ngang trông thấy tháp của Phật mà tưởng nhớ lại đạo hóa của Pháp vương Như Lai, sống thì được phước lợi, chết thì sanh Thiên.”

Rồi Thế Tôn muốn trùng tuyên lại ý nghĩa này, Ngài thuyết bằng bài kệ:

*A-nan rời chỗ ngồi,  
Quỳ chắp tay bạch Phật:  
Như Lai diệt độ rồi,  
Phép tấn táng thế nào?  
A-nan, hãy im lặng,  
Hãy lo phân sự mình.  
Các Thanh tín trong nước  
Sẽ vui vẻ lo liệu.  
A-nan ba lần hỏi.  
Phật giảng táng Luân vương.  
Muốn tấn táng thân Phật,  
Quán thân, đặt vào quách.  
Dựng tháp ngã tư đường,  
Vì lợi ích chúng sanh.  
Những ai đến kính lễ  
Đều được phước vô lượng.*

Phật bảo A-nan:

“Trong thiên hạ có bốn hạng người nên dựng tháp và cúng dường hương hoa, phướn lụa, âm nhạc. Đó là những ai? Là Như Lai, Bích-chi phật, Thanh văn và Chuyển luân vương. Này A-nan, bốn hạng người này nên được dựng tháp và dùng hương, hoa, phướn lụa, âm nhạc để cúng dường.

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ:

*Thứ nhất là tháp Phật,  
Bích-chi phật, Thanh văn,  
Và Chuyển luân thánh vương,  
Chủ tể trị bốn phương:  
Bốn nơi đáng cúng này,  
Được Như Lai chỉ dạy:*

*Phật, Bích-chi, Thanh văn,  
Và tháp Chuyển luân vương.*

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan hãy cùng đi đến thành Câu-thi, tới giữa đám cây song thọ của dòng họ Mạt-la. A-nan đáp vâng. Rồi cùng với đại chúng đi theo Thế Tôn mà lên đường. Có một người Phạm chí từ thành Câu-thi đi đến thành Ba-bà, giữa đường, từ xa trông thấy Thế Tôn dung mạo đoan chính, các cẩn tịnh định. Thấy vậy, tự nhiên sanh tâm hoan hỷ, liền đi đến trước Phật, thăm hỏi rồi đứng sang một bên, bạch Phật rằng:

“Thôn tôi ở cách đây không xa. Kính mong Đức Cù-đàm đến đó nghỉ đêm. Sáng mai thọ thực xong hãy đi.”

Phật nói:

“Thôi đủ rồi, Phạm chí. Người nay đã cúng dường Ta rồi đó.”

Phạm chí ân cần thưa thỉnh tới ba lần, Phật vẫn đáp như trước, lại bảo Phạm chí:

“A-nan đừng sau kia, người đến đó tỏ ý.”

Phạm chí nghe Phật bảo liền đến gặp ngài A-nan, thăm hỏi xong, đứng sang một bên, thưa rằng:

“Thôn tôi ở cách đây không xa. Tôi muốn thỉnh Đức Cù-đàm đến đó nghỉ đêm. Sáng mai thọ thực xong hãy đi.”

A-nan đáp:

“Thôi đủ rồi, Phạm chí. Người nay đã cúng dường rồi đó.

Phạm chí ân cần thưa thỉnh tới ba lần.

A-nan đáp:

“Trời đã nóng bức, thôn kia lại xa, mà Đức Thế Tôn thì quá nhọc, không thể đến được đâu.”

Bấy giờ, Thế Tôn sau khi quán sát ý nghĩa này, bèn nói bài kệ:

*Đắng Tịnh Nhãn tiến bước,  
Mệt nhọc, hướng song thọ.  
Phạm chí xa thấy Phật,  
Vội bước đến, cúi đầu:  
Thôn tôi hiện gần đây,  
Xin thương, lưu một đêm.  
Sáng mai, cúng dường nhỏ,*

Rồi hãy đến thành kia.  
 Phạm chí, thân Ta mệt,  
 Đường xa không thể qua.  
 Người hầu Ta đi sau.  
 Hãy đến mà hỏi ý.  
 Vâng lời Phật dạy thế,  
 Bèn đến chỗ A-nan:  
 Xin mời đến thôn tôi,  
 Sáng mai, ăn rồi đi.  
 A-nan ngăn: thôi, thôi.  
 Trời nóng, không đi được.  
 Ba lần mời không toại,  
 Vé buồn rầu không vui.  
 Quái thay, hữu vi này,  
 Đổi dời mãi không thôi,  
 Nay giữa cây song thọ,  
 Dứt Ta, thân vô lậu.  
 Phật, Bích-chi, Thanh văn  
 Hết thảy đều quy diệt,  
 Vô thường không chọn lựa,  
 Như lửa đốt núi rừng.

Bấy giờ, Thế Tôn vào thành Câu-thi, đi về phía Bản sanh xứ, giữa khu rừng Song thọ của dòng họ Mạt-la<sup>111</sup> và bảo A-nan:

“Ngươi hãy sửa chỗ ở giữa cây Song thọ cho Ta nằm, đầu xây hướng Bắc, mặt xây hướng Tây. Sở dĩ như thế, vì giáo pháp của Ta sẽ lưu truyền lâu dài ở phương Bắc.”

A-nan đáp: “Vâng”. Rồi dọn chỗ, cho đầu xây về phương Bắc. Rồi Thế Tôn tự mình lấy y Tăng-già-lê gấp làm tư, đắp lên mình, nằm nghiêng hông tay mặt như sư tử chúa, hai chân chồng lên nhau. Lúc đó giữa đám cây Song thọ có các quỷ thần vốn dốc lòng tin Phật, lấy các thứ hoa sái mùa rải khắp mặt đất. Phật bảo A-nan rằng:

<sup>111</sup> Bản sanh xứ Mạt-la song thọ 本生處末羅雙樹; No.7 (Đại I tr.199a): Lực sĩ sanh địa sa-la lâm 力士生地娑羅林; Pāli: Kusinārā-Upavattana-Mallānam antarena yamaka-sālānam, Kusinārā, sinh địa của Mallā, giữa những cây Song thọ.

“Vị thần cây Song thọ ấy lấy hoa sái mùa cúng dường cho Ta như thế, chưa phải cúng dường Như Lai.”

A-nan thưa:

“Sao mới là cúng dường Như Lai?”

Phật dạy:

“Người nào biết lanh thọ và thực hành đúng Chánh pháp, mới là người cúng dường Như Lai.”

Quán sát ý nghĩa này, Phật nói bài kệ:

*Phật ở giữa Song thọ,  
Nằm nghiêng, tâm không loạn.  
Thần cây tâm thanh tịnh,  
Rải hoa lên trên Phật.*

*A-nan hỏi Phật rằng:  
Thế nào là cúng dường?  
Nghe pháp và thực hành,  
Cúng dường bằng hoa giác.  
Hoa vàng như bánh xe,  
Chưa phải cúng dường Phật.  
Ấm, giới, nhập vô ngã,  
Là cúng dường bậc nhất.*

Lúc đó ông Phạm-ma-na<sup>112</sup> cầm quạt đứng hầu quạt trước Phật, Phật bảo:

“Ngươi hãy tránh ra, chớ đứng ở trước Ta.”

A-nan nghe vậy thầm lặng suy nghĩ: “Phạm-ma-na thường hầu hạ Phật, cung cấp mọi sự cần thiết, tôn kính Như Lai không hề chán nản. Nay vào ngày cuối cùng, lẽ để cho ông chăm sóc, chứ sao Phật lại đuổi đi, là có ý gì?” Rồi A-nan sửa lại y phục, đến trước Phật, bạch rằng:

“Phạm-ma-na thường hầu hạ Phật, cung cấp mọi sự cần thiết, tôn kính Như Lai không hề chán nản. Nay vào ngày cuối cùng, lẽ để cho ông xem sóc, chứ sao Phật lại đuổi đi, là có ý gì?”

Phật nói:

<sup>112</sup>. Phạm-ma-na 梵摩那, No.7: Ưu-bà-ma-na 優婆摩那; Pāli: Upavāṇa.